

PHỤ NỮ TÂN VĂN

Số báo Mùa Xuân
1932



Giá: 0\$ 20

SỔ MÙA XUÂN 1932

**XUẤT BẢN NGÀY
4 FÉVRIER 1932**

PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

CHÚC XUÂN



*Vạn mây ba trăm sáu chục lần,
Địa cầu mờ mặt nét hân hân.
Muôn loài sanh sắc trời non lại ;
Ngàn dặm đưa hương gió dịu dân.
Tiếng pháo nổ tan hôn thù cựu,
Màu hoa trang rỏ vẻ duy tân.
Nàng cao chén rượu cùng xuân chúc :
Mời nước non này, mời cả dân !*

PHỤ NỮ TÂN VĂN



LỜI NÓI ĐẦU SỔ MÙA XUÂN THỨ NHỊ

PHỤ NỮ VIỆT NAM BU'ÓC QUA MÙA XUÂN NĂM 1932



Thi-giờ như nước chảy, mới đó đã tới mùa xuân năm 1932.

Mùa xuân năm 1932 chẳng có gì khác với mùa xuân năm 1931 cùng hết thấy những mùa xuân trước nó ; có khác chăng chỉ là cái cảm-tưởng của người đời đối với nó mà thôi.

Phụ-nữ Tân-văn, kể theo tuổi tây, đến năm 1932 này là ba tuổi. Ba tuổi, đáng lẽ đã trải qua ba mùa xuân. Trải qua ba mùa xuân, đáng lẽ mỗi mùa có một số báo đặc-biệt theo như đã định từ trước. Vậy mà số báo đặc-biệt ấy của *Phụ-nữ Tân-văn*, đến số này mới là số thứ nhì, nghĩa là trải ba mùa xuân rồi mà chỉ có hai số : đều đó đã nảy ra cho độc-giả cùng chúng tôi một cái cảm-tưởng như thế nàc, tiếc không có tài miêu-tả cho khéo mà miêu-tả ra đây !

Đã đành là sự may. Xuân đi rồi xuân lại về ; *Phụ-nữ Tân-văn* tuy có vắng tiếng im hơi trong xuân trước, rồi đến xuân nay cũng lại trở về với xuân. Cái sự may ấy thì đã đành.

Từ ngày « tái sanh » đến nay, *Phụ-nữ Tân-văn* vẫn được hoan-nghinh trong xã-hội. Mở mắt nhìn ra, non sông vẫn gấm-vóc, hoa cỏ vẫn tươi cười, tiếng oanh vàng tim bạn vẫn cùng nhau xướng-họa, đâu những ngày chẳng phải xuân mà cảnh thì vẫn như xuân cũ ; duy có tấm lòng sồn mãi còn đeo nặng một vết thương. Tủi mình tài hèn sức nọn, tự mình không làm chủ được cho vận-mạng của mình ; cái tấm lòng trinh-bạch chưa chịu thừa kia, chỉ là cái vữa đủ cho không hồ với lương-tâm, chờ đâu dám đem mà khoe cùng thiên-hạ ! Tương-lai của nước nhà làm sao ? Tiền-đô của phụ-nữ làm sao ? Bồn phận mình đối với những cái ấy làm sao ? Nghĩ đến những nông nỗi ấy, người trong cuộc lại còn thêm chạnh lòng lai-láng muôn phần !

Vậy thì nghe chim kêu chỉ giục lòng cố-quốc ; xem hoa nở chỉ sức nhớ tới mà lo cho cái xuân-

xanh của nam-nữ thanh-niên ; trong khi cất chén rượu mừng xuân, ai thế nào mặc ai, người hữu-tâm luống những sắp lưng mà ngậm câu « nỗi mình có biết !... » Quã vậy, xuân này khác với xuân trước, cũng bởi những cái cảm-tưởng ấy mà nó khác.

Tờ báo sống cũng như con người ta sống. Sống để mà nói, mà làm, mà hoạt-động ; không phải sống để mà sầu, mà căm, mà than vãn thở dài. Tờ báo sống mà không hết cái bồn phận nói và làm thì vô ích, cũng như người ta sống một cách vô-vị thì mất cái ý-nghĩa sự sống của người ta.

Phụ-nữ Tân-văn chẳng những đã sống mà lại đã chết. Người ta nếu ai cũng chết đi một lần rồi sống lại, thì cái sống lần sau đó ắt phải có giá-trị hơn, vì mình đã trải qua cái chết mà sanh ra sự tiếc và ăn-năn về cái sống lần trước. Nếu vậy, cái vắng tiếng im hơi của *Phụ nữ Tân-văn* trong xuân trước, chẳng còn phải là cái vết thương nữa, mà chính là sự thử-thách, sự dạy-bảo, trải một bước gian-nan, tăng một từng duyệt-lịch, hầu để thêm cái hứng-vị của sự sống trong xuân này đó chi. Nếu vậy thì hẳn đẹp bao nhiêu những mối xuân-sầu xuân-căm lại một bên, mà cùng nhau sách-lệ về những điều nên nói nên làm, nó đã đến cho ta tận trước mặt.

Nhờ lại cái sống kiếp trước, *Phụ-nữ Tân-văn* đã nói những gì, đã làm những gì, vẫn còn in trong trí mình, cũng còn in trong trí mọi người. Những điều ấy, trải qua một lần chết, chẳng đến nỗi làm cho tiếc và ăn-năn ; mà nhờ một lần chết ấy, biết được rằng ở dưới cái tinh-thể của chúng ta đây, cái nói chẳng bằng cái làm là có ích-lợi thật. Vì vậy mà trong kiếp này, *Phụ-nữ Tân-văn* chẳng những chú-trọng ở một sự nói mà càng chú-trọng ở sự làm hơn.

Nói vậy, chẳng phải để tỏ mình ra khác với các bạn đồng-nghiep. Và chẳng các báo khác đều là làm cơ-quan phổ-thông của quốc-dân, có thể chia



đường cùng nhau mà đi tới, kể nói cứ nói, người làm cứ làm. Còn Bồn-báo làm co-quan riêng của phụ-nữ, hết thấy công-việc của phụ-nữ đều có thể nhận là công-việc của mình mà nói tới đầu, làm tới đó. Sự ấy đã thấy ra trong cái thái-độ của tờ *Phụ-nữ* từ bấy lâu nay ; nhưng chúng tôi còn muốn sao cho được thiết-hiện ra một cách tỏ-rang hơn nữa từ mùa xuân này.

Sự nói là cái bổn-phận của *Phụ-nữ Tân-văn*, chứ sự làm thì phải kể chung là của toàn-thể phụ-nữ Việt-nam, vì chẳng phải lấy sức một mình ai mà làm việc gì được, song phải cậy cả sức chung của phụ-nữ. Bởi vậy, gặp mùa xuân mới, muốn giải-bày cùng độc-giữ một vài tâm-sự, chúng tôi phải trình-trọng mà nêu lên rằng : Phụ-nữ Việt-nam bước qua mùa xuân năm 1932.

Nói phụ-nữ Việt-nam bước qua mùa xuân năm 1932, thế đã đủ tỏ ra rằng không còn phải là phụ-nữ Việt-nam ở năm 1931 về trước ; nghĩa là phụ-nữ Việt-nam đã tấn-bộ, mà sang năm 1932 này lại còn tấn-bộ hơn.

Sự tấn-bộ ở đâu ? Lấy cái dấu-vết nào mà chỉ ra sự tấn-bộ ? Đem những cái hiện-tượng từ trước ra mà trả lời cho câu hỏi đó, chúng tôi tưởng không thiết-thiết cho bằng phát-biểu những sự dự-định về sau. Những cái hiện-tượng từ trước đã bày ra hoặc trong việc học-hành, hoặc trong việc từ-thiện, hoặc đến trong việc chánh-trị nữa, còn ai mà chẳng nghe chẳng thấy ? Chỉ có những sự dự-định về sau này, mới ở trong kế-hoạch mà chưa lọt vào tai mắt, trông nên thừa dịp tuyên-bố lên đây, hầu cho giục-giã nhau đề chong thành-công. Sách có chữ : « *Nhứt niên chí kế tại ư xuân* », vậy thì đương mùa xuân mà tính trước những việc sắp làm trong một năm, nào có phải là không đáng ?

Phụ-nữ Việt-nam bước qua mùa xuân năm 1932, trọng cái làm hơn cái nói ; mà làm thì làm những gì ? Chúng tôi xin kể ra dưới đây ba việc.

Một là Hội Dục-anh.— Việc này do phụ-nữ Saigon đề-xướng ra, tính trước hết thi-hành ở Saigon, rồi về sau, nếu đủ sức sẽ thi-hành khắp Lục-tỉnh.

Cái chủ-ý lập Hội Dục-anh ra là để nuôi giùm con-nít cho những gia-đình nào nghèo-khó không đủ sức nuôi. Ở các nơi đó-hội, thiêu gì những nhà mà vợ chồng cả ngày đi làm thuê, bỏ con nhỏ ở nhà, đói không ai cho bú cho ăn, khóc không ai dỗ ; tình-cần có-dơn mà chẳng biết cậy dựa vào đâu. Hội Dục-anh nhằm những chỗ tiện-lợi mà lập ra những nhà nuôi trẻ con, ở đó sẽ có đủ những

đồ ăn, đồ chơi, người săn-sóc ; nhà nào có con nít mà bị đi làm, không chăm-chút được, sẽ đem đến đó mà gởi ; hoặc gởi luôn, hoặc gởi buổi mai rồi chiều hồng về. Ấy là một việc làm phước, rất có ích cho anh-em chị-em lạc-động.

Hội Dục-anh ở Saigon đã có rồi. Ấy là do bà Béziat cùng đồng-chi bà, các bà-dầm Langsa, đã xướng lập ra một sở tại Tân-định ; bấy giờ Bồn-báo có cổ-dộng hộ và phụ-nữ ta cũng có giúp công giúp của vào rồi. Đến như Hội Dục-anh nói đây là do phụ-nữ ta, các bà có hăng-tâm hăng-sân đề-xướng và chủ-trương, không có dính-dấp gì với của bà Béziat hết. Cái công-cuộc này có chừng nào, hay chừng nấy ; nếu sau khi lập ra ở Saigon thành-hiệu rồi, có dự công dự của mà dần-dần khoáng-trương cho khắp Lục-tỉnh đều có, thì thật là phước cho con trẻ biết bao, đỡ-dần cho những nhà nghèo-khó biết bao.

Như lời Bồn-báo đã rao trong mấy số trước, các bậc nữ-lưu tri-thức ở Saigon đã xin phép lập ra cái hội, kêu là « Hội Dục-anh », đặt có thi-hành việc từ-thiện trên đó. Bắt đầu định lập một sở ở Cầu-kho, là nơi nhiều người lao-động ở hơn hết ; sở này như một chỗ thi-nghiệm và làm mô-phạm, rồi sau sẽ có nhiều sở khác kế-tiếp mở ra khắp cả Saigon.

Hai là Nữ-công-triễn-làm-hội.— Mục-dịch hội này là để khuyến-khích các công-nghệ của phụ-nữ. Sự toan lập ra nó là bởi cuộc chợ-dém hôm 7 Novembre mở ra giúp nạn-dân Nghệ-Tĩnh, trong đó có một ban Đấu-xảo nữ-công của Bồn-báo tổ-chức đã được kết-quả rực-rỡ lắm mà làm cho chúng tôi nảy ra một cái sáng-kiến hay. Coi như ban Đấu-xảo đó thì những vật do tay phụ-nữ ta làm ra, như bánh, mứt, đồ thêu, đồ may, cùng nhiều món khác, thật là tinh-xảo chẳng kém ai. Phải chi hằng năm có một ban như vậy mở ra, để cho chị em xem-coi nhau, tranh-đua nhau, thì các thứ công-nghệ của bọn mình ắt mong được mỗi ngày mỗi thêm tinh-xảo. Vì nghĩ như vậy, phụ-nữ ở Saigon bèn quyết-ý mở cuộc đấu-xảo ấy trong mỗi năm, gọi là « Nữ-công-triễn-làm-hội ».

Việc này muốn làm chẳng phải là khó-khăn chi lắm, chỉ phải dự-bị trước trong vài ba tháng mà thôi. Hoàng chi hiệu nay đã có « Cuộc đấu-xảo phụ-nữ mỹ-nghệ ở Huế » bắt đầu từ 23 Décembre 1931 đến 3 Janvier 1932, cũng đã có thanh-tích tốt-đẹp, thì cũng là một cái bước cho chị em ta noi theo đó vậy. Hội này mở ra trong hằng năm thì chẳng-những chị em được khuyến-khích nhau về



đường công-nghệ, mà những người ở nơi xa, cách nhau mấy trăm dặm, năm nào cũng sẽ hiệp mặt được một lần, đề mà làm quen nhau, trao-đổi ý-kiến cùng nhau, há chẳng phải là một công-mu được luôn hai việc ư ?

Ba là Nữ-lưu học-hội.—Phụ-nữ chúng ta đã chịu một sự thiệt-thòi từ xưa đến nay, là sự không được học. Vài chục năm nay tiếng rang đã mở-mang nữ-học, kỳ-thiệt mới một số rất ít được chịu giáo-dục mà thôi, còn những kẻ vì cảnh-ngộ hoặc vì niên-hạn mà thất học biết bao nhiêu. Ngày nay chúng ta muốn cho mình tấn-tới kịp bên nam-giới và lan-lan hưởng trọn cái quyền-lợi làm người, thì cần nhất là chúng ta phải có đủ tri-thức; mà muốn vậy thì còn gì cho bằng học ? Nữ-lưu học-hội đã được nhiều người hoan-tinh lập nên là vì cơ ấy.

Kêu rằng « học-hội », nó có cái tánh-chất học, nhưng chúng phải học mà tập đọc, tập viết, tập tính như trong các trường đàu. Những chị em hai, ba, hoặc bốn, năm chục tuổi, có chồng, có con, công-việc nhà làm không hết, có lẽ nào và có thể nào hằng ngày ôm sách đi hai buổi như các cô nữ-học-sanh ? Những người ấy, học thì đành không học được nữa rồi, song tri-thức còn kém thì cần phải kiếm thêm, vậy phải có chỗ cho họ tới đó mà tìm tri-thức. Chỗ ấy, tức là Nữ-lưu học-hội sau này.

Học-hội ấy sẽ do một bọn phụ-nữ lập ra và đứng chủ-trương. Đại để dạy nhau bằng cách nói

chuyện, ai cũng có thể nghe mà hiểu được hết, ấy tức là học đó. Chỉ cần có một căn phố rộng, bàn ghế cho nhiều, mỗi tuần lễ mấy lần, mời những tay thông-thái đến giảng về vấn-đề cần-yếu cho chị em nghe; mà bất luận sang hèn, ai muốn học đều có thể tới đó ghi tên vào mà nghe giảng. Ấy chẳng qua một cái phương-pháp cứu-cấp cho cái nạn đói-khát về sự học, mà là cái phương-pháp rất hay, đã kiến-hiệu nhiều ở các nước.

Ba việc trên đó, chúng tôi ước sao được bắt tay làm cả trong năm nay. Mà vạn-nhất có điều gì trở-ngại, không thiệ-hành hết cả được, là chúng tôi cũng quyết thiệ-hành một hai việc; rồi còn thì lưu-hạ cho cái chương-trình năm tới.

Hơn một thế-kỷ này, khắp thế-giới phụ-nữ đều tỉnh ngộ ra mà lo làm phươg này thế nọ cho được mở mắt giữa loài người. Sự ấy đã thành ra một cái danh-từ kêu là « Phụ-nữ-vận-động. » (*Le féminisme*). Khắp các nước Á-châu ta, nước nào cũng đã có cuộc vận-động ấy, duy nước ta chưa có, mà tất-nhiên rồi cũng sẽ có. Những việc làm của phụ-nữ chúng ta hôm nay chỉ là dự-bị cho cuộc vận-động ấy hôm sau, chưa biết ngày nào.

Chẳng những nói mà làm, vừa nói mà cũng vừa làm, cái thái-độ của phụ-nữ Việt-nam trong năm 1932 là như vậy.

Tập *Tân-văn* này làm cơ-quan cho phụ - nữ, sẽ lấy chung một cái thái độ ấy mà đứng giữa quốc-dân.

Phụ nữ tân văn





MỘT ÍT NGHIÊN-CỨU VỀ VĂN-HỌC

卐 THẦN MÙA XUÂN, CỦA BABYLON 卐 LÀ ĐÀN ÔNG, CỦA HYLAP LÀ ĐÀN BÀ

Bốn mùa trong một năm, có mùa xuân là tốt đẹp hơn hết, vui vẻ hơn hết, đáng yêu hơn hết. Xuân ví như một người lữ-khách đi xa lâu lâu lại trở về nơi cố-hương là trái đất một lần. Mỗi khi xuân về, hoa nở như gấm thêu, cỏ xanh-mướt như khâm trải, chim kêu riu-rít như đờn như sáo, muôn vật hớn-hở như đua nhau mà sống, cả trời đất như đầy-dẫy sự vui-sướng và trông-mong. Chẳng bởi cái nghị-định nào hay cái chỉ-dụ nào hết, tự-nhiên thủ-tiêu cái cảnh ầu-sầu thăm-đạm mùa đông mà ban-bổ cái chành-lịnh mới, đổi cả mây-mặt non sông, làm một việc đại-cải-cách mà không khoe công, không kể ơn, ới, như thế, loài người mới đáng cúi mình trước mặt Tạo-hóa!

Mà đừng trách. Loài người chẳng qua là một vật trong muôn vật, đã gởi thân giữa trời đất thì trách sao được sự bủn-xỉn nhỏ-nhen? Bởi vậy, đối với xuân, loài người chẳng những không dám so-bì, mà cũng như cái hoa, sợi cỏ, con chim, hễ gặp xuân thì đón rước tươi cười, ca-tụng cái đức thi-sanh, cảm-tạ cái ơn phát-dục.

Bởi cái tâm-lý ấy mà trong văn-học nước nào cũng vậy, hết một phần lớn là tài-liệu của mùa xuân. Nào những xuân-phong, xuân-sắc, xuân-tâm, xuân-tinh, xuân-mộng..... là chữ đề điềm-chuyết câu thơ câu phú, kể ra còn biết bao nhiêu. Cho đến Đức Thánh Không chính tay cầm bút dọn sử thành kinh, cũng mở đầu chép « Xuân vương chành-nguyệt ». Lại cho đến cụ Tiên-diễn ta hóa thân Phong-tinh-lục ra ca lục bát, cho Kim Kiều gặp nhau trong mùa nào chẳng được, lại phải cho gặp nhau lúc « Thanh-minh trong tiết tháng ba »? Vậy cho biết cái nhiệt-tình của loài người đối với xuân lại còn đậm-dà hơn muôn vật nữa, bởi đã đua nhau mà vịnh-ca nó, xưng-tụng nó, để nó chiếm một phần lớn trong văn-học.

Các dân-tộc bên Tây đối với xuân, tưởng lại còn sôi-sảng hơn người phương-Đông ta nhiều. Trong

văn-học Âu-châu, những tài-liệu mùa xuân lại còn phong-phú và mỹ-lệ đến đâu. Sự này ta phải nhìn cho cái quan-hệ ở địa-lý. Vì ở xứ lạnh chừng nào, người ta đã chịu khổ với mùa đông chừng nào, thì đối với mùa xuân lại có cảm-tình nồng-nàn hơn chừng-nấy.

Học-giả Âu-châu đã từng nghiên-cứu mà truy-nguyên ra văn-học đời nay là bởi những thần-thoại đời xưa. Nói riêng về xuân, cũng có thần-thoại của nó, mà rồi văn-nhân đời sau thấy đều lấy tài-liệu ra ở đó.

Cứ theo thần-thoại Ba-by-lon thì thần mùa xuân là đàn-ông, là một chàng thiếu-niên đẹp trai và phong-nhã; khi chàng ở trên trái đất thì là mùa xuân vui-vẻ, mà khi chàng đi khỏi, trái đất trở nên lạnh-lẽo, buồn-bã, thì là mùa đông.

Vị thần thiếu-niên của người Ba-by-lon đó tên là Tammuz, thần coi việc sanh-dưỡng, nên cũng gọi là Xuân-thần.

Theo lời truyền-thuyết đời xưa thì mẹ của Tammuz bởi hoang-thai mà sanh ra chàng. Vì cỡ ấy, cha của bà ấy không vui lòng, tình hễ đẻ ra thì bẻ nãi cũng giết đứa con đi mới ung-bung. Người mẹ lo-sợ, mà chẳng dám tỏ cùng ai, chỉ có đêm ngày cầu-đào khẩn-nguyện với Thần-minh. Các thần thấy tội-nghiệp, bèn cho bà hóa ra cây sanh, rồi từ trong thân cây nứt ra một đứa con trai xinh-xắn và vạm-vỡ, tức là chàng Tammuz đó vậy.

Khi Tammuz ra đời đoạn, mẹ chàng thương-yêu bầu-xót, coi như ngọc như vàng; chín e cha mình mưu hại lần nữa, bèn đóng một cái rường, bỏ đứa bé vào mà gởi cho bà Hoàng-hậu ở Âm-phủ, nhờ nuôi giùm cho mình.

Tammuz ở dưới Âm-phủ càng ngày càng khôn-lớn nên người, thì quả là một chàng thanh-niên mọi vẻ mọi được, chẳng ai bằng. Hoàng-hậu khi ấy từ yêu mến chàng, rồi đoạt làm của mình mà không chịu trả về Dương-gian cho mẹ đẻ.

Người mẹ tức mình không chịu, đem đầu-đuôi công việc mà kiện trước mặt Thượng-đế. Thượng-



để cũng muốn cho hai bên đều được việc và huề với nhau, bên phân dạy Tammuz mỗi năm ở với mẹ đẻ trên đất bốn tháng, và ở dưới Âm-phủ với Hoàng-hậu bốn tháng, thế là êm chuyện.

Theo thuyết ấy thì còn bốn tháng nữa Tammuz ở vào đâu? Nền lại có một thuyết khác nói rằng Tammuz ở Dương-gian nửa năm, ở Âm-phủ nửa năm, người mẹ đẻ với bà Hoàng-hậu chia đôi mùa xuân với nhau.

Bởi vậy, đời xưa, mỗi năm đến ngày Tammuz sắp lìa thế-giới sáng-sủa này mà xuống nơi Âm-gian mờ-tối, thì người tã cũ-hành một cái lễ rất là ai-thảm để tỏ tình quyến-luyến, không nỡ biệt Xuân-thần. Trong lúc cũ-hành cái lễ đó, cả con trai con gái đều khóc mà hát bài «Ai-ca Tammuz» (*Lamentation de Tammuz*). Trong bài Ai-ca ấy có một câu hát lặp như vầy: «Tammuz!... Chẳng còn sống ở nhân-gian nữa!» Và lại, cái tục ấy cũng còn sót dấu trong Kinh Cựu-uớc, sách Exé-chi-ên đoạn 8, câu 14 nói rằng: «Ngài dẫn ta đến lối vào cửa nhà Đức Giê-hô-va, cửa ấy về phía bắc; này, tại đó ta thấy những đàn-bà ngồi mà khóc Tammuz!»

Song đến mùa xuân, là lúc Tammuz trở lại Dương-gian, tức-thì mặt đất tiêu-tụy kia liền có sanh-khí, bao nhiêu cái mặt sầu-thảm đều đổi ra vui-cười; người ta ai nấy lại cao-hừng, mở ra những yến-tiệc linh-dinh mà khánh-chúc Xuân-thần trở lại, ấy là «Tiết nghinh xuân».

Còn cứ theo thần-thoại Hy-lạp, thì Xuân-thần là đàn-bà, là nàng thiếu-nữ nhân-tử và mỹ-lệ, tên gọi Proserpine.

Proserpine là con gái của nữ-thần Cères, hằng ngày giúp mẹ mình rải ánh-sáng mùa xuân ra cho dân-gian, làm cho lúa-thóc và mọi thứ trái cây được sai triu, đẻ mà về-vời cho trái-đất được đẹp đẻ, giúp cho loài người được ấm uo. Mỗi khi nàng làm công-việc xong rồi thì đi tìm các nữ-thần là bạn của mình, như thần Núi-non, thần Sông-suối, mà thưởng hoa và hát-xướng làm vui. Sau khi đó lại trở về với mẹ.

Một hôm, nàng làm xong công-việc, đương chơi với các nữ-thần, hái các thứ bông mà cắm trên mái tóc, và cười reo nơi khe-suối. Bỗng có vua Âm-phủ là Pluto, như đi tuần trên đất, đi ngang qua đó, thấy nàng lịch-sự thì bắt mà chở trên xe mình. Khi bấy giờ Proserpine sợ hoảng, vùng vẫy đã không thoát khỏi, mà kêu la cũng chẳng được chi, bèn bị Pluto đem luôn về dưới đất, ép làm hoàng-hậu.

Mẹ nàng ở nhà trông càng ngày càng tối mà

chẳng thấy con về, bèn cất thân ra đi kiếm. Vần có nhiều vị thần biết sự nặng thân kia bị bắt hiếp, nhưng ai nấy đều sợ oai-thế Pluto, chẳng dám nói ra. Bà Cères lên hỏi đến thần Mặt-trời, vị này có gì mà chẳng biết, thế mà cũng lắc đầu nói không. Bà đi kiếm con đã cùng khắp cả mà không thấy; trong lòng như nung như nấu, và công-việc cũng bỏ bễ, khi ấy trên đất đã đổi ra vẻ ảm-hiu, khác nào như người mẹ lạnh mắt con, buồn rầu không xiết!

Nữ-thần Cères đi đã mỗi quá, phải ngồi trên một hòn đá luôn chín đêm; ngày thì mặt trời dội vào gò má có những nước mắt chứa-chan, đêm thì các ngôi sao lộ mặt ra hầu làm bạn trong cơn vắng-vẻ. Đoạn lại đứng dậy đi, đi đến một cou sông, mới phảng l然 được tông-tích con gái mình ở đó.

Nguyên lúc Pluto cướp Proserpine đi ngang qua sông này, có làm rớt một sợi giây lưng của nàng. Người mẹ nhìn được cái di-vật ấy của con mình, lại nghe thêm được cái tin của một nữ-thần khác báo cho, bèn biết hết đầu đuôi, con gái mình đương làm hoàng-hậu vua Âm-phủ, tiếng là tôn-qui cao-trọng mà kỳ-thiệt là bị giam trong chốn âm-ế thâm-sâu.

Nữ thần Cères bèn tốc thẳng lên thiêu-cung mà kiện với Đại-thần Zeus, và xin hết sức cứu con gái mình ra khỏi tay Pluto. Zeus lập tức sai sứ-giả xuống Địa-phủ, khuyên Pluto thả hoàng-hậu mình về Dương-gian. Pluto nghe mạng lệnh của Zeus, không dám trái đã đành, nhưng đối với mỹ-nhân, có lẽ nào cắt đứt mối tình cho được? Bèn lập ra mưu-chước làm cho nàng phải mắc.

Lúc sửa-soan đưa đi, Pluto bày tiệc, toàn là các thứ hoa-quả. Proserpine không chịu ăn. Nhưng Pluto ép riết, nàng phải ăn hết bốn hột lựu. Vừa khi ấy thì nàng đã tỉnh biết là mình mắc mưu rồi! Bởi vì mỗi hột lựu, tức là một tháng, mà nàng nhận lễ-vật của Pluto bốn hột lựu, thế là phải ở với Pluto bốn tháng.

Từ đó mỗi năm Proserpine ở với mẹ mình tám tháng đặng giúp việc nông tang; còn bốn tháng kia, thì phải về ở với vua Âm-phủ. Hễ khi là ngộ-đồng thứ nhứt ở trên cây vừa rụng xuống, thì Pluto đem chiếc xe đen lừ rước vợ mình về chốn Âm-cung mà vầy duyên kháng-lệ. Cờu khi cái mầm thứ nhứt trong đất nứt lên, thì sứ-giả trên trời liền xuống rước Xuân-thần về nhân-gian. Khi ấy muốn vật đều hơn-hở màng: cái hoa cười, con chim kêu, sáu-bộ nhẩy-uhót để rước xuân về đến. Vì dầu hai mẹ con nữ-thần không lấy làm vui lòng, mà vì số-mạng đã định, có Đại-thần Zeus làm chủ, thì cũng chẳng biết làm sao!

Ái có đọc văn Tây, bất kỳ của nước nào, cũng



đã thấy hai cái điển trên này được dùng ra nhiều lần rồi. Hai điển, một nói Xuân-thần là đàn-ông, một nói Xuân-thần là đàn-bà, tuy cái tượng-trung (Symbole) khác nhau mà dụng ý thì có một. Bởi mùa xuân đối với sự sanh-hoạt của loài người, có ảnh-hưởng lớn lắm; mà trong một năm không phải là xuân hết, vậy thì khi nó đi, khi nó ở, loài người đối với nó, nên có tình quyến-luyến là dường nào! Thần -thoại của các dân-tộc bên Tây kể cho Xuân-thần là nam hoặc nữ, cũng có ái-tình như người ta, hẳn cho người ta được tỏ cái tình quyến-luyến ấy với xuân một cách trực tiếp vậy; không như Xuân-thần của ta, nói là thần Câu-mang, ở phương đông, mình chim, mặt người, cỡi hai con rồng (thấy trong Sơn-hải-kinh), thì đã ra dị-loại, khó mà mật-thiết với loài người!

Ông Lý Hậu-chủ có câu rằng:

« Lưu thủy lạc hoa xuân khứ dã! Thiên thượng? nhân gian? »

Ấy là lúc mùa xuân qua rồi mà tỏ ý bi-cảm và kinh ngạc, đại khái nói như vậy: « Xuân đi mất rồi, như nước trôi hoa rụng! Mà đi đâu? đi về trên trời hay là đi về nhân-gian? » Cái ý bi-cảm kinh-ngạc ấy tỏ ra trong lúc xuân đi, cũng như cái ý ca-tụng hoan-nghinh trong lúc xuân tới, vì vậy mà bởi cái xuân đã sanh ra một mở thần-thoại, một mở tài-liệu về văn-học.

PHAN-KHÔI

CÙNG NÊN BIẾT

Xe-hơi ở Huế-kỳ

Ta nghe nói nước Huế-kỳ có đến 23 triệu cái xe hơi, sao sao ta cũng trầm trồ, nhưng ta có biết, mỗi năm, thử ngựa mây ấy nó giết chết hết bao nhiêu mạng người không?

Có người tính thử thì thấy: năm 1927, xe-hơi cán chết hết 26.618 người (bằng số dân một thành-phố), và nhiều hơn năm 1926 đến 1.316 người.

Cộng chung bốn năm kể đó: 1928, 1929, 1930 và 1931 lại thấy số người chết về xe-hơi đến 99.318 người, gần bằng hai số người Huế-kỳ tử trận trong cơn giặc 1914-1918.

Xe hơi làm chết người, lại cũng làm tổn hao tiền bạc chẳng ít. Trong các tai nạn trên đây, làm cho người ta phải tổn hao đến 16 ức (16 milliards) đồng vàng Huế-kỳ!

Ông Pierre Loti có nói: « Thử xe mà tiện dụng cho nhơn-loại hơn hết, là chỉ có thử xe bù-ệt (brouette) ». Ông nói thế có đúng không?

TÂN TIÊU LÂM

THẦY THUỐC BẮT MẠCH

Có một ông thầy-thuốc có tiếng đủ lâu, vì ông bắt mạch giỏi lắm, hề cầm tay người bệnh là biết hết trong mình đau những gì và trở chứng về đâu.

Ông có một tên học trò, hề khi nào ông đi thăm mạch cho ai, thì nó đi theo để mà học-lập, và nó học-lập cặn-mặn, chỗ nào không hiểu, nó hỏi liền.

Một hôm, ông đi thăm mạch cho một người bệnh, có tên học-trò ấy đi theo như mọi khi. Lúc ông mới bước vào chỗ phòng người bệnh nằm, đảo nhìn coi từ tang, rồi mới ngồi xuống cạnh giường mà bắt mạch. Cầm tay người bệnh giây lát, ông thầy nói rằng:

— Không nghe lời thầy, sao cho bệnh lành động? Thì tôi đã cầm đũa của cậu, sao còn ăn? Bệnh hôm nay trở rồi, báo hại chưa?

Người bệnh chối ngang, nói mình chưa hề ăn gì hết. Nhưng ông thầy gan ri-t, và nói nếu không khai thật ra cho ông chữa, để chết thì chịu lấy. Người bệnh bèn thú thật rằng mình mới có ăn một trái quít.

Lúc đi về dọc đường, tên học-trò ngẩn ngẩn lấy làm tát quá, làm sao coi mạch lại biết được mới có ăn của cậu? Nó bèn khẩn-khất xin ông thầy giảng dạy cho môn-nhiệm đó cho nó.

— Mày khờ quá, ông thầy nói, khi tao vô phòng một cái là tao đã ngó từ tung rồi, tao ngó trật xuống dưới giường thấy có cái vỏ quít còn tươi roi-rói, thì tao đoán ngay là nó ăn quít.

Tên học-trò nhớ đều đó nhập tâm.

Về sau, tên học-trò ấy nổi làm thầy thuốc. Ngày kia, đi thăm một người bệnh, khi cầm tay bắt mạch rồi, anh ta cũng lắc đầu mà nói cùng người bệnh rằng:

— Không nghe lời thầy, sao cho bệnh lành động? Thì tôi đã cầm ăn thịt gà, sao còn ăn? Bệnh hôm nay trở rồi, báo hại chưa?

Người bệnh là một tay thân-hào trong miền đó, nói cùng thầy thuốc rằng:

— Không, ai khờ khạo gì lại không giữ lời thầy. Thịt gà thì tôi không có ăn thịt gà đâu, thầy đừng tưởng...

Nhưng anh thầy nói quyết cầm bằm, lại mắng xối người bệnh, sao đã ăn vô miệng rồi còn chối? Người bệnh tức giận, rầy lộn với thầy, rồi sức dầy-rỏ đuổi cổ đi.

Anh thầy này, thấy mình nói không linh nghiệm, bèn tới hỏi ông thầy đã dạy và hồi trước. Ông thầy bèn hỏi:

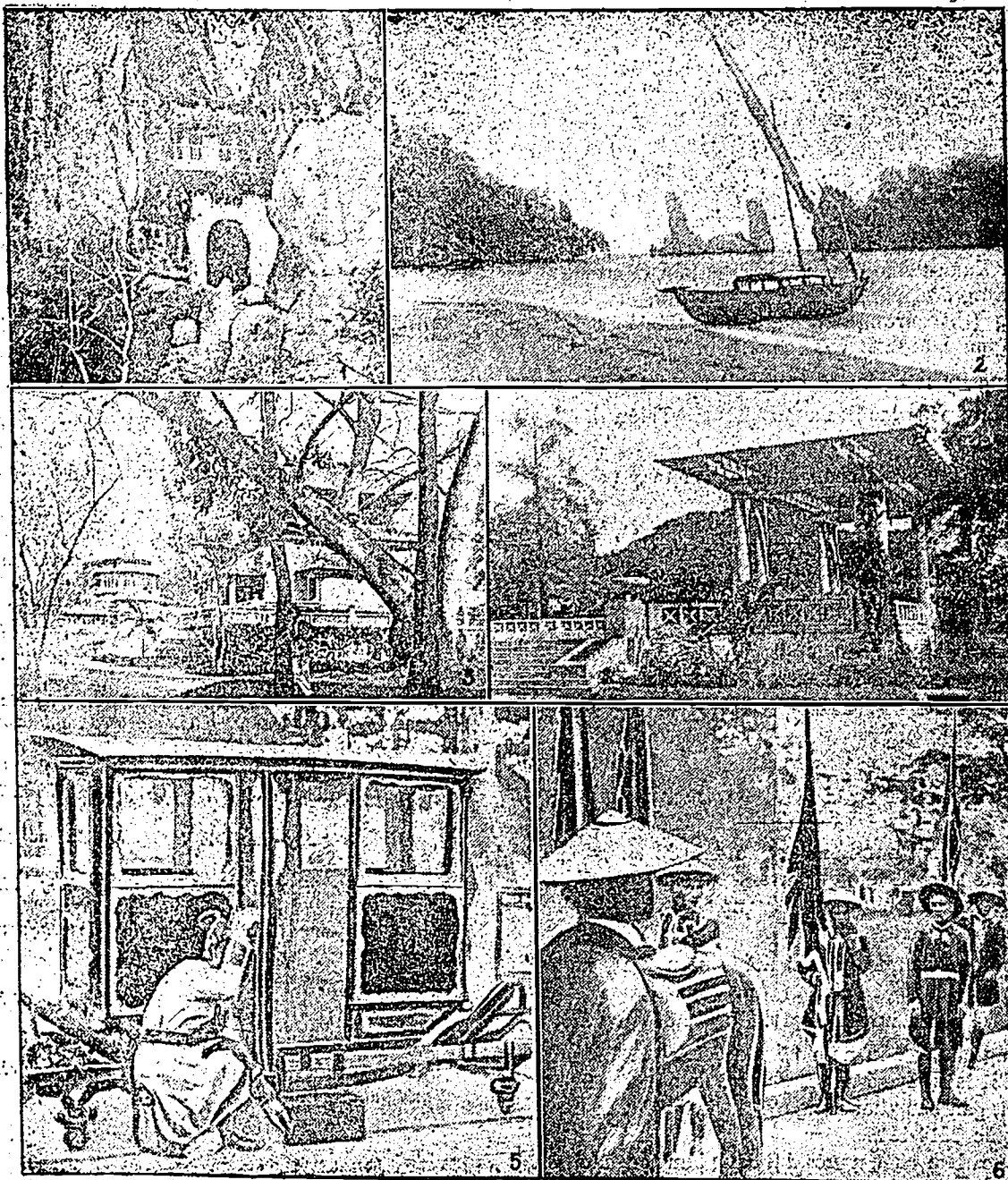
— Chớ chú lấy có gì mà đoán nó ăn thịt gà?

— Thì tôi thấy trên ván ngựa nó nằm, để một cây chổi lông gà mới lỉnh-hảo!





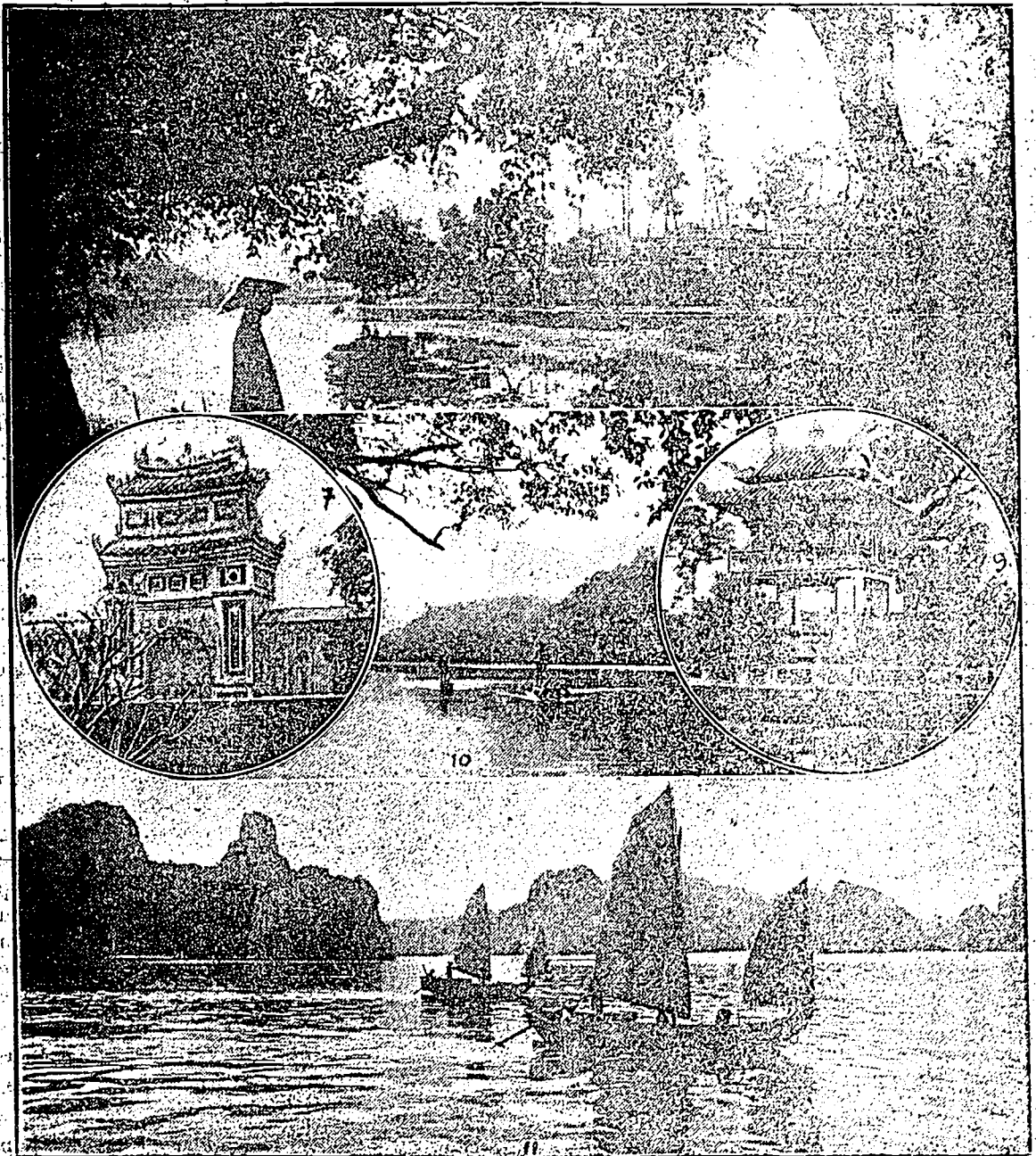
Ít nhiều danh-sơn thắng-cảnh....



1. Thạch-dộng Hاتیên. — 2. Hòn Phụ-tử ở Hاتیên. — 3. Đài kỷ-niệm và nhà Bảo-tàng ở sở thú Saigon. — 4. Huê-đình ở sở thú Saigon. — 5. Kiệu Ngọc-lộ của Hoàng-đế nước Nam ngự khi có đại-lễ như kỳ tế Nam-giao. — 6. Quân lính chực hầu ở trong Hoàng-cung, trước khi vua ngự.



....của nước ta từ Nam ra Bắc



7. Lăng vua Tự-Đức. — 8. Quang-cảnh sông Hương-giang ở Huế. — 9. Lầu Khuê-văn ở trước miếu thờ Khổng tử tại Hanôï. — 10. Phong-cảnh hồ Ba-bể (Bắc-kan). — 11. Quang cảnh Vịnh Hà-long là một cảnh-trí thiên-nhiên ở vịnh biển Bắc-kỳ, người ngoại-quốc tới nước ta, tất phải đến coi danh-thắng ấy.



NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CHỮ QUỐC-NGŨ TỪ 300 NĂM TRƯỚC

CHA ALEXANDRE DE RHODES

Còn nhớ năm 1927, là tam-bách-châu-niên kỷ-niệm của ông Alexandre de Rhodes tới Bắc-kỳ, nên một bạn đồng-nghiep ngoài Bắc, cơ-quan của đạo Thiên-chúa là báo *Trung-Hòa*, xướng khởi lên việc dựng tượng đồng kỷ-niệm vị cổ đạo ấy. Việc này hìnt như hồi đo được ít nhiều dư-loạn tán-thành, là bởi có một số

lạnh lãn lãn, từ ấy đến nay là trên 5 năm rồi, chẳng nghe người ta nhắc nhở đến nữa.

Tôi tuy không phải là người trong đạo Thiên-chúa mặc lòng, nhưng đứng về phương - diện quốc-gia, phương-diện văn-hóa mà nói, thì tôi cũng phải tán-thành việc dựng hình đồng ông A. de Rhodes để kỷ-niệm là phải.

dân-tộc ta được tiếp-xúc với cái văn-hóa phương Tây. Người như vậy chẳng đáng cho mình ghi nhớ công-lao hay sao?

Các nhà giảng đạo đều công-nhận rằng ông Alexandre de Rhodes gây dựng lên nền đạo Thiên-chúa ở Bắc-kỳ, và lại là người tổ-chức lên các cơ-quan tôn-giáo ở trong dân-tộc Việt-nam ta. Bấy lâu, các nhà bác-học, các nhà âm-ngữ (*linguistes*), các nhà sử-học, muốn tìm tòi những việc xưa tích cũ của dân tộc ta khoảng 300 năm trước, thì phần nhiều đều phải lục những sách của ông A. de Rhodes đã viết về nước Nam ta, cùng là sách tự-diễn, sách mẹo học tiếng Annam, sách Bắc-kỳ lịch-sử, và các sách dư-ký của ông, để làm tài-liệu nghiên-cứu. Người Pháp cũng không thể quên rằng nhờ sức vận-dộng của ông A. de Rhodes nên mới có hội Truyền-giáo Ngoại-quốc ở Paris (*Société des missions étrangères de Paris*) lập ra, tức là cái cơ-quan giúp sức vào công-cuộc của nước Pháp đi mở mang thuộc-địa nhiều lắm. Thiệt vậy, nhờ ông cho nên thế-lực và văn-hóa của nước Pháp mới tràn lan qua nước Nam vậy.

Ông Louis Cadière viết tiền-truyện ông Alexandre de Rhodes, đã nói như vậy :

« Chẳng những người Pháp mang ơn ông A. de Rhodes mà thôi, cả người Annam cũng mang ơn của ông về phương-diện tinh-thần trí-thức nữa. Dầu cho không phải thiệt ông là người đặt ra



Cha Alexandre de Rhodes

người nhận rằng ông A. de Rhodes chính là ông tổ chữ quốc-ngữ của ta bây giờ. Song không hiểu làm sao báo *Trung-Hòa* hò hào một lúc rồi thôi, tượng ông tổ chữ quốc-ngữ chưa thấy dựng chỗ nào, mà vấn-đề ấy cũng ngụy

Cải lý chánh-đáng là vậy : Dầu cho ông không phải là người sáng-tạo ra chữ quốc-ngữ mặc lòng, nhưng chính thật ông có công-lao về việc sửa sang, việc truyền-bá quốc-ngữ nhiều lắm. Cũng là nhờ ông trước hết mà



quốc-ngữ, nhưng mà chính ông đã có công sửa sang lại, sắp đặt lại, và truyền-bá chữ quốc-ngữ trước hết, rồi dân-tộc Việt-nam nhờ đó mới bắt đầu tiếp xúc với văn-minh Tây-phương.»

Nếu vị độc-giả nào đã được đọc năm ba cuốn sách của các cố đạo qua truyền giáo bên ta hồi đời nhà Lê đã soạn ra, thì cũng đã đủ biết rằng lời phê-bình của ông Cadière trên đây là đúng với sự thật.

Ông Alexandre de Rhodes sanh ra ở tỉnh Avignon nước Pháp ngày 15 Mars năm 1591, gốc tích là người Ý-pha-nhò. Năm 1623, ông từ Lisbonne xuống ghe đi qua phương Đông, đi 4 năm mới tới; ở xứ Macao học tiếng Nhật-bồn, mục-dịch của ông là muốn quá giảng đạo bên Nhật, song hồi đó bên Nhật cấm đạo gắt quá, thành ra ông mới qua nước Nam.

Theo sách đạo chép, thì năm 1624, ông cùng 7 ông cố đạo khác, đi ghe từ Mã-cao qua Nam-kỳ hết 19 ngày, lên bến Kean, tức là cửa Đà-nẵng, hay là cửa Hàn (Tourane) ở Trung-kỳ bây giờ. Ta nên biết thuở ấy cái danh-hiệu Nam-kỳ (Cochinchine) là cái danh-hiệu của đất chúa Nguyễn cai-trị, mới có xứ Huế và đất Quảng-nam mà thôi, chớ chưa có sáu tỉnh Nam-kỳ, như cái bản-đồ ngày nay đâu.

Lên Kean (cửa Hàn), vô ở Hội-an, ông bắt đầu học tiếng Annam liền; học có 4 tháng đã dùng mà xưng tội được, và 6 tháng thì giảng kinh được rồi, thật là thông minh hết sức.

Sau khi rành tiếng ta rồi, ông mới vô châu chúa Nguyễn là Sài-vương ở Ai-lữ, và cầm-hóa được một bà công-chúa theo đạo. Nhờ đó mà ông được ở yên tại Huế

18 tháng giảng đạo, có nhiều người theo.

Năm 1627, ông đi ra Bắc; hồi ấy là đời vua Lê Thần-tôn và chúa Trịnh-Tráng. Sách chép rằng nhờ vì ông dâng cho chúa Trịnh-Tráng nhiều lễ-vật đem từ bên Tây qua, có cái « đồng-hồ bánh xe », là chúa ưa lắm, nên ông được phép giảng đạo thông thả ở Bắc-kỳ. Bảy giờ ông mới cất nhà thờ, dựng lên họ đạo

bà mẹ (vợ Trịnh-Tông) đều theo đạo, lại quan linh nhơn-dân ở kinh-thành theo đạo cũng đông lắm.

Song số người ghét đạo phần nhiều; họ kiếm chuyện đem pha với chúa Trịnh rằng các ông cố đạo là người tay trong của họ Mạc ở Cao-bằng và chúa Nguyễn ở Thuận-hóa (Huế), nhờ đó chúa Trịnh sanh nghi, yết-thị cấm dân theo đạo và cấm tới nhà của các



CATHECHISMVS
in octo dies diuisus.

Dies Primus.

Suppliciter petamus ab
Sophtimo Calidomino ut
adiuuet nos ad hoc ut in-
telligamus probe legem Do-
mini. intelligendum au-
tem ad hoc est neminem esse
in hoc seculo qui diu uiuat,
vix enim pertingit ad
septuagesimum aut octa-
gesimum aetatis annum
querendus est igitur a no-
bis modus ut possimus diu
uiuere. hoc est, vitam
sempiternam adipisci.
hoc enim uere prudentis
est cetera omnes huius
mundi artes quamuis diu-
tius acquirendis sint apsa,
ignominie tamen eripere
nos poterunt ab ignobilitate & miseria, quin eadem in eam
inci.

Phép giảng tám
ngày

Ngày thứ nhất.

Ta cầu cứu đức Chúa
blời giúp đỡ cho
ta biết rõ ràng đạo
Chúa là như thế nào
b vì vậy ta phải hay ở
thế này chẳng có ai lâu
c lâu vì chúng ta
đến bảy tám mươi tuổi
d chẳng có nhiều. vì
vậy ta nên tìm đường
nào cho ta được lâu,
e là kiếm hằng sống đây
f thật là việc người khôn
g. khác phép thế
gian này, dù mà làm
cho người được phú
h quý. sau là chẳng làm
được cho ta ngày sau

(chrétienté) thứ nhứt ở Bắc-kỳ, và đặt tiếng Đức Chúa Trời để chỉ tiếng Diêu. Chúa Trịnh lại còn cất nhà cho ông ở giữa thành Thăng-long (tức là Hanói). Chúa Trịnh-Tráng có người em gái và

cố đạo ở. Ta nên biết hồi đó sở dĩ chúa Trịnh cho ông A. de Rhodes và các cố đạo được ở Thăng-long giảng đạo thông thả, là vì lợi-dụng được việc này: Có cố đạo ở thì ghe buôn bán của



người Bồ-đào-nha hay tới, đem lễ-vật dâng cho chúa Trịnh và giúp sủng đạn cho chúa để có khi-giới đánh với chúa Nguyễn nữa. Nhưng cách một lúc lâu, không có ghe của Bồ-đào-nha tới nữa, thành ra qua năm 1630, chúa Trịnh sai lính dẫn cả bọn ông A. de Rhodes đây vào châu Bồ-chánh (tức là Quảng-bình bây giờ), an-trị ở một chỗ vắng vẻ, ngay bên núi Hoành-sơn. Núi này là ranh chia Nam Bắc đời ấy. Thế là ông A. de Rhodes ở Bắc-kỳ bốn năm: từ tháng ba năm 1627 cho tới tháng năm năm 1630.

Vô chỗ bị đây ở ít lâu, rồi ông xuống ghe qua Tàu ở 10 năm, cho tới năm 1640, lại trở về Nam-kỳ giảng đạo. Tuy tôi chưa được thấy sách nào chép, nhưng nghe nhiều người rành về lịch-sử ton-giao ở nước ta, nói rằng ông A. de Rhodes có công với chữ quốc-ngữ là giữa hồi ông ở Bắc bị đày vào Bồ-chánh. Vì trong lúc ấy, ông đi giảng-đạo ở mấy tỉnh Quảng-bình, Hà-tĩnh, Nghệ-an, là nơi có nhiều người theo đạo, trở nên thầy giảng (*Catechistes*), rồi chữ quốc-ngữ do mấy người đó mà sanh ra. Có đều ai là người đặt ra trước hết thì không biết.

Từ hèn Tàu trở về ở phía Nam nước ta, từ năm 1640 đến năm 1645, ông A. de Rhodes gặp nhiều chuyện gian-nan nguy-hiểm lắm. Là vì chúa Nguyễn hồi ấy là Công-thượng-vương đối với đạo Thiên-chúa, khi thì cho giảng tự-do, khi lại ra lệnh cấm-đoán, làm cho ông phải bốn-ba lần độ, trốn tránh nhiều nơi. Nay ở Quảng-nam, mai vô Qui-nhon, trong 6 năm trời, ông lưu-lạc nơi hai chỗ đó, khổ-sở cũng nhiều mà giảng cho người ta theo đạo cũng lắm.

Sau hết, chúa Nguyễn là Công-

thượng-vương ra lệnh nhứt định cấm-tuyệt đạo Thiên-chúa và bắt hết các-giáo-sĩ. Mấy ông cố đạo kia, chỉ phải đuổi ra ngoài bờ cõi thôi, duy có ông A. de Rhodes thì Công-thượng-vương sai dẫn về Huế hỏi tội. Ngày dẫn ông về tới Huế là ngày 11 Juin 1645. Công-thượng-vương sai hạ ngục, rồi làm án xử tử. Song về sau nhờ có một vị triều-thần can-giáo, nên chúa Nguyễn tha ông A. de Rhodes khỏi tử-hình, nhưng buộc phải ra khỏi nước Nam, không được ở lại giảng đạo nữa. Rồi chúa sai lính giải ông vào Quảng-nam, giao cho quan trấn-tuần tỉnh ấy giam lại, chờ có ghe của người ngoại-quốc lại thì cho xuống mã đi.

Ông A. de Rhodes ngồi chờ trong ngục Quảng-nam 22 ngày, rồi tới ngày 3 Juillet 1645, thì ông bị giải xuống ghe, đuổi ra khỏi bờ cõi nước Nam. Lần đó rồi ông về tây ở luôn cho tới già chết, không đảo lại nước mình nữa. Khi xuống ghe từ biệt, ông nói rằng: « Tôi từ-giã xứ Nam-kỳ bằng xác thịt mà thôi, chứ không phải là từ-giã bằng tấm lòng; cả tôi từ-giã Bắc-kỳ cũng thế. »



Đại - khái lịch - sử ông A. de Rhodes là thế.

Tuy trong các sách đạo đời trước để lại, hình như không có cuốn nào nói rõ gốc-tích chữ quốc-ngữ từ đâu mà ra, hay là có sách ấy mà riêng tôi chưa được thấy không chừng, nhưng có một điều chắc rằng ông A. de Rhodes không phải là người đặt ra chữ quốc-ngữ. Có lẽ lúc ông qua giảng đạo ở nước ta, thì chữ quốc-ngữ đã có rồi, nhưng còn lờ-lờ, cho nên ông ra tay sửa sang lại và lợi-dụng nó làm thứ chữ in kinh giảng đạo cho tiện. Bởi vậy, trong ít nhiều cuốn sách

tôi đọc, thấy mỗi khi nhắc tới ông A. de Rhodes, thì đều nói rằng ông có công sửa lại chữ quốc-ngữ, để truyền dịch tiếng Annam ra, lại làm một cuốn tự-diên và một cuốn mẹo tiếng Annam, để lại về sau cho các cố-đạo qua truyền-giáo ở đây học tiếng bản-xứ. Thứ nhứt là ông có soạn ra một cuốn sách giảng (*catéchisme*), một bên chữ Latinh, một bên chữ quốc-ngữ; khi bị đuổi ở nước Nam về, ông in sách ấy ở kinh-thành La-mã, rồi truyền sang ta, làm cuốn sách rất hữu ích và rất cần dùng cho các thầy giảng đạo. Tấm hình in theo bài này chính là một trương sách đó vậy.

Xem như trên đây, thì thật ông A. de Rhodes không phải là người đặt ra chữ quốc-ngữ đã chắc rồi. Vậy thì ai đặt? Cái đó hình như không sách nào nói, cũng không ai biết. Trên kia tôi đã nhắc lại rằng có ít nhiều bạn quen, rành việc đạo đời xưa ở nước ta lắm, nói với tôi rằng: Chữ quốc-ngữ có lẽ do mấy thầy giảng người mình ở miệt Nghệ-an, Hà-tĩnh đặt ra, mà có các ông cố đạo Langsa, Y-pha-nho, cùng là người Bồ-đào-nha giúp sức vào nữa. Mấy thầy giảng người mình đó tên gì? là ai? thì không ai biết được. Có đều nói rằng người Bồ-đào-nha (Portugal) giúp sức vào thì có lý lắm. Là vì người ta thấy chữ ở quốc-ngữ ta với chữ ở của chữ Bồ-đào-nha giống nhau, nghĩa là cũng có cái gạch ngang trên đầu, chỗ ấy là chỗ có quan-hệ mật-thiết với nhau, khiến cho người ta có thể tưởng rằng hay là một ông cố đạo người Bồ-đào-nha đã đặt ra hoặc giúp sức vào việc đặt ra quốc-ngữ vậy.

Ai là tổ chữ quốc-ngữ? Cái đầu hồi ấy ta hãy để dành cho các nhà sử-học và các nhà khảo-



cổ, có lẽ một ngày kia họ trả lời cho ta được. Nhưng bây giờ luôn dịp nói chuyện ông A. de Rhodes tôi muốn đọc-giã nên đề ý rằng chữ quốc-ngữ ta hồi 300 năm trước với chữ quốc-ngữ bây giờ khác nhau là thế nào, trong đó đã trải qua nhiều thời-kỳ biến-hóa cải-cách ra thế nào.

Đọc-giã thử ngó kỹ tấm hình trang sách của ông A. de Rhodes mà tôi in lên đó, có phải là chữ quốc-ngữ hồi thế-kỷ thứ 17, khác xa với chữ ta viết ngày nay không? Chẳng phải là khác it, mà khác từ văn từ dấu, khiến cho ta giở cuốn sách quốc-ngữ xưa ra, đọc không xuôi được. Trại 300 năm trôi, chắc hẳn người nó sửa sang, người kia thêm bớt, thời-gian đã lắm, công phu cũng nhiều, mới thành ra chữ quốc-ngữ học, viết, in sách, in báo bây giờ. Vậy thì do sự khác nhau đó, sự biến-thiên cải-

cách đó, tôi muốn rằng đọc-giã cũng như tôi, có cái cảm-tưởng như vậy: Có phải sửa đổi chữ quốc-ngữ hiện-tại làm sao cho hoàn-toàn hơn, lợi-tiện hơn, thì ta chẳng nên lấy gì làm lạ, mà lại còn nên trông mong sự thiết-hành sự cải-cách cho mau nữa.

Mấy lâu nay, nhơn có nhiều người nhiệt-thành về sự sửa đổi mấy cái dấu quốc-ngữ lại, mà tôi thấy hình như người ta lấy làm sững sốt lạ lùng, cho rằng chữ quốc-ngữ của tiên-nhơn đã đặt sao thì nay ta dùng vậy, sao lại sửa đổi; vả lại ta chắc gì ta giỏi hơn tiên-nhơn mà hòng sửa đổi thứ chữ chung cả dân-tộc đi. Tôi cho vậy là cái tư-tưởng trăn-hủ, không muốn tiến-hóa; cái gì của tiên-nhơn đã làm, thì một mực thờ phụng vàng theo, không dám dụng chạm tới. Với chế-độ, lễ-nghĩa, phong-tục, mặt nào cũng thấy nhiều người còn giữ cái óc bảo-thủ nhiều quá.

Cái gì mà la rằng không dám hay không nên sửa đổi chữ quốc-ngữ của tiên-nhơn đã đặt? Vay chờ không thấy chữ quốc-ngữ hồi đời ông Alexandre de Rhodes và chữ quốc-ngữ ngày nay, khác nhau là thế nào? Chẳng phải là trong đó có nhiều phen sửa sang thay đổi đó sao? Tự cái vấn-đề sửa đổi năm dẫu, mà người ta đề-xương lâu nay, chẳng những không trái với ý tiên-nhơn, lại giống với công-việc tiên-nhơn đã làm, và lại cũng hợp với sự cần-dùng đương-thời nữa. Ta còn tiếc gì mấy cái dấu mà không thay đổi lại cách nào cho lợi-tiện, để ta có thể lợi-dụng cách in mới mẻ ngày nay, làm cho nghề ấn-loát xuất-bản của ta tấn tới hăng người? Sở dĩ thuật chuyện ông A. de Rhodes và phở bày một trang sách cổ ra, tôi chỉ có cái cảm-giác đó và cái hi-vọng đó thôi.

ĐÀO-TRINH-NHẤT

CÙNG NÊN BIẾT

Râu và tóc

Chắc ai cũng muốn biết trong một đời người, râu và tóc nó mọc ra được là mấy thước, mấy tấc.

Một ông Bác-sĩ nước Nga, có chịu khó-khảo xét về chuyện đó rồi tuyên-bố như vậy:

— Nếu người nào cứ để tóc mọc ra hoài, đừng có hớt nó đi lần nào cả, thì sức của nó có thể mọc được từ 0m51 cho tới 1m15.

Còn râu, thì mỗi tuần lễ (7 ngày) nó sẽ mọc ra được 3 ly (3 millimètres) và trong một năm nó sẽ mọc dài được 16 phân rưỡi (16 centimètres et demi).

Bác-sĩ lại-tinh, nếu một người đàn ông nào sống đến 80 tuổi, mà cứ cạo râu hoài, thì người ấy đã cắt đứt từ 8 đến 9 thước râu của họ vậy!

Phụ-nữ Tân-văn

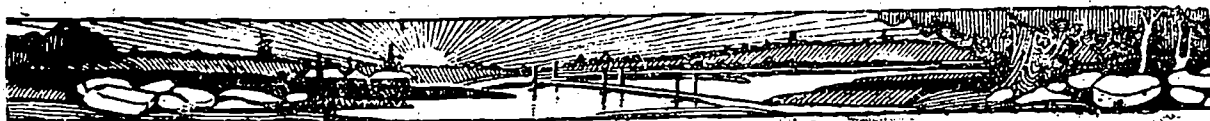
PHỤ-NỮ TÂN-VĂN là một tờ báo chung của Quốc dân Nam-việt; một người bạn tốt của chị em.

PHỤ-NỮ TÂN-VĂN là một tờ báo chỉ biết chọn-lý là chuẩn-đích của mình.

PHỤ-NỮ TÂN-VĂN quyết ra công-gắng sức vì chị em mưu một cái hạnh phúc chân-lí đáng, vì xã-hội mưu một địa-vị tương-lai.

MUA PHỤ-NỮ TÂN-VĂN tức là tán-thành cho các công-việc của P. N. T. V. làm.

ĐỌC PHỤ-NỮ TÂN-VĂN rồi lại nên cổ-động cho người khác đọc.



TAO KHÁCH VỚI MÙA XUÂN



Tuyết phủ đầu non,
giã đông mặt biển, hơi
mây xan-xát, gió bắc
lạnh-lùng, cây cối phơi
sương, chim muông bất
tiếng ; non sông chung
một vẻ tiêu-diêu, vô-tru
đầy một bầu lạnh-khi...

Cái cảnh trời đông đương khắt-khe lạnh-lùng
như thế, mà bỗng dưng khi-vận lại thay đổi, vừng
thái-dương ở đầu lại đem cái yển-sáng dường-sanh
mà ban-bổ trở ra cho muôn loài động-thực. Rồi
mà trên cảnh liêu-lục, oanh hót liu-lo, giữa chốn
vườn hồng, đào cười chum-chim ; xôn-xao ong
bướm, hớn-hở yển-anh, trong chỗ ngõ lạnh đường
hoa dập-dìu chẳng thiếu chi những khách tâm-
phương, giai-nhân tài-tử. Trời đất muôn vật hình
như thịnh-linh từ trong cái chết mà sống trở ra ;
mà con người ta lúc ấy cũng phơi-phới trong lòng,
thanh-thoi trong trí, ai già thì thấy như mình được
trẻ lại, ai trẻ thì lại thấy như mình vẫn trẻ hơn,
già trẻ lớn bé, đều chan-chứa những mối xuân-
cầm xuân-tinh, hình như được với trời đất muôn
vật cùng xuân đề mà thương lấy cái xuân-xanh
bất tận..... Thật có như lời thơ của Ronsard :

*Quand ce beau printemps
je vois,
J'aperçois
Rajeunir la terre et l'onde;
Et me semble que le jour
Et l'amour,
Comme enfants naissent
au monde !*

*Xinh đẹp thay, cái cảnh
xuân,
Non sông chung một vẻ
thanh-lân.
Điềm tỏ khen bấy tay con
tạo,
Xuân nhưt, xuân-tinh,
vô-tru xuân !*

Đối với cái tiết thiếu-quang minh-my, như gheo
như tru, dầu những người dung-tục còn phải xúc
cầm thay, nữa là cái bọn đa-tinh đa-cầm hơn hết
ở trong đám người ta : là cái bọn thi-nhơn tao-
khách ? Thật, một năm có bốn mùa, mà nên thơ
nhất thì duy có cái cảnh mùa xuân, bởi vậy bao
nhiều nhà thi-sĩ xưa nay, cầm-tướng tuy có khác
nhau, nhưng xét ra thì cơ hồ không mấy ai là

chẳng có những bài thơ
về xuân-cầm ;

Trước hết, hãy xin
nói luôn về Ronsard.
Ronsard, ngoài mấy
câu thơ đã nhắc ở trên
kia, thì trong bài thơ
gọi cho nàng *Hélène de*
mà tiên-sanh đã gặp-gỡ
một ngày nọ về đầu mùa xuân, sau khi đã khuyên
người đàn-bà ấy chớ nên bỏ hoài cái tuổi xuân
xanh, Ronsard bèn kết-luận rằng :

*Vivez, si m'en croyez,
n'attendez à demain :
Cueillez dès aujourd'hui
les roses de la vie.*

*Ngày xuân như cánh
hoa tươi,
Nay còn tươi đó, đến
mai đã tàn.
Nàng ơi, tôi dám khugen
nàng,
Tin tôi, thời chớ phụ-
phàng ngày xuân.*

Mấy câu ấy khiến cho ta sực nhớ lại khúc hát
« Kim-lũ-y » của *Đồ-thu-Nương* ở bên Tàu :

*Khuyên quân mặc tích
kim-lũ-y,
Khuyên quân tích thù
thiếu niên thì.
Hoa khai kham chiết,
trực tu chiết,
Mạc đãi vô hoa không
chiết chi !*

*Kim-lũ-y, tiếc làm gì,
Khuyên chàng hãy tiếc
lấy thì xuân xanh.
Hoa kia mọc-mởn trên
cành,
Thà rằng bẻ quách cho
đánh lòng ai ;
Chớ khi là rụng hoa rơi,
Bẻ cành chẳng cũng thiệt
thời lắm ru !*

Ronsard cũng như *Đồ-thu-Nương*, cũng như một
số rất đông nhà thi-sĩ khác, đối với ngày xuân
cũng có một cái quan-cầm giống nhau, tức là xúi
giục cho người đời phải chơi xuân, kéo nữa không
mấy lúc mà xuân hết.

Remy Belleau thì khen tặng mùa xuân như thế
này :

*Avril, c'est la douce main
Qui, du sein,
De la nature, desserre*

*Này mùa xuân kia ời !
chính người đã thò cái
bàn tay dịu-dàng vào*



Une moisson de senteurs
Et de fleurs
Embaumant l'air et la
terre.....

Jean-An'oine du Baif thì đã quả-quyết trong bài
« từ-tuyệt » sau đây rằng mùa xuân là mùa khá-ai :

La froidure paresseuse
De l'hiver a fait son
temps.
Voici la saison joyeuse
Du délicieux printemps !

trung-tâm vô - lự, và
đem ra một mớ hương
thơm, hoa đẹp mà gieo
khắp trên mặt đất và
giữa không-gian...

Cơn lạnh lẽo nhắc nhỡn
của mùa đông đã qua
rồi.

Bây giờ đây là đến
những cái ngày vui vẻ
của lễ xuân êm-đềm.

Một nhà thi-hào như Alfred Musset thì đối với
mùa xuân lại càng không thể vô-tình hơn ai hết.
Trong một bài kiệt-tác đề là Đêm tháng năm (tức
là tháng trong xuân của dương-lịch), tiên-sanh có
thác lời của Nữ-thi-thần (Muse) nói chuyện với
thị-nhân rằng :

Poète, prends ton luth et
me donne un baiser ;
La fleur de l'églantier
sent ses bourgeons éclore.

Le printemps naît ce soir,
les vents vont s'embraser.
Et la bergeronnette, en
attendant l'aurore,
Aux premiers buissons
verts commence à se
poser.

Này thi-nhân ơi ! nhà
người hầy miao mau
ôm đôn ra đây và hìn
ta một cái : cái hoa cây
hương nó đang sắp nở.
Mùa xuân sắp tới nội
đêm này, gió xuân sẽ
ấm-áp lắm. Còn ở trong
lùm cây xanh kia thì
con chim chia-vôi đang
dậu sẵn để chờ mặt trời
mọc.

Còn Victor-Hugo thì lại nặng tình với xuân đến
nỗi đã đề dành cho mùa xuân trọn một tập thi
của tiên-sanh, tức là tập Chansons des Rues et des
Bois, trong đó chẳng thiếu gì những cái cảm-trởng
cao-thượng về mùa xuân, tha-hỗ cho chúng ta lựa
chọn...

Delille thì so-sánh cảnh xuân với cảnh mặt
trời mọc :

L'année a son aurore,
ainsi que la journée !
Ah ! malheureux qui perd
un spectacle si beau !

Mỗi năm cũng có cái lúc
rạng đông của nó như
mọi ngày. Ai mà bỏ qua
không trông ngắm cái
quang-cảnh xinh đẹp ấy,
thì nghĩ cũng thiệt-thối
lắm thay !

Và lại nói :

Ah ! les beaux jours vont
donc me rendre les beaux
vers !

Trong lúc ngày xuân ất
ta lại sẽ ngắm nên được
những câu tuyệt-diệu !

Những cái vi-du như này giờ, nếu tôi kể thêm,

cũng vẫn còn nữa, song thiết-tưởng bấy nhiêu
cũng đủ rồi, không cần phải kể cho nhiều lắm.
Tôi chỉ xin nhắc thêm hai câu thơ của nhà « nữ-
thi-hào » Rosemonde Gérard (tức là Edmond Ros-
tand phu-nhơn) ở trong bài « Cây sầu-dòng » (Le
lilas) của bà :

On ne se repose qu'en rêve,
Et l'on ne rêve qu'en avril.

An nhàn găm có trông,
con mộng,
Mà mộng nào gùa giấc
mộng xuân !

Trong thơ của người Tàu, những chỗ vui xuân,
mừng xuân, buồn xuân, tiếc xuân... thật không
biết bao nhiêu mà kể. Ông Lý-Bạch thì hồ-hững
với xuân đến nỗi say nằm ngủ tít, tôi chứng-thờ
mắt ra, chợt thấy « một con chim kêu trong lùm
cây », thì mới nhận biết nó là con chim oanh, và
mới hay rằng mùa xuân đã đến ! Ông Đỗ-Phôi thì
lại trông thấy xuân về mà chạnh nhớ tình-cảnh



giang - sơn tổ-quốc :
« Quốc-phủ sơn hà tại,
Thành xuân thảo
mộc thâm.
Cầm thời hoa tiển lệ,
Hận biệt diều kinh
lâm... »

Chẳng những dân-ông, mà dân-bà lại còn có
tình với xuân hơn nữa. Thủ-giữ quyển « Trung-
Quốc phụ-nữ văn-học sử » ra mà xem, ta sẽ thấy
rằng hầu chẳng có một người dân-bà nào đã biết
làm thơ mà lại chẳng làm bài thơ nào về mùa
xuân. Chẳng khác như đi ngang qua bãi cát lớn
mà chỉ lượm lấy một hạt để cầm tay, đây tôi cũng
chỉ xin thử trích tình-cờ lấy một bài thơ xuân của
một người dân-bà Tàu về đời nhà Minh.

Xuân vô quá xuân thành,
Xuân đình xuân thảo
sanh..

Mùa xuân lùn-phùn thành
xuân,
Cỏ xuân đua mọc trước
sân xanh ri,
Xuân oanh học nói cành
kia,

Xuân khuê động xuân tứ,

Lưu-lo khiến khách xuân-
khuê nào lòng.

Xuân thu kiều xuân oanh

Bây giờ lại xin xét luôn thử các thi-nhân Nhật-
hồn đối với mùa xuân ra sao. Như ta vẫn biết,
dân-tộc Nhật-hồn vốn là một giống dân sẵn có tập-
tính yên-miền, ham-mê những cái cảnh đẹp thiên-nhiên
của trời đất bốn mùa, đó là một thứ tính-cảm rất
cao-thượng nó làm cho cuộc đời của họ được êm
đềm, phong-thú. Đã có sẵn cái thiên-lãnh như thế,



nên chỉ những mối cảm-tình của người Nhật đối với mùa xuân mới lưu-lộ chứa-chan trong những thi ca, ngâm vịnh.

Ngay hồi thế-kỷ thứ X kia, mà nhà nữ-sĩ danh tiếng nhưt của Nhật-bổn lúc bấy giờ là Sei Shōnagon cũng đã nói về mùa xuân như vậy :

« Không còn gì xinh đẹp bằng tiết mùa xuân, ngồi mà lặng ngắm cái cảnh mặt trời từ từ mọc lên, mãi cho đến lúc bóng dương-quang đã rón-đồn-trên đầu non, và nhìn cao hơn nữa, thì lại thấy giăng ngang những vết mây đỏ rực. »

Trong những thi-ca của Nhật-bổn về thế-kỷ thứ VIII, ta đã thấy có hai bài vịnh hoa mai rụng như vậy :

*Les couleurs des fleurs
Sont brouillées sous la
neige.
Tellement qu'on ne peut
les voir :
Mais leur parfum qu'on
respire
Révèle leur présence.*

Những đóa hoa rơi
rụng tuy ta không thể
nào trông thấy được màu
đẹp của nó, vì rằng nó
bị tuyết phủ lên trên ;
song chỉ nghe theo mùi
hương, ta cũng biết ngay
rằng vẫn có hoa chôn
ở dưới tuyết.

*Par cette nuit de prin-
temps
Obscure et sans formes,
Des fleurs de prunier
La couleur est invisible :
Mais leur parfum peut-
il se dérober ?*

Đương giữa cái đêm
xuân lơ mơ không thể
nhận ra hình dạng này,
đành rằng ta chẳng thấy
được cái màu tươi sắc
đẹp của hoa mai : nhưng
cái mùi hương của mai
thì có giấu cùng ai được ?



Tuy là nói về hoa mai mùa xuân, nhưng thật thì có ý ngụ về người đàn-bà. Một đóa hoa mai bị vảy dập ở dưới đồng tuyết trắng, dầu không thấy sắc nhưng cũng cứ nghe hương, khách tầm phương ai là người chẳng đem lòng yêu qui, cũng chẳng khác nào đối với người đàn-bà con-gái tuy mình chưa quen biết lần nào, nhưng miễn xa nghe cái danh thơm tiếng tốt của người ta thì tự-nhiên ai cũng đem lòng thương mến vậy.....

Lại trong một vở kịch bằng thơ đã ra đời hồi thế kỷ thứ XV, tên là tuồng Nô Tamura, những mối xuân-cảm chứa-chan của tác-giả cũng đã lưu-lộ trong mấy câu thơ này :

*En vérité, en vérité, voici
l'heure précieuse.*

*Écartons toute autre pen-
sée. Cet instant du prin-
temps,*

*En vérité, il faut en jouir
jalousement.*

*Oui, il faut en jouir ja-
lousement.*

*Un seul instant d'un soir
de printemps vaut mille
pièces d'or.*

*Des fleurs le parfum est
pur ; la lune répand sa
clarté.*

*En vérité, pour mille
pièces d'or, je ne l'échan-
gerais pas,*

*Cette heure, ce moment
présent !*

Ah ! qu'il est admirable

*Le spectacle qu'offrent les
fleurs du Maître du sol !*

*Entre les branches des
cérisiers filtre la lumière
de la lune,*

*Telle une chute de neige.
La brise de la nuit.*

*Emporte les fleurs ; avec
elles*

*Mon cœur aussi se brise
et s'effeuille.*

*Dans l'ombre verte des
jeunes saules*

*Le vent doucement fait
entendre son murmure.*

*De la cascade les fils
blancs*

*S'étirent sans fin. Plus
on les regarde,*

*Plus ce spectacle paraît
admirable, plus il ravit.*

*Qui lăm a ! Qui lăm a !
Cái giờ xuân đến thật
là giờ tiên.*

*Bao nhiêu tư lự ru phiền,
Thối thời hãy tạm gác
bên cỏi lòng.*

*Ngày xuân ta hãy thông-
dong,*

*Hãy thông-dong để vui
cùng cảnh xuân.*

*Hoa thơm, trắng lại
sáng ngời,*

*Ngàn vàng mới đáng
đem xuân một giờ !*

*Dẫu nghèo là khác lạ
thơ,*

*Ngàn vàng chẳng đổi
một giờ này đâu !*

*Chùa xuân khéo biết
ngàn nào ?*

*Trăm hoa rực-rỡ một
màu diêm-trang.*

*Vườn xuân thơ-thần chi
Hằng.*

*Cảnh đào chói-lọi, ngỡ
rằng tuyết sa.*

*Gió xuân rơi-rụng bầy
hoa,*

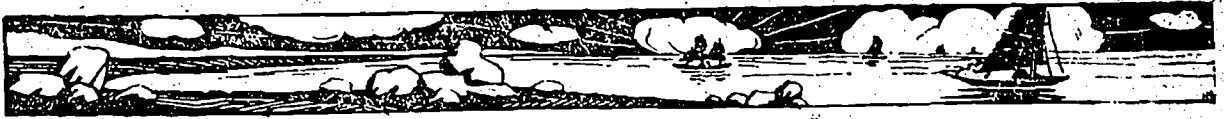
*Nhìn xem hoa rụng thiếp
tha tâm lòng.*

*Gió xuân phe phẩy cành
dương,*

*Rĩ-rào tiếng gió như
dường tiếng ai.*

*Mạch xuân phun nước
trắng ngời,*

*Càng nhìn mạch nước
càng ngơ-ngẩn tình...*



Le ciel semble éméché de
la beauté des fleurs.
Ah ! l'admirable moment
du printemps !

Trăm ngàn vẻ lịch màu
xanh,
Trời già kia cũng như
hình say-sưa.
Đêm xuân càng ngắm
càng ưa !

Một đoạn nói về cái xuân của thi-nhân Nhật-bồn đây, tôi đã dựa theo trong quyển sách « Tâm lý người Nhật » (*Le cœur japonais*) của giáo-sư *Félicien Chailley*, là một người đã có công nghiên-cứu về dân-tộc Nhật-bồn nhiều lắm.

Trong bài thơ xuân trên đó, có hai câu vừa rồi chắc đã làm cho độc-giả phải chú-ý :

« Hoa thơm, trắng lại sáng ngần,
Ngàn vàng mới đang đêm xuân một giờ ! »

Khi đọc tới hai câu ấy, chắc ai nấy cũng phải nhớ sức đến hai câu :

« Xuân tiêu nhưt khắc trỉ thiên cam,
Hoa hữu thanh hương, nguyệt hữu âm »

của người Tàu : bởi vì đôi bên vẫn giống nhau như một khuôn ! Song có một điều, mà tôi chẳng dám biết, là trong vụ này, anh Nhật đã « bợ » của anh Tàu, hay anh Tàu đã « bợ » của anh Nhật há ?

Mãng nói về cái xuân của thi-nhơn Tàu, của thi-nhơn Nhật, của thi-nhơn Tây, mà chẳng nói đến cái xuân của thi-nhơn bốn-quốc, thì chỉ cho khỏi bị trách rằng « Bụt nhà không thiêng !..... » Mà về việc gì khác thì tôi không dám biết, chớ ở trong việc này, thì quả-nhiên Bụt nhà ta không thiêng bằng Thích-ca ngoài đường thật ! Thử lật những tập thi-tuyển ra mà xem, ta sẽ thấy rằng các bậc tao-khách Việt-nam ta từ xưa đến giờ đối với mùa xuân vẫn hờ-hững tẻ ! Thỉnh-thoảng cũng có thấy một đôi bài thơ xuân-hừng, xuân-cầm, song những mối cảm-hứng của thi-nhân ta về mùa xuân, nói cho phải, nó vẫn vẫn-tắt mập-mờ chớ chẳng đáng dài hơi, tỷ-mỷ như của Tàu của Tây. Thời hãy xin cứ ra đây một vài ví dụ :

Thánh-thời thuở đông rồi xuân chiêm,
Ngấn hàng băng từng phiến tan không.
Cỏ hoa đua muôn tia nghìn hồng,
Trên tiệc mở câu thơ chén rượu.
Triều-dinh hữu đạo thanh xuân hảo,
Môn quân vô tư bạch nhật nhàn.
Đầu là dân hay đầu là quan,
Ai ai chẳng tể suy hành lạc.
Ngày chín chục trăng đưa bóng ác,

Cái hoàng oanh riu-rít trên cành
Lăn-là dương-liều xanh xanh...

Lại như bài này :

Nhơn sanh thất thập cổ lai hy,
Trước ngày, thơ sau tuổi tác kẻ mà chi ?
Hội trung gian xuân có một thi,
Thời thắm-thoắt, câu đã bóng xế.
Thế nhơn bất giải thanh thiên-l,
Không sử thân lâm bán dạ phiền.
Khách tài tình gặp hội thanh-niên,
Cuộc hành-lạc được bao nhiêu là lãi đấy.
Tôi mắt ấy, mà nhìn phong cảnh ấy,
Buổi xuân-hoa, thu-nguyệt, nghĩ càng thêm!
Kia ai đánh đuốc chơi đêm...

Ta nên nhận rằng trong mấy bài thơ xuân đó, tình nhiều hơn cảnh ; gián-hoặc cũng có tả cảnh, nhưng đều là những cái cảnh không có, những cái cảnh mượn trong thơ Tàu, như :

« Ngấn hàng băng từng phiến tan không » cùng là « cái hoàng-oanh riu-rít trên cành » vậy.

Theo phép làm thơ, thì thơ như vậy gọi là *thiếu-thiệt*. Dầu đến một bậc thi-ông rất tài-tình về lối tả-cảnh như ông NGUYỄN-CÔNG TRƯ, mà khi tả đến cảnh xuân cũng không sao tránh khỏi những sự *thiếu-thiệt* như thế :



Xuân sang hơn cỏ thêm tươi,
Khoe màu quốc sắc, nức mùi thiên-hương.
Tiết xuân tới hơi dương ấm-ấm,
Khí phát sanh rảy thấm trên nhân-nhĩ.
Thử tập bay, bướm mới uốn mình,
Muốn học nói, oanh còn lạ tiếng.
Liều hoàn cự lực oanh do tỉnh,
Đào thi tán hồng, điệp vị tri.
Hội đông-phong đào liễu xanh rì,
Được tàn tuyết đầu non trắng xóa.
Buổi hòa-lạc khi trời êm ả :
Hội đáp-thanh xa-mã đáp-diu,
Ngàn vàng một khúc xuân tiêu !

Bức tranh xuân của ông Thượng-Trư, nét bút tuy thiệt là tài-tình, song nếu muốn cho đúng với cái cảnh xuân ở xứ ta, thiết-tưởng phải xóa bớt mấy « con chim oanh đương học nói », với lại cái « mở tàn-tuyết ở đầu non » kia đi mới được. Ngặt vì nếu bỏ bớt mấy cái ấy đi, thì thôi, còn gì là xuân nữa !...

Duy có ông Tú-Xương thì hình như không bao giờ ông chịu phạm cái bịnh *thiếu-thiệt*, bởi vậy



trong những thơ xuân của ông thật ít thấy mấy món « liễu lục, oanh vàng, đào hồng, tuyết trắng »

V. V...

Sấm-sữa năm nay khéo thật là,
Mọi mầm nứt rạn mới bày ra.
Xanh đồng thẳng lại đen rừng-rìc,
Vẩy vãi bỏ ra bèo thực-thả.
Kẹo chú Triều-châu dẫu đồ được,
Bánh bà Hạnh-Tạ cũng thua xa.
Sang năm quyết mở ngôi hàng nứt,
Lại tưới thêm vài ít nước hoa.

Xuân từ trong ấy mới ban ra,
Xuân chẳng riêng ai khắp mọi nhà.
Đi-đet ngoài sân trắng pháo chuột,
Om-thòm trên vách bức tranh gà !
Chi-chao chít-chát đua giầy-dép,
Đen thui đen thui cũng lượt-là !
Dám hỏi những ai nơi cô-quận :
Rằng xuân xuân mãi thế ru mà ?

Song ta lại nên nhận kỷ rằng đó là ông Tú tả về cái cảnh ăn Tết ở nhơn-gian nhiều hơn là cái cảnh mùa xuân của trời đất. Cũng có lúc ông Tú chỉ tả độc về cảnh mùa xuân và cũng không thêm mượn những « cảnh sẵn có » ở trong thơ Tàu :

Tái-tử giai-nhơn chữ hảo-cầu,
Tinh xui nên nặng, ngĩa nên sâu.
Giang tay trở nguyệt trên bờ liễu,
Đổi bóng thề hoa trước cửa lầu.
Trở gót buồng loan chung gối phượng,
Chờ gương cung quế rọi rèm châu.
Liễu hoa gặp hội xuân dương mãn,
Tái-tử giai-nhơn vốn hảo-cầu.

Hay là :

Ta lại cùng nhau gặp gỡ xuân,
Xuân đi xuân lại biệt bao lần !
Xuân ôi ta hỏi xuân xem nhie :
Quả đất còn bao độ chuyển vần ?

Người thương xuân, ta có lẽ không ?
Vườn xuân ta hái một vài bông.
Đen về thơ-viện bên chông sách,
Hồn hồ cười xuân với hóa-công.

Ấy đó, khéo đến như vậy cũng đã là khéo, đẹp đến vậy cũng đã là đẹp ; song già đem mà đo với những bức tranh mùa xuân của Tàu hay của Tây, thì phải chịu rằng nét bút của nhà thơ Việt-nam ta rõ ràng là nhạt lắm.

Thơ xuân của ta sô-di phải lọt sắc phai màu ở một bên thơ Tàu thơ Tây, But trong nhà ta sô-di không thiêng bằng Thích-ca ngoài đường, chúng

ta há lại chẳng nên xét thử cái lỗi ấy bởi đâu mà ra ?

Ấy chính là điều mà tôi muốn chỉ tỏ ra đây để kết-luận bài này luôn thể. Tôi muốn chỉ tỏ cái nổi thiết thời của các thi-ông tao-khách ta về mùa xuân, nổi thiết thời gây nên bởi những duyên-cơ thuộc về cái vị-tri của xứ ta ở trên dư-độ thế-giới. Thật vậy, ở các xứ thuộc về hàn-đới hoặc ôn-đới, những sự thay đổi của bốn mùa rất là phân minh rõ-rệt : vệt núi mùa xuân, cơn nắng mùa hè, trận gió mùa thu, ngất tuyết mùa đông, trên cái sân khấu của rạp hát thiên-nhiên, mỗi màn đều có những tranh cảnh riêng của nó ; hè mùa đông càng khắt-khe lạnh-lẽo chừng nào, thì mùa xuân mới rực-ró xinh-đẹp chừng nấy, đó là cái lẽ bù-chi tự nhiên của Tạo-hóa, mà là cái cơ-hội để kêu gọi cảm-hứng cho thi-nhân như đã nói ở đầu bài này vậy. Chờ còn ở một xứ như xứ ta, xuân gì mà không oanh, không yến, không liễu, không đào, năm năm tháng tháng ngày ngày, ngày qua tháng lại, đâu rày là xuân ? Cảnh đã chẳng trêu người, thì người vì đâu mà cảm xúc ? Thơ đã không có cảnh, thì thơ vì đâu mà mượn-mà ? Bởi vậy nên đáng buồn cười thay cho một bọn « thi sĩ mượn hồn », cũ đời chỉ lặp đi lặp lại có năm ba câu sáo cũ, thấy trong truyện Kiều về chỗ tả mùa xuân có « con oanh thổ-thề » thì họ cũng bắt chước mà « thổ-thề con oanh », có « tơ liễu buông mảnh » thì họ cũng bắt chước mà « buông mảnh tơ liễu », chờ chẳng dè rằng mùa xuân trong truyện Kiều là mùa xuân ở « đời Gia-linh triều Minh », là mùa xuân ở bên Tàu, nên mới có những « thoi én, nhụy đào, ca oanh, tơ liễu », chờ nhẽ đem những cái ấy mà ghép vào mùa xuân Việt-nam ta, thì mà nào mà xem được chờ !

Nhưng buồn cười cho cái bọn thi-ông mượn hồn ấy bao nhiêu, ta cũng nên tiếc giùm cho các bậc thi-ông chọn-chánh bấy nhiêu, vì rằng mỗi khi muốn tả cảnh mùa xuân ở xứ mình, nếu lặp ba câu sáo như ai thì không đánh, mà nếu nhìn vào cảnh thiết của xuân, thì thiết không có cảnh gì hết.

Mặc người tuyết núi hoa san,
Riêng mình nào biết có xuân là gì !...

Mme PHƯƠNG-LAN
Văn-Hoa-Viện





Nhân tài Việt Nam ở ngoại quốc

NGUYỄN CHẤN NAM VÀ QUÍ THUẬT



Bên Tàu, trong Quốc-dân đảng và trong một cơ-quan của chánh-phủ Nam-kinh hiện nay, có một người thanh-niên danh-tiếng lắm, tên là Nguyễn-chấn-Nam. Người này rất giỏi về nghệ-quĩ-thuật, lâu nay giữ việc tuyên-truyền cho Quốc-dân-đảng. Chúng tôi thường đọc các báo-chi Tàu, lâu lâu lại thấy nói đến tên người ấy; vậy đủ biết Nguyễn-chấn-Nam cũng là ay xuất-sắc lắm trong xã-hội Tàu ngày nay.



Hình Nguyễn-chấn-Nam

Nhưng theo ban Đồng-nghiep Trung-lập mới đây có nói, thì Nguyễn-chấn-Nam là người Việt-nam ta. Cha của Chấn-Nam là Nguyễn-giang-Khanh, nhơn di theo ông Tân Thuật qua Tàu lúc trước rồi ở luôn đó và cưới vợ Tàu mà đẻ ra Chấn-Nam. Chấn-Nam có ba anh em trai, hai người anh có đi học, làm quan ở Tàu, còn Chấn-Nam là em út.

Lúc lớn lên, Chấn-Nam có đi học và tốt-nghiệp ở các trường lớn bên Trung-quốc; nhưng về sau chuyển tình một nghề quĩ-thuật, nhờ vậy mà được chánh-phủ Tàu ủy cho chức tuyên-truyền, và cũng nhờ đó được tăng-lực tiếng-khể. Xem tấm hình Chấn-Nam đang một bên đây, thấy nơi ngực đây những mề-day, đủ biết cái nghệ-thuật của va ở Tàu cũng có giá trị lắm.

Thấy nói Chấn-Nam tuy làm dân Tàu, giúp việc cho chánh-phủ bên ấy, chứ vẫn không quên mình là người Việt-nam. Dạy có anh trưởng ở ngoại-quốc;

cho nên chớ hề biết một tiếng An-nam-nào.

Trung-lập-báo số 6372, ra ngày 22 Octobre 1931, có bài nói về Chấn-Nam, mà người viết bài ấy nói quả-quyết Chấn-Nam là người, nước ta như trên đó, và lại nói chính mình lúc ở ngoại-quốc có biết Chấn-Nam nữa, như vậy, có lẽ là thật.

Nghề quĩ-thuật ở trong nước ta hiện nay cũng đã có một vài nhà trứ-danh. Còn mặt chúng ta đối với họ đã lấy làm thường. Nhưng nếu một người Việt-nam nào ở ngoại-quốc mà lại



Một màn diễn-trò của Ng.ch.Nam. Ở Tròn-an-sai. Đứng giữa là Chấn-Nam, hai bên là hai người phụ.



rừ-danh về cái nghề ấy; thì hẳn chúng ta còn thấy mà tô-diễn thêm hơn. Ấy chẳng có gì lạ, chỉ vì cái lòng ái-quốc tự nhiên, ai nấy vẫn có.

Vậy nếu Nguyễn-chấn-Nam là người Việt-nam thật, thì khi đọc đến bài này, thấy những bức hình đang theo đây, và vài trò ma-thuật của va sắp kể đây, hẳn là độc-giả có cái cảm-tình đặc biệt là dường nào!

Gần đây thấy một cái tạp-chí Tàu trong đó có đăng bài giảng-diễn về quỷ-thuật của Nguyễn-chấn-Nam. Vì nghĩ như trên kia, chúng tôi bèn dịch ra đăng tiếp dưới này, để gợi cái cảm-tình đặc-biệt ấy của độc-giả, cũng để mua vui và giúp cho sự tri-thức ít nhiều.

Cứ như lời báo Tàu nói thì cái nghề quỷ-thuật của Chấn-Nam xuất sắc lắm, chứ không phải tầm thường như những tay đi diễn trò đạo mà ta thường thấy đâu. Thấy nói Chấn-Nam lại có tài diễn-thuyết nữa. Mỗi lần va làm trò và diễn-thuyết, thiên hạ rủ nhau đi coi, có đến hàng ngàn hàng vạn người.

Bài giảng-diễn dưới đây chính mình Chấn-Nam đã đọc tại một học-hội kia, và có người chép bằng tốc-ký mà đăng lên báo. Trong đó, va chỉ mới

bắt đầu bày cho thỉnh-giả xem hai trò mà thôi, và hai trò này kể cũng vào hạng tầm thường. Tuy vậy, đã là của một nhà nghệ-thuật Việt-nam ở ngoài-quốc thì chúng ta cũng phải coi là qui, vì cái lòng ái-quốc nó buộc chúng ta phải vậy.

GIẢNG-DIỄN VỀ QUI-THUẬT (của Ng. Chấn-Nam)

Qui-thuật là một trò chơi mà ai ai thấy cũng phải mê, vì có nó lạ lùng phi thường quá. Nhiều người muốn nghiên cứu quỷ-thuật, nhưng rất cuộc ai cũng kêu là khó, là vì những tay giỏi nghề ấy họ hay giấu mẹo, không chịu bày cho tới nơi; còn sách vở dạy về nghề ấy cũng hay nói tắt-hút, không chịu chỉ ra cho rõ. Nay tôi nhứt định phá cái lệ ấy. Tôi nguyên đem hết thấy những điều tôi đã nghiên cứu được hơn mười năm nay, mà công-hiến cho đồng-nhân, là người ở xung-quanh tôi đây. Liệt-vị nghề tôi giảng, rồi đến khi về nhà lại tự nghiên cứu lấy nữa, thì không bao lâu, liệt-vị cũng sẽ trở nên một nhà quỷ-thuật như tôi vậy.

Ta kêu bằng quỷ-thuật hay ma-thuật, nghe như là trong đó có sự biến-hóa của ma quỷ gì, chứ kỳ-thật không phải. Quỷ-thuật chỉ là một thủ khoa-học huyền-diệu ly-kỳ đó thôi. Những việc mà đời xưa cho là quái lạ, đời nay nhờ khoa-học giải-thích ra, nó không phải là quái lạ nữa, mà chỉ là một cái học. Đó là cái học thì ai cũng học được hết, và ai cũng làm được hết.

Như tàu-hỏa chạy dưới nước, xe-hơi chạy trên bộ, máy bay bay trên không, theo đời xưa, chẳng phải là quái lạ sao? chẳng phải là quỷ-thuật sao? Giả có thể cho người đời xưa thấy những vật ấy, thì họ trăm trò biết chừng nào. Nhưng chúng ta nay nay coi những vật ấy,

chúng ta cho là thường, vì chúng ta biết rằng do khoa học chế ra nó.

Lại như cây quết, chẳng phải là quỷ-thuật sao? Cái gì lại một cái que nhỏ cọ vào miếng dăm cây đen đen, lạ, dăm bật ra lửa? Nhưng vì chúng ta thấy cây quết đã quen lắm rồi, biết bởi khoa-học chế ra nó rồi, chúng ta không lấy làm lạ nữa.

Vậy thì những trò quỷ-thuật tôi đã diễn, hoặc ai đã diễn, khán-giả đều phục là đại tài đó, là khi khán-giả chưa biết đó thôi; khi khán-giả biết là khoa-học rồi, sẽ không cho là đại-tài nữa vậy.

Nay tôi xin đem vài trò dễ dễ mà cả nghĩ cho liệt-vị nghe. Vài trò này đều là tự tôi nghiên cứu lấy, chứ chưa hề có nhà quỷ-thuật nào đã diễn lần nào hết.

Trò thứ nhất

CÁI VỢT HÚT LÁ BÀI

Cách diễn-trò. — Trong lúc diễn, người đứng diễn lấy cái vọt (vọt đánh ping-pong) đã để sẵn trên bàn đó đưa cho khán-giả coi qua, tỏ ra là trong đó không có máy-móc gì hết. Rồi lấy cái vọt để trên bàn đó. Lại đưa ra một bộ bài, giao cho khán-giả lựa lấy một lá (phóng cho là lá ách Rô đi). Người đứng diễn bảo khán-giả nhớ lấy hue và màu của lá bài mình đã lựa, xong rồi thì rút lá (ách Rô) ấy vào trong bộ bài. Người đứng diễn cầm bộ bài ngó lơ đi mà xóc đến xóc đại. Đoạn, tay trái cầm bộ bài đổi cá lên, tay mặt cầm vọt mà hứng những lá bài rơi xuống, thì chỉ có một lá là lá ách Rô ấy dính vào trong vọt, còn bao nhiêu rơi xuống đất cả.

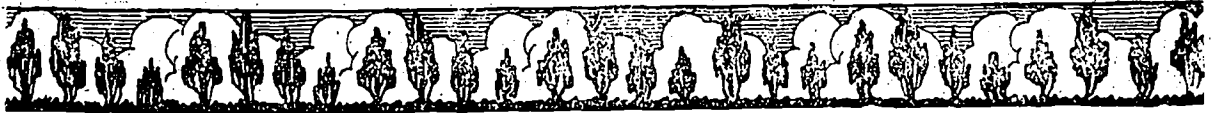
Cắt nghĩa tại làm sao. — Muốn diễn trò trên đây, trước khi diễn, phải sắm sẵn nhiều lá bài Rô ách, mà lấy một lá bôi đen hết lưng nó đi. Cái bàn thì có phủ vải đen lên; lá bài bôi đen ấy, để úp nó trên bàn, điệp với màu vải đen mà không ai thấy được. Và trên lưng con bài ấy có thoa sẵn một chút keo hay là hồ.

Người đứng diễn, khi đưa cái vọt cho chúng coi rồi, lấy về để nó chặn trên lá bài có bôi keo ấy, tức nhiên nó dính vào cái vọt mà nó là lá ách Rô.

Khi cầm lá bài họ lựa rút vào bộ bài của mình mà xóc rồi, người đứng



Một màn diễn trò của Ng.Ch.Nam. 2. Trò « vọt hút lá bài »



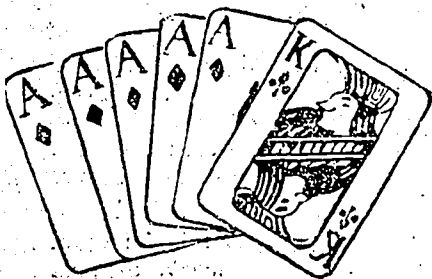
diễn cầm nó liệng lên không, một tay làm bộ cầm vợt hứng lấy; nhưng lá ách Rô đã dính sẵn trong vợt rồi, lúc làm bộ đó chỉ lật cái vợt lại thì thấy trên vợt có lá ách Rô.

Khó là tại cả một bộ bài, làm sao biết được khán-giả lựa con ách Rô mà mình dán trước nó vào vợt? Cái mẹo như vậy: Cái bộ bài, mình làm bộ lá bài mới, mới lật bao trước mặt người



Đây là lá bài có bìa đen và trét hồ

ta, chờ kỳ thiệt mình đã sắp sẵn, chỉ để ngoài mặt một con « Hoàng-tây » đưa cho họ coi mà thôi, còn bao nhiêu còn khác đều là ách Rô hết, thì khi họ lựa một con, phải gặp ách Rô. Vả khi đưa bộ bài ra phải có ý, cho họ coi một con ngoài mặt mà thôi, rồi úp sắp lại mà sẽ ra như hình cái quạt, cho họ lựa con nào đó họ lựa.



Đây là cách sẽ bài cho khán-giả lựa lấy một lá.

Trò thứ nhì

TAM DÂN CHỦ NGHĨA

Trò này có thể kêu là đại-quí-thuật, cho nên cần phải diễn nó ra trên diễn-dàn hẳn-hỏi, chứ không như trò thứ nhứt, gặp chỗ nào cũng có thể diễn. Mà khi diễn ra, chắc sẽ được xã-hội hoan-nginh lắm, vì xưa nay chưa hề có trò nào giống như vậy; và chính

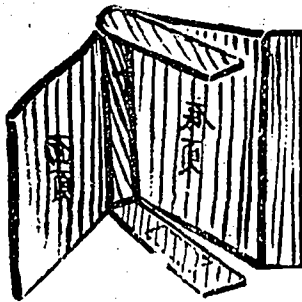
lời đã nghiên-cứu ra, mà cũng chưa hề diễn qua lần nào.

Cách diễn-trò. — Khi mở màn ra, trên sân khấu để sẵn một cuốn sách theo kiểu tây bằng gỗ mà để đứng, trên mặt bìa có đề chữ Tam-dân-chủ-nghĩa.

Người đứng diễn cùng người phụ bước ra sân khấu đưa cuốn sách ra cho khán-giả coi đủ phía trước, phía sau, trên dưới và hai bên, tỏ ra rằng trong đó không có máy móc gì cả. Rồi lại mở lại tờ bìa trước và sau ra, ở trong cũng không có gì hết, rồi xếp lại.



Cuốn sách bằng gỗ lúc xếp lại



Cuốn sách lúc mở ra

Hoạn, người đứng diễn cầm súng bắn vào cuốn sách một phát, thì tự-nhiên hai cái bìa mở ra, trong có đựng một cô thiếu-nữ, mặc áo mùa rất đẹp, và trên áo có hai chữ « dân tộc ».

Cô thiếu-nữ bước ra, đứng nép lại một bên. Người đứng diễn bèn xếp hai bìa sách lại, tức là đóng lại, rồi cầm súng bắn lần nữa, sách lại mở ra, lại có một cô thiếu-nữ nữa ở trong, mặc áo đẹp và trên áo có hai chữ « dân quyền ». Cứ như vậy mà làm một lần thứ ba nữa, lại thấy một cô thiếu-nữ nữa mặc áo có chữ « dân sanh ». Khi ấy người đứng diễn cầm roi ra hiệu, ba cô thiếu-nữ sắp hàng ra múa

hát chung-quanh cuốn sách ấy, đoạn thì hạ màn.

Cắt nghĩa tại làm sao. — Cái cuốn sách để đứng trên diễn-dàn ấy, dưới đáy nó có một cái cửa mở được, và thông với dưới sân khấu. Ba cô thiếu-nữ tức là do cửa ấy mà vào trong sách. Cách diễn-trò theo như trên đó mà làm thì thành-công. Duyệt có điều nên chú ý là: cần phải có một ngọn đèn điện treo dưới sân khấu, mà cái máy bấm của nó thì ở trên. Khi người đứng diễn đóng sách lại rồi, người phụ phải lấy chun dậm lên cái máy bấm chỗ mình đứng, hầu cho đèn điện ở dưới đủ lên, cô thiếu-nữ mới biết chồm mà trèo lên và vào trong sách. Còn như không có đèn điện thì dùng đồ cái chuông mà ra hiệu cũng được. Lại phải có ý, khi nào cho khán-giả coi các bề của cuốn sách, chớ làm cho cái vị-trí của cuốn sách sai đi, cái cửa lệch với cái lỗ thông xuống dưới diễn-dàn.



Hình thiếu-nữ vào trong sách



Cách trang-sức thiếu-nữ.



MỘT ÍT THẦN THOẠI

Đối với những hiện-tượng trong không - gian, những vật tự-nhiên trong trời đất, những nghề-nghiệp loài người vẫn lầm mà không rõ khởi từ đâu, người đời xưa cổ tìm-tòi cho biết đến chỗ sở-dĩ, thành ra mới đặt nên những chuyện kỳ-dị để giải-thích : những chuyện ấy kêu bằng "thần-thoại" (Mythe).

Như người Việt-nam ta đời thượng-cổ, ở miền Bắc-kỳ bây giờ, thấy mỗi năm đến đầu mùa thu thì có mưa to gió lớn, sông nước Nhị-hà tràn lên, thành ra lụt, mà chẳng biết tại sao, nên mới đặt ra chuyện Sơn-tinh Thủy-tinh. Vậy chuyện Sơn-tinh Thủy-tinh tức là một thần-thoại của Việt-nam đời trước để cắt nghĩa sự bão-lụt trong miền mình vậy.

Ngày nay chúng ta theo khoa-học mà cắt nghĩa các hiện-tượng trong trời đất. Như ở Bắc-kỳ, đầu mùa thu thường có bão-lụt, là tại đến mùa ấy, sự thay đổi của không-khí miền ấy mạnh quá mà sanh ra. Nhưng người đời xưa lại nói khác, nói tại Sơn-tinh với Thủy-tinh giành cưới một người con gái, và bên giành không được tức giận, nên mới « năm năm bão oàn, đời đời đánh ghen », mà có sự bão-lụt này.

Những thần-thoại ấy dân-tộc nào cũng có hết. Mà có nhiều dân-tộc khác, thần-thoại của họ lại phong-phú và mỹ-lệ hơn thần-thoại của dân-tộc ta đây nữa. Vậy, trong bài này, chúng tôi lược-lật một ít thần-thoại của các nước để cống-hiến cho độc-giả, vì nó đã vui tai mà lại có ích cho sự kiến văn lắm.

1. — Loài nhện sanh bởi đâu và tại sao nó biết dệt lưới

Theo thần-thoại Hy-lạp, thì loài nhện là con cháu của một nàng thiếu-nữ, tên là Arachne, và gốc-tích như vậy :

Hy-lạp đời xưa có một vị nữ-thần là Athéné. Vị nữ-thần này là thần của sự tri-tuệ, cũng là thần của các nghề khéo, như nghề thêu nghề dệt. Nữ-thần cũng lại ưa tranh-dấu nữa, có đều tranh-dấu mà không đến nổi lưu-huýt.

Đời xưa ở Hy-lạp cũng có một người con gái, tên là Arachne. Nàng này chẳng những đẹp-dẽ mà cũng thông-minh giỏi-giỏi lắm. Nàng chỉ ưa có một việc, là dệt mà thôi. Nàng dệt luôn cả ngày

không nhàm ; nhờ đó, về sau nghề dệt của nàng khéo lắm, chẳng những con gái dưới trần không ai sánh lại, mà cho đến các nàng tiên trên trời cũng phải thua.

Thứ hàng của nàng dệt ra, đẹp-dẽ làm sao ! Không phải như những hàng thường, dùng gai, tơ, hoặc lông dê mà dệt ra ; nhưng hàng của nàng như là dùng ánh-sáng mặt trời làm canh, dùng những sợi vàng làm chỉ mà dệt ra vậy.

Có người thấy nàng khéo như vậy, bèn khen-tặng nàng hết sức và hỏi nàng rằng : « Cái khéo của cô đó là ai dạy cho cô ? Hay là nữ-thần Athéné đã dạy cho cô ? » Arachne trả lời rằng : « Có phải Athéné là thần tri-tuệ không ? Hừ, bà ấy làm gì lại dạy cho tôi được ? Không tin, kêu bà đến đây thi với tôi, coi ai khéo hơn. Bằng tôi thua bà thì tôi sẽ chịu phạt ! »

Nữ-thần Athéné nghe lọt câu nói kiêu-ngạo của nàng, lấy làm không bằng lòng. Nữ-thần hóa ra một cụ già, đến nói với Arachne rằng : « Tôi rất mong cô nghe lời khuyên bảo của tôi. Cô có muốn thi tài với ai cũng được hết ; duy với nữ-thần thì cô chẳng nên thi tài làm chi. Tôi khuyên cô xin lỗi cùng Athéné đi, nữ-thần sẽ tha thứ cho cô, không sao đâu. » Nhưng Arachne nghe nói thì giận lắm, đáp rằng : « Mụ nói cái giọng mệ người ta dò thì có đem về mà nói với con gái mụ ! Chờ tôi đây, có nữ-thần nào tôi lại sợ ? Bà có dạn gan thì tôi đây, tôi thi với bà cho mà coi ! » Athéné nói : « Bà đến rồi ! » Trong khi nói, liền hóa ra nguyên-hình nữ-thần.

Đó rồi họ định chương-trình cuộc thi. Mỗi người đều dệt ba ngày, mời các thần và người thế-gian đến xem, còn đại-thần Zeus chấm thi.

Đến ngày thi, hết thấy người trong thế-giới đều tới coi, Zeus làm giám-khảo, ngồi trên từng mây cao với vợ. Cái khung-cửi của Arachne để dưới cây dâu to, nàng ngồi dưới bóng cây mà dệt ; còn cái khung-cửi của Athéné thì để giữa-khoảng không, nữ-thần ngồi dệt trong nơi có gió dịu và ánh-sáng êm-ái của mặt trời.

Arachne dệt nên một tấm lưới tốt-đẹp lạ thường, thật mỏng mà sáng có ngôi, treo phất-phới giữa trời, hình-như là không có ; nhưng tấm-lưới lại



rất bền rất chắc, đầu sư-tử mắc vào cũng không phá được để thoát ra.

Mọi người xem thấy đều nói : « Hèn chi có ấy khoe tài cũng phải ! » Cho đến thần Zeus liếc coi, cũng phải gật đầu khen-ngợi.

Đang kia nữ-thần Athéné lại dùng ánh sáng mặt trời trên chót núi, miểng mây trắng mùa hè, sắc xanh của khoáng-không trên trời, sắc biếc ngoài đồng-nội cùng màu đỏ-tím của núi mùa thu mà dệt ra một tấm lưới khéo và đẹp hết chỗ nói. Trong tấm lưới ấy lại đủ thứ bông-hoa lạ, sông rộng, núi cao, thành-lũy và tháp đồ-sộ, loài người và loài thú, kẻ to-lớn và kẻ lùn, lại cũng có cả các vị thần-minh ở trên trời nữa. Mọi người xem tấm lưới ấy, hết sức trầm-trồ khen-ngợi, đến nỗi quên mất tấm lưới của Arachne !

Arachne thấy mình bị thua, vừa mắc cỡ, vừa sợ, bèn tự-ái mà chết. Nữ-thần Athéné lấy làm tội-nghiệp, bèn cho nàng-hóa ra con nhện, cả đời chỉ ăn vào trong xô tối mà dệt lưới. Cho đến ngày nay, con cháu nó cũng vẫn giữ một nghề dệt ấy.

Trong tiếng Pháp, phàm giống vật, hình-trạng nó giống với con nhện, đều gọi là « Arachnides » hết, ấy là bởi chữ « Arachne » mà ra.



2. — Gốc tích của tiếng dội hay là tiếng vang

Cũng theo thần-thoại Hy-lạp, xưa có một nữ-thần, thường ở trong rừng trong núi, tên là « Echo ». Nàng nữ-thần này đã đẹp lại giòn, thật là một cô gái dễ thương. Duy có tật hay thề-lẽo, bất kỳ ai nói chuyện gì, nàng cũng đặt miệng vào. Lời cuối cùng của mỗi câu nói, người ta đều chỉ nghe tiếng nàng mà thôi. Cho đến tiếng của các vật, như tiếng chuông, tiếng trống, hề là tiếng, thì nàng đều nhái theo. Cái tật đó, theo trong sách thì là sở mạng nàng phải mang lấy vậy.

Ngày kia, bà Jove, hoàng-hậu trên trời, đi du-ng ngoạn, có các nàng tiên theo hầu. Echo biết được, chạy theo, lẫn trong đám các nàng tiên ấy mà trở nghề-thề-lẽo, làm cho họ nghe sa mà đi đường bẻ trề, không theo kịp hoàng-hậu Jove. Hoàng-hậu rõ thấu sự tình, bèn quở trách nữ-thần Echo như vậy :

— Mày rõ thật to gan, dám đem nghề mọn mà dễ-người đến hoàng-hậu trên trời ! Rày về sau cái đốc lưỡi của mày sẽ mất sức đi, chỉ còn có cái chót lưỡi để làm cái việc mày ưa làm—tức là nhái ! Rày về sau mày sẽ chỉ phải nói theo lời cuối cùng của người ta, mà không được mở miệng nói trước ai !

Từ ngày Echo bị mấy lời quở phạt nguyên-rủa ấy, liền trở nên một kẻ chỉ biết nói theo.

Sau đó, nàng ở trong rừng, thấy một chàng thanh-niên tên là Narcissus đang đi săn, thì phải lòng ngay và đi theo miết chàng ấy. Nàng muốn ôn-ý cùng chàng lắm, ngặt vì cái đốc lưỡi đã ra vô-dụng rồi ; nên cứ đi theo hoài, chờ cho chàng mở miệng đặng nàng có lặp theo. Vậy mà chàng thanh-niên cứ một mực mải thính, làm cho nàng hết sức ngủ lòng !

Máy sao có dịp tối : hôm đó, Narcissus cùng đồng bạn mình lạc nhau, bèn kêu lớn lên rằng : « Ai ở đây này ? » Echo liền đáp rằng : « Đồng này ». Chàng thanh-niên ngó quanh ngó quất, không thấy ai hết, bèn kêu tiếp : « Lại đây ! » Echo cũng lặp theo : « Lại đây ! » Sau khi nghe tiếng trả lời mà không thấy ai lại hết, Narcissus lại nói : « Sao lại lánh mặt tôi ? » Echo cũng lặp y cả câu ấy. Chàng thanh-niên nổi nóng không chịu được, thét lớn lên rằng : « Lại đây, chúng ta ở chung với nhau một chỗ mà ! » Nữ-thần nghe đến câu đó thì mừng lắm, vội-vàng lặp lại lời ấy một bận và chạy a lại một bên chàng thanh-niên.

Nàng đưa cánh tay trắng nõn ra, định choàng qua cổ thanh-niên để tỏ tình thán-ái ; không ngờ Narcissus đi thụt lui mấy bước, nói một cách nguội-lạnh mà rằng : « Thôi đi, đừng có mó tay mó chân làm chi nữa, thà tôi chết, chớ tôi chẳng chịu ai ghẹo tôi ! »

Gheo tôi ! Echo cũng còn nói lặp theo hai tiếng chót ấy, nhưng không ăn thua gì, Narcissus đã sắp lưng chạy đi đâu xa lắc rồi.

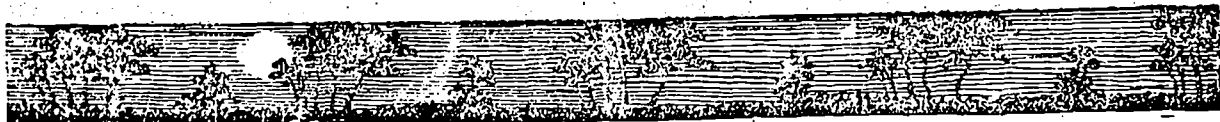
Echo từ chịu một phen si-nhục ấy, buồn-rầu hết chỗ nói, ở miết trong rừng, không hề ra nữa. Vì một mình vắng-vẽ ở trong non cao đá dựng, nghĩ đến số phận vừa rầu vừa tủi, nên vóc ngọc của nàng càng ngày càng ốm-o mà hóa ra đá, dần-dần với phong-sương. Kịp đến về sau, hình và bóng cũng tiêu mất đi, chỉ còn có cái tiếng ẻo-lả, và thói quen không thể chữa, hề có ai kêu lên, tức thì nàng đáp lại, nhưt là mấy-tiếng chót của câu-nói người ta, thế nào nàng cũng nhái.

Trong tiếng Pháp, chữ « Echo », nghĩa là « tiếng vang » hoặc « tiếng dội », là gốc ở tích này.



3. — Gốc tích con tằm

Theo thần-thoại Trung-hoa, đời thượng-cổ, có người đàn-ông đi xa, ở nhà không có ai hết, chỉ có một đứa con gái, và một con ngựa đực, giao cho nàng nuôi nó. Nàng ở nhà một mình vắng-vẽ, nhớ cha không thôi, bèn nói dờn cùng con ngựa



rằng : « Mày có thể đi tìm cha tao được, tao sẽ làm vợ mày. » Con ngựa nghe nói, liền bứt giây mà đi, thẳng tới chỗ người đàn ông ở. Người này thấy con ngựa mình thì mừng lắm, bèn nhảy lên cỡi.

Khi người cha ngồi trên lưng ngựa, thấy nó cứ ngóng cổ về phía quê-hương mà hí hoải, bèn nghĩ rằng : « Con ngựa khi-không mà làm như vậy, có lẽ là nhà ta có việc gì chẳng ? » Rồi cỡi luôn nó mà đi về.

Về đến nhà, thấy con ngựa khôn và mến chủ như vậy thì càng thương nó lắm, cho ăn thêm hậu hơn bình thường. Nhưng con ngựa bỏ cỏ luôn mấy ngày ; mà hề khi thấy người con gái ra vào, thì nó vừa hí vừa lồng lên. Như vậy nhiều lần không phải một lần.

Người cha lấy làm lạ, bèn hỏi kín con gái mình : nàng thừa biết sự mình có hứa cùng con ngựa, và chắc rằng nó bỏ ăn vì cơ ấy. Người cha bảo nàng thôi đừng nói đến nữa, mà cũng đừng ra vào cho nó thấy làm chi, e gây ra trong gia-đình một việc sĩ-nhục lớn. Đoạn người dùng ná bắn chết con ngựa, và lột da nó mà phơi nơi sân.

Một hôm, người cha đi khỏi, đưa con gái cùng bạn gái nó ở hàng-xóm đương đứng chơi ngoài sân, chỗ phơi tấm da. Chẳng lành chớ, nó lấy chun hất tấm da mà nói rằng : « Mày là loài súc-sanh, trở muốn lấy người ta làm vợ ư ? Bị lột da là đáng kiếp lắm mà ! » Nói chưa dứt lời, thì tấm da vùng dầy, cuốn lấy người con gái mà đi mất.

Đứa gái hàng-xóm sợ quá, không dám cứu, chạy mét với người cha. Người này về kiểm tấm da cùng con gái mình, thì đã đi đâu mất rồi. Sau đó vài ngày, tìm được ở trên nhánh cây lớn ở gần đó, thì tấm da ngựa và người con gái đều đã hóa ra con tằm mà làm kén trên cây. Từ đó người ta đem con tằm về nuôi và lấy kén ươm tơ, được hội lợi lắm ; còn thứ cây nó ở đó thì đặt tên là « cây dâu ».

Tích này chép trong sách Sưu-thần-ký của Vu-Bửu, người nhà Tấn ; cho đến ngày nay người tỉnh Tứ-xuyên bên Tàu cũng còn kêu con tằm là « mã đầu nương », nghĩa là « nằng đầu ngựa », chắc là có quan-hệ với tích ấy.



4. — Vì sao con trâu dưới hầu có hạch.

Con trâu nào cũng vậy, ta thử bọ cái mỗ nó lên mà coi dưới hầu nó, con nào cũng có một cái hạch ở đó hết. Kén bằng cái hạch, nghĩa là chỗ đó da liền mà có cục u nổi lên.

Tại sao có cái hạch đó, người đời xưa cũng đã kiếm cách mà cắt nghĩa. Đây là theo như lời truyền thuyết ở xứ ta, chớ không theo sách thần-thoại

nước nào hết. Những sự-tích để cắt nghĩa về con nhện, con tằm như trên đó mà gọi là thần-thoại được, thì sự-tích cắt nghĩa về con trâu của xứ ta cũng có thể gọi là thần-thoại được.

Trương truyền rằng đời xưa mọi loài vật đều biết nói, và con trâu cũng biết nói. Con trâu hết nói được, là từ khi có cái hạch đó.

Có chủ nhà kia, ở đời thượng-cổ, nuôi một con trâu để cày và một đứa trẻ chăn trâu. Mày thẳng chun trâu này ham chơi lắm, không chịu làm hết phận-sự nó. Mỗi khi nó cỡi trâu ra đồng, thả trâu đó, ăn được chừng nào thì ăn, còn nó lo việc chơi-bời cùng chúng bạn. Kịp khi gần tới buổi cỡi về, nó lấy mọ cau bọc lấy bụng con trâu, rồi trét đất sét ra ngoài, cứ bọc như vậy mà cỡi về, phình chủ nó, nói cho trâu ăn đã no rồi.

Một hôm, người chủ không tin mới hỏi con trâu. Con trâu nói rằng : « Cỡi trâu ra đánh khăng đánh đáo ; cỡi trâu về nói láo trâu no ! No chi mà gọi rằng no ? Trong da mọ, ngoài đất sét, y cái phệ hết no ! »

Sự dối-giã của thằng nhỏ đã bị phát giác ra rồi, người chủ bèn đánh đuổi nó. Nó ra khỏi nhà chủ tức-thị, và vừa đi vừa khóc rất tội-nghiệp.

Vừa khi đó, nó gặp niết ông Tiên. Ông Tiên hỏi việc gì mà khóc, nó thuật hết đầu đuôi cho ông nghe. Ông Tiên hứa để ông báo thù cho, bèn dẫn đứa nhỏ đi, hóa phép tàng-hình vào chuồng trâu của người chủ. Ông Tiên cầm cây hươngthur dưới hầu con trâu, rồi điểm đó một cái, liền nổi lên cái hạch, từ đó con trâu không nói được nữa, và cả loài trâu sanh ra đều không biết nói.

Câu chuyện trên đây không biết khởi ra từ đâu, mà trong các miền nhà-quê, như là nơi ruộng rầy, người ta hay kể tới. Có cái mọ cau là thổ-sản của xứ ta để làm chứng thì biết câu chuyện này cũng là thổ-sản của xứ ta, chớ không phải từ nước ngoài truyền vào. Huống chi lại có mấy câu « vạn-văn » của con trâu bằng tiếng Annam đặc nữa, thì thật không lộn với của nước nào được.

HUYỀN-VÂN





THI DAN

THƠ XUÂN MỚI

AN TẾT

Người ta «an tết» tốn bao nhiêu,
 Minh chẳng hao gì một tèo-teo.
 Nhà ở, mà dầu mà đốt pháo? (1)
 Đất nào quỉ loạn phải trồng nêu? (2)
 Bánh chưng chẳng gói: giấy? (3)
 khòn nuốt,
 Mứt lạc không mua: ngọt! khó tiêu.
 Đốt-nát, viết sao câu đối dán?
 Thật là tết-nhứt cái con hươu!

Tết-nhứt năm nay sấm đủ dờ.
 Anh em đừng có tưởng rằng «bò».
 Sấm-banh nước là đầy dầm hủ,
 Thuốc-lá râu ngô (4) chạt mấy bồ.
 Thay bánh chưng xanh cùng mứt

lạc,

Có cơm gạo đỏ trộn khoai khô.
 Anh em ai đến, ưng nghe pháo,
 Thùng thiếc lòi ra đập ít vồ.

NG-VĂN-ĐÌNH



XEM VƯỜN XUÂN HỮU-CẨM

Đôi ao vườn xưa đã khác xa;
 Đồng tàn, cây cỏ nảy xuân ra.
 Hoa say bướm liệng giành nâng đỡ;
 Cội mướt chim chuyên tập hát ca.
 Hương sắc ví khuây bồn cựa-chủ,
 Phấn son còn dãi xác phiến-ba.
 Mỗi năm cảnh vật đều thêm mới,
 Người thấy xuân sang lại thấy già.

(1-2) Tục di-đoan ở xứ ta: ngày tết
 đốt pháo là để xua đuổi ma khỏi
 khuấy-rối nhà; trồng nêu là để giữ
 đất cho quỉ khỏi chiếm-đoạt.

(3) Giấy là bèo quá, vì bánh chưng
 học mớ ở trong.

(4) Râu trái bắp.

TÂN-NIÊN NGÀU-CẨM (1926)

Tối ba mươi Tết vẫn nằm queo,
 Pháo giục bên tai nghĩ lộn mèo.
 Sau cũng, rượu tàn say ngất
 ngưỡng,
 Nghỉ huòn, thuốc ời hút phì-phèo.
 Nhớ thoi tuế-nguyệt lòng ngao-ngán!
 Giờ sử thân-danh ruột héo xèo.
 Hối khách bao xa đường tấn bộ,
 Để qua năm mới chạy ù theo.

CHIỀU BA MƯƠI TẾT Ở QUÁN KHÁCH (1929)

Vắng vắng tai nghe pháo góc hè,
 Xuân đã đến đó rửa ráng he?
 Rãnh chun lừ-quán năm eo nghĩ,
 Đợi sáng xuân về nói chuyện nghe.

THƠ-KHANH

NHỚ XUÂN

Nhớ lại khi xưa còn ở Bắc,
 Mỗi năm xuân tới ọp dường bao!
 Ngoài vườn hoa cỏ màu tươi thắm,
 Riu rít trên cành oanh đón chào.
 Đầy trời tò diêm vẽ xuân quang,
 Nét bút hoa-thần khéo điểm trang:
 Vàng trắng đỏ xanh màu quốc sắc,
 Non sông dầm ăm cảnh mơ màng.
 Xuân sắc điểm tô khoe vẻ lịch,
 Xuân phong phơ phát trước trang

dài.

Xuân hồn giấc mộng say vừa tỉnh,
 Xuân cảnh tượng bừng đón rước ai.
 Đứng lại nhìn xem cảnh tốt tươi,
 Đầy trời xuân khí có riêng ai?
 Câu thơ ngấm vịnh đầy xuân tứ;
 Chín chục thiếu quang giá mấy

mười!

Từ thuở vào Nam năm sáu bảy,
 Mỗi lần xuân đến nhớ xuân sao!
 Nhìn xuân mỗi mắt tìm hoa cỏ,
 Xuân chủ ai hay ở chốn nào?

Lá rụng đầy sân lác dác vàng,
 Trời xuân như kém về xuân quang.
 Cây trơ cành cỗi hoa phai thắm!
 Riêng trách đồng quân khéo phủ

phàng!

Nghe nói trời Nam nhiều của quý,
 Trời thương trời nhận con cưng

trời!

Trời cho no đủ ăn ngày tháng,
 Chỉ có xuân trơ quên cho thời!
 Tìm xuân mà chẳng thấy xuân đâu,
 Nhấn nhủ xuân-hoàng thử mấy cẩu!
 Mỗi độ xuân về xin tặc dạ,
 Nước non tình nặng chớ quên nhau

XUÂN CẨM

Mừng xuân đề mấy câu thơ,
 Chúc xuân-non nước nắng mưa dờ

dào.

Vui xuân nâng chén rượu đào,
 Tình xuân men chẳng nhắp vào cùng

say.

Yêu xuân nặng tấm lòng này,
 Sầu xuân vương vít mấy giây tơ

đồng.

Sòng xuân lượn sóng trùng trùng,
 Hoa xuân điểm lục tò hồng vì ai?

Ngày xuân, xuân hầy còn dài,
 Lòng xuân ướm hỏi, ai người tương

tri?

Cảm xuân một tấm tình si,
 Thương xuân lưỡng lự nặng vì

nước non.

Gió xuân lay động tâm hồn,
 Giấc xuân chợt tỉnh lòng còn ngán

ngờ.

Nước xuân vẫn ở ao xưa,
 Non xuân hoa cỏ bây giờ vẫn tươi,
 Sắc xuân hơn hờ đầy trời!
 Chim xuân riu rít gọi người tri âm,
 Đêm xuân dạo khúc ca cầm,
 Vì xuân hỏi thử yêu xuân mấy

người?

Vui xuân vui cả một trời,
 Sầu xuân riêng để cho người cảm

xuân!



NGÂM XUÂN

Ngâm xuân lại tiếc cho xuân.
Trăm năm hỏ dễ mấy lần xuân qua.
Về hồng lợt, cánh hồng sa,
Xuân về xuân có đợi chờ ai đâu !

Ngâm xuân nghĩ lại thêm buồn,
Xuân về xuân tới xuân càng tốt
tươi.

Kiếp xuân so với kiếp người,
Áo cơm nặng nợ cũng đời xuân
xanh !

Ngâm xuân càng nghĩ càng sầu,
Sự đời chẳng đánh mà đau mà phiền.
Thời xuân bỏ chẳng đua chen,
Hoa tàn xuân tạ, bạc tiền khó mua !

Ngâm xuân lại tủi cho đời,
Phải sanh ra kiếp anh tài như ai !
Bụi hồng chi quân chồng gái,
Vẫy vùng biển rộng sóng dài với
xuân !

Mme VÂN-ĐÀI

THƠ XUÂN CỬ

TẾT

Tết-nhứt anh nì, ai bảo nghèo ?
Nghèo mà lịch-sự dỏ ai theo !
Bánh chưng gói chặt chừng ba chiếc;
Rượu cúc ngậm đầy độ nửa siêu.
Trừ-tịch vang lừng đôi tiếng pháo;
Nguyên-tiêu cao ngất một cây nêu.
Ai xuân anh cũng chơi xuân với,
Chung - đình ơn vua ngày tháng
nhiều.

NGUYỄN-CÔNG-TRƯ

ĐẦU NĂM KHAI BÚT

Năm mới mấy tuổi biết chi chưa ?
Ngâm nghĩa mây râu cũng đã vừa.
Chén rượu nhớ hoài người lớp
trước:
Cung dờn quên phứt ngón ngày xưa.
Mẹ già tám kỷ trông khuya-sớm;
Vua trẻ nhiều phen gọi mợ-mư.
Muôn dặm quan-sân xa dăm cách;
Cụm tùng khóm trúc hãy còn lưa.

ĐÀO-TẤN (Bình-định)

XUÂN NHỨT TỰ THUẬT

Tuổi mới dón thêm quá nửa trăm,
Râu xanh xen trắng tóc huê-râm.
Sáu triệu gọi đức nhiều mưa-móc;
Hal phẩm nhờ trời chút tiếng-tâm.
Sao bừu lập-lờ trong bữa sóc;
Trắng thanh tỏ-rạng giữa đêm râm.
Nghĩ còn non-nước, còn xuân mãi,
Lần bước thang mây biết mấy năm !

MỘNG-PRAT: TÔN-THẤT-ĐIỆM
(Huế)

CẢNH TẾT

NHÀ NGHÈO Ở TRÊN NÚI

Nước cười thay xóm núi.
Ngày tết chẳng lên nêu !
Đầy vách chum hùm vầu;
Vang rừng tiếng củ kều.
Cơm bắp chan canh ốc;
Dầu chèo thấp đĩa nghèo.
Bè-bạn không lui tới,
Ngoài sân cỏ lẫn rêu !

VÔ-DANH-THI

NGHÈO GẤP TẾT

Tám kiệp cha ông cái vận nghèo !
Đã di trốn nó nó còn theo.
Vải ba hột cái không thêm mợ;
Trống một giây bầu chẳng thấy leo.
Bãi-xạo, bác-bồng lên cả cặp.
Mợ-tám, chủ khách giờ ra yêu.
Như vậy nghĩ đã thiệt vô vận !
Tết-nhứt gần đây hết ngổ-tiêu.

NGUYỄN-QUI-LƯƠNG

(Bình-định)

LO TẾT

Tết-nhứt năm nay cũng phải lo;
Cũng gà cũng vịt cũng heo bò.
Bánh chưng, bánh tét, chè đường
hạ;
Tôm dất, tôm rần, gỏi cá thư.
Rượu bọt dặt thêm năm bảy hủ;
Mắm ngon mua dẽ một vài lu.
Tinh-toan, kết cuộc tiền không có !
Vay mượn e khi chúng chẳng cho.

VÔ-DANH-THI

NGÀY XUÂN

Mừng Phụ-nữ Tân-văn

(Điều Vọng-cổ Bàcliêu)

Kể từ ngày hàng Việt-nam
phụ-nữ,
Mượn cái tên chung là « Phụ-
nữ Tân-văn ».
Theo mây râu, bước ngón
luân, giỏi lên đàng,
Tuy từ, sanh, kinh, cụ, làm
nao đã mấy lần. . . !
Nhưng lo vẫn lo, mà nay xuân
đến thời lại cứ vui mừng,
Mãng vì son phấn với non
sông cùng thêm đậm nét vẽ-
vang.

Bỏ những hồi vì tục xưa khuê
môn bất xuất,
Nơi chốn gia đình trong
không-tùng đức, mãng một
đời phải chực vui hầu;
Mà cùng nhau bươn ra quyết
đua chen ngoài xã-hội,
Đem tinh thần phấn đấu cho
tân bộ kịp với cái đời duy tân;
Kéo dầy rồi cái luật chung,
thiên nhiên đào thải nó lại cứ
xây vắn,

Yêu ấy thua, mạnh ấy được,
tránh đầu cho khỏi cái định
phần ?

Suốt ba kỳ, gấm vóc, giải giang
san,

Giống tiên rồng, lập quốc hơn
bốn ngàn xuân,

Kịp đến ngày nay, kia trên
chốn văn đàn,

Lần đầu mới thấy bọn má
hồng là được mở-mang !

Nay xuân về đến, thiệt biết
bao nhiêu vui mừng,

Xa đưa mấy lời chúc cho
Phụ-nữ Tân-văn :

Trời đã trửa, gánh đã nặng,
đưa chơn rần bước cho cần,
Hầu sao cho khỏi phụ cái công
dẫn đường với bạn yếm-khăn,
Hỡi Phụ-nữ Tân-văn !!!

Mille MỘNG-HUYNH



HAI BÀI VĂN TẾ TUYỆT HAY

Văn-tế là một thể văn Nôm từ trước thường dùng trong nước ta. Đến nay còn truyền lại, như bài văn-tế tưởng-sĩ của quan tiền-quân Nguyễn-văn-Thành, nhiều người đã nhận cho là độc-bộ trên văn-dân.

Tuy vậy, văn hay mỗi bài có một thể. Như bài tế tưởng sĩ đó là hay về lối dùng-dẫn, trang-nhĩa; hấp vơi cái thể thống chôn triều-dinh. Còn cái hay của dân-gian thảo-giã nữa. Hoặc lấy bóng-đua làm hay, hoặc lấy đối-chơi làm hay.

Như hai bài văn-tế sao-lục ở sau đây, không biết của ai làm, chỉ biết rằng truyền tụng đã lâu lắm, mà từ hồi có những sách lược lật văn xưa, in ra bằng Quốc-ngữ đến nay, chưa thấy ai lược lật đến. Hai bài văn kiệt tác này thuở nay chưa hề xuất-bản; ít người biết đến, ấy cũng vì do mà nó càng thêm quý.

Một bài đề là « Mụ Quỳnh tế lão Cường », ấy là văn khôi-hải, theo lối « nghĩ tác », giả đồ làm lời vợ tế chồng, chứ không phải có tế thiệt. Mà bởi có cái đề đã nói « Mụ Quỳnh tế lão Cường », — quỳnh cường, ý cũng như bông-lông — cho nên trong bài câu nào cũng tỏ ra cái ý quỳnh cường và bông-lông. Đọc đến, đồ ai nghe mà khỏi bật cười. Tuy vậy, bỏ nhiều văn hiểm mà đối nhiều câu chĩnh, có lực lượng lắm.

Một bài nữa đề là « Vợ tế chồng thợ rèn », thì chẳng biết là có tế thiệt chẳng, hay cũng lại theo thể « nghĩ tác » như bài trên. Bài này thôi thì đối cân từng chữ, mà nhứt là chơi từng chữ, đọc hết cả bài, không câu nào là không có chữ dính-dấp với thợ rèn. Mà cũng tả được cái tình-cảnh náo-nùng của người vợ góa, chứ không đến nỗi phỉếm.

Bài sau này có nhiều người nói của ông Lang Rừng, người Quảng-nam, ở làng Đức-ký, là một tay giỏi văn Nôm ở vào đời Minh-mạng, Thiệu-trị. Sự ấy thì chưa chắc, chứ một điều rất chắc, là tác-giả thể nào cũng là người Quảng-nam. Vì có hai lẽ : một là bài văn này có nhiều người Quảng-nam truyền-tụng mà người tỉnh khác hầu như không biết tới ; hai là coi những tiếng phát-âm sai trong bài thì nhìn ra được là tiếng Quảng vậy.

Cái chứng có phát-âm sai là như : Vật thuộc về loài kim là gang, sắt, chứ không phải gan, sắc. Vậy mà tác-giả dùng chữ ra gan đối với cân sắc để chơi với việc thợ rèn, thì thật là sai xa. Bởi

vậy, trong bài này có đôi câu, người Quảng hay là người Nam-kỳ đọc đến, phải cho là hay ; nhưng nếu người Bắc đọc thì họ sẽ không hiểu cái hay ở đâu, vì họ phát-âm trùng.

Một chút đó, chúng ta thấy sự phát-âm thống-nhất là cơ quan-hệ cho văn-chương chúng ta sau này lắm, chứ nên cầu-thả.

Dưới đây sao-lục nguyên-văn hai bài :

I — Văn mụ Quỳnh tế lão Cường

Hỡi ôi ! Rắn-hãy thay da, cọc còn dột lỗ!

Gia-sự nhiều bề khôn khổ, sống làm chi mấy dĩa
nất-vơ ! Từ sanh cái số làm sao, chết đi những
con người đại-dội ?

Nhớ linh xưa : răng trắng như mun, da đen tọ
bột.

Từ-tế hơn ai hết thầy, chẳng ăn tham mà cũng
chẳng dễ dành. Học hành tuy chẳng bao nhiêu,
không hay chữ mà cũng không ra dốt.

Tiết hạ-thiên nóng nãy, bề dương-sanh dậu-lũ xoa-
xoa. Ngày xuân-như quấy-dầu, trong lễ vật
da tầy dột-dột.

Giận vợ biết bao khiêng-khai, đập cửa vào dùng
dùng. Day con thiếu mấy nghĩa phượng, quất
roi mây trót trót.

Gặp đấng nờ kể từ năm ngo, năm-lhi cực, năm thì
sương, sắp về sau : mười, thân, dậu, tuất, Hợi,
tỵ, Sửu dần, mẹo, Thìn. Lấy toán tâu mà tính
số con, dĩa thì bé, dĩa thì chọi, nói cho phải :
mười, chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai,
một.

Bệnh hoạn làm sao chẳng biết, ngày cũng rên, đêm
cũng rên. Thuốc thang kẻ đã nhiều thầy, phải,
cứ hốt, không, cứ hốt.

Mời hồi hóm còn sống, nước dạ lạnh tọ đồng đen.
Nghe chết trẻ khõe ma, bụng muốn nóng như
lửa đốt.

Tối là tối : không nói, không rằng, không đi, không
dừng, tro tro như khúc gỗ lăn tròn. Thương
là thương : vừa khâm, vừa la, vừa nẻo, vừa
dây, bó bỏ bỏ vô-liêm mà nhốt.

Con mẹ đầu tang tóc chế, lòn bịt khăn, nhỏ bịt
khăn. Cửa nhà vắng trước quanh sau, vô dụng
cột, ra dụng cột.



Tưởng chữ « Bách-niên giai-lão », chén rượu gọi là chút nghĩa, nhớ lời năm ngoái năm xưa.
 Tính bề tam nhật thừa hung, linh-xa gác đã có ngày, chưa biết bữa mai bữa mốt.
 Thương thay xin hưởng !

II. - Văn vợ tể chồng thợ rèn.

Hỡi ôi ! Lò tạo-xáy vùn, thợ trời thay đổi.

Lời sắt đinh cần dặn cõi trăm năm. Kép tro bụi phan-phui người một lối.

Nhớ linh xưa : mài nét thiết tron, rèn lòng chẳng đổi.

Ở chẳng làm cay làm ngạt, đắp đôi ngày hai. Nói ra có thép có gang, xù xì năm lối.

Mình nương dưới bể, kẻ gươm dao theo cây sức dồi mài. Tay dựng một lò, người cây cuốc thấy nhờ ơn rèn thời.

Cần sắc tài từ lúc, lời nói như rựa chém xuống đất, hiện với đều già. Ra gân dạ con người, việc làm như lửa đỏ trên đầu, chết không kịp trời !

Ôi ! Mẻ hết chỗ mài, gãy không thề nổi.

Đànhi trao cặng nặng cho ai ? Mà bỏ xác phàm bồng vôi ?

Nghề rèn đập ai cặp kìm với bạn, gang vừa sôi mà sắt bỏng tan liền ! Nghiệp trau dồi ai chỉ vẽ cho con, lửa mới bén mà than đànhi tắt hồi !

Thăm thiết bấy mấy đời tiện lặn, chịu ăn hoài dao lụt, hơn chín mươi năm ! Nào nung thay chũn phan rồi ro, như tan mất lưỡi cày, cực trăm ngàn nổi !

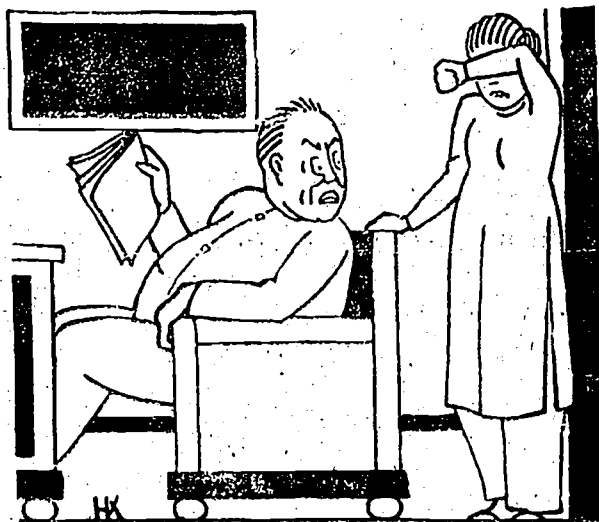
Gan chẳng đập nhồi mà nài, thương là thương tác xuân xanh đương bên tợ gươm trường. Sắc nào trau dũa cho tron, xột là xột mẩn phịen bạc dành vui theo thép nguội.

Dao oan-nghiệt khéo mài chỉ quá bên, cắt đứt tóc tơ. Lửa biệt-ly chưa nguội lại hừng lên, đốt lông gan phổi.

Thối thôi ! Khoá gãy, chia rơi ; búa tà, đe dôi. Mỏi dò mà cặng đành bỏ lưỡi, phan lao đao chu xiết nổi sâu riêng ! Từ đây mà nén nợ xa khâu, bề cặp nải biết bao giờ gặp mới !

Hôm nay hãy lò than un giắc đỏ, ngọn lửa hương thêm nóng ruột trăm chiều. Ngồi mai vira lát cuốc đắp mồ xanh, năm đất cỏ đã chôn thui một khối !

Thương thay xin hưởng !



Chồng.— Làm gì như con nít, để người ta coi rồi mình coi chớ khóc gì ?

Vợ.— Đàn-ông gì kỳ vậy ? Số nữa xuân người ta mới mua mình giữ lấy coi, ai không tức ? Mua riêng một số mà coi, có được không ?

PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

Journal des Femmes

TUẦN BÁO XUẤT BẢN NGÀY THỨ NĂM

Tòa-soạn và ty Quản-lý
 (Rédaction et Administration)

48, Rue Vannier -- Saigon -- Tél. 566

Giá báo (Tarif d'abonnement)

Một năm (1 an) 6\$ 00	Ba tháng (3 mois) 1\$ 80
Sáu tháng (6 mois) 3 50	Ngoại quốc (1 an) 8 00

Mua báo và đăng quảng-cáo phải trả tiền trước, gởi cho :

M. NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN

Chủ-nhiệm báo Phụ-nữ Tân-văn
 48, Rue Vannier -- SAIGON

Cuộc thi mùa Xuân của P. N. T. V.

☸ Vé dự cuộc thi ☸

Ngày 10 Mars 1932, thời thâu bài đáp



Chuyện lạ trên rừng

CON VỢN BIẾT Đ

Cũng như ở dưới đồng bằng, thiên-thị, trên non cao rừng rậm, có nhiều chuyện lạ, nghe vui mà cũng cảm-dộng, tiếc vì ta ít có dịp gần gũi với loại thú cầm, nên ta không biết được, thật là uổng.

Bình sanh tôi có tánh tò-mạc, ham nghe chuyện lạ, như là những chuyện có nhơn, nghĩa, ân, tình, khi nghe được có thể làm cho tôi vui, buồn, thương, cảm, nhớ và nghĩ không quên được.

Trong các chuyện lạ mà tôi đã được nghe, tôi cho cái chuyện tôi sắp đem ra mà thuật lại cho anh em chị em nghe trong mấy ngày Xuân này, là ngộ và hay, vì nó là chuyện thiệt, mà lại là chuyện ở trên rừng nước ta.

Ở bên cạnh một đám rừng, thuộc về quận Hớn-quân (Thủđầu-một) có một cái nhà của người mình ở; bên hè nhà ấy có một cây trôm cao lớn, nhánh lá sum-sê, trên cây lại có ba con vợn bạch ở đã lâu lắm.

Ba con vợn này, một con là chồng, một con là vợ, một con là con, vợn con vừa mới sanh ra được chừng mấy bữa.

Vợn cũng như khỉ, cũng có trí khôn lâu nay ở bên cạnh nhà kia, thấy không ai ghẹo chọc, phá phách chỉ tới nó, nên nó cũng dạn người, nhất là đối với anh chủ nhà, hình như bây vợn này có lòng tin cậy và trú mến.

Nhiều khi rảnh việc, chiều chiều người nhà ấy hay ra gốc cây trôm, trông dờn với mấy con vợn. Họ vắt một vắt cơm, gắn vào đầu cây sào rồi đưa lên mời vợn. Con vợn được thấy vậy

lật đật bỏ riết xuống, nhưng hề liệu chừng nó với tới vắt cơm, thì mấy người kia lại hạ lần cây sào xuống, cố ý dụ cho nó bỏ lần xuống tới dưới gốc cây, dựng rình bắt nó chơi. Họ làm như vậy đến năm bảy lần, nhưng cũng không lần nào rờ tới cái đuôi nó được. Tuy vậy, trong lúc ấy nếu có anh chủ nhà ra, lấy vắt cơm ở đầu cây sào, cầm trong tay, kêu nó biểu xuống lấy ăn, thì nó tuột xuống mà lấy liền, không nghi nan sợ sệt gì cả.



Con vợn được dạn đến nước ấy, là tại nó biết anh kia là chủ nhà, mấy lần gặp ai ghẹo chọc nó, đều rầy la ngăn trở, và đối với nó rất là thật tình. Mà anh kia cũng thật tình từ tế với nó thiệt. Anh muốn bày tỏ cái lòng ân thương yêu từ tế với nó ra cho nó thấy, nó hiểu, dựng lợi dụng nó mà giải buồn ở nơi rừng xanh cảnh vắng, chẳng hơn là làm nial lòng nó, cho nó bỏ cây trôm ấy mà kéo đi nơi khác sao?

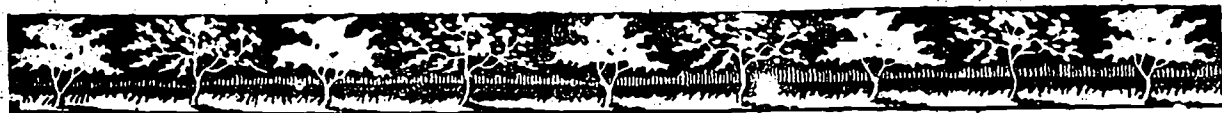
Trên kia tôi đã nói, cặp vợn này có một đứa con mới sanh ra có mấy bữa. Hồi trước, chưa có con, ngày nào hai vợ chồng cũng dắt nhau đi kiếm trái cây, đến

chiều mới về tại cây trôm ấy mà ngủ, nhưng từ hôm vợn cái gần ngày « khai hoa » thì lại không đi nữa. Mỗi buổi sáng, vợn được tách thân ra đi một mình, đến trưa thì về, mà lần nào về cũng có đem trái cây về cho vợ ăn, qua xế chiều thì lại đi nữa, đến gần tối mới về.

Vợn được chịu khó nuôi vợ như thế đâu được tuần lễ, thì kẻ vợn cái đẻ ra được một con vợn được con, lông cũng ngà ngà như cha mẹ. Hai vợ chồng coi bộ mừng rỡ, kêu hú liên miêng và chuyển tay nhau mà mừng không biết mỏi.

Lúc bụng dạ ột-ột, không lần lợi theo chồng mà kiếm ăn được, phải ngồi miết trên cây mà chịu cho chồng nuôi đã đành, nhưng đến khi sanh sản xong rồi, phần con còn yếu đuối, cũng không nách con mà theo chồng được nữa. Bây giờ cái trách nhiệm của con vợn được lại càng thêm nặng nhọc, vì phải kiếm miếng ăn cho mình, cho vợ, mà lại còn phải chọn lựa tìm kiếm cho được những trái cây thiệt chín, thiệt mềm, để cho con ăn khỏi đau miệng, khỏi mắc cở. Biết vậy, nhưng hình như vợn được cũng vui lòng, vì bây giờ chẳng những là được vuốt ve vợ, mà lại còn được nựng nịu con nữa.

Anh chủ nhà kia là người hay lưu ý tới bây vợn, anh rõ nỗi khổ tâm của người lân cận, bởi vậy buổi chiều nào anh cũng



dem cho : khi trái chuối, khi vắt cơm, phòng khi nó thiếu hụt mà xót ruột. Vợ thấy vậy lại càng triu mến anh thêm, mà vợ triu mến anh chừng nào, anh lại càng thương yêu nó chừng nấy.

Một bữa kia, trời mưa dông lớn quá, bỗng nghe tiếng vợ kêu hú om sòm, anh chui nhà nọ rất lấy làm khó chịu. Khi trời hết mưa, anh bèn ra sân dòm lên cây trôm, thấy thiếu con vợ cái. Con vợ cái, bụng nấc con, trèo lên tuột xuống, kêu hú om sòm, mà động kêu nghe ra buồn rầu tha thiết lắm. Có lần nó bỏ riết lên chót vót ngọn cây, đứng thẳng cẳng, đưa tay che mắt nó mong vào đám rừng rậm mà hú, - hú năm bảy tiếng rồi lại trở xuống, ngồi trên nhàn nhàn cây, cúi đầu ngó xuống người đứng dưới đất. Thấy cử chỉ và gương mặt buồn rầu của con vợ cái, anh kia đoán biết trưa bữa nay, trời mưa dông lớn, không biết sao chồng mụ nọ không về, nên mẹ con mụ thất thểu thất thểu, trông đứng trông ngồi, mới chạy đi ngóng chừng và kêu hú như thế.

Luôn mấy bữa sau, cũng không thấy vợ được về, anh kia nghĩ : lúc đi kiếm ăn, gặp con vợ cái nào khác, xin lỗi hơn vợ nhà đã có con, vợ được bèn đoạn nghĩa phu-thiếp, dứt tình phu tử, đi theo miết con vợ cái ấy ; hoặc giả trèo leo giữa rừng, dỏng mưa trơn trượt, rồi bị « ác-xi-đã g » (accident : tai nạn) bỏ mình giữa chốn thâm sơn, làm mồi cho thú dữ. Trong hai lẽ, cái lẽ sau này, anh kia lại tin chắc hơn, rồi cũng buồn bực thương tiếc lắm.

Hai ba ngày rày, vợ được không về, vợ cái chỉ kêu hú, ngóng trông, chờ cũng không la

cây trôm, bông con mà đi kiếm. Ấy là tại nó biết sức nó hãy còn yếu đuối, con nó hãy còn non ngày, không thể leo trèo, chạy nhảy được như lúc trước, chờ không phải nó không nóng lòng và không thương chồng đâu.

Từ bữa-đầu đến nay, ngày hai buổi, anh chủ nhà nọ đều có đem cơm và trái cây ra cho mẹ con vợ ăn, không hề thiếu hụt một bữa nào. Vậy mà mỗi đêm, lâu lâu lại nghe tiếng kêu hú trên cây, kêu hoai hình như bỏ ngũ, làm cho anh nọ xốn xang lòng dạ, cứ chất lưỡi thở ra hoai.

Hết ngày tới đêm, hết đêm tới ngày, lật bật mà đã gần một tháng. Đêm kia anh nọ không còn nghe tiếng kêu hú trên cây trôm nữa, sáng ngày anh bèn ra xem thử, thì lẽ ra hai mẹ con nhà nọ đã dắt nhau đi đâu mất rồi.

Anh định bụng chắc lúc này mẹ con đã cứng cái hết nên dắt nhau đi tìm chồng tìm cha, và có lẽ khi tìm được, chúng sẽ dắt nhau về ở trên cây trôm như cũ. Thôi, anh cũng van vái cho hai mẹ con vợ ra đi gặp được sự may mắn.

Mười bữa sau, đang lúc ăn cơm, thỉnh thoảng lại nghe tiếng vợ hú trên cây trôm, cả nhà anh nọ lấy làm mừng rỡ, chắc vợ cái đã tìm được vợ được về, nên ai nấy đều buông dưa chạy ra coi cho biết. Đến nơi, vợ được đâu không thấy, chỉ thấy vợ cái tay bông con, tay cầm một chùm hoa gì không biết mà trắng như bông bưởi. Anh nọ các cơ hỏi :

— Sao ? Có tìm được « thẳng » không ?

Vợ cái hú hí rồi tuột lần xuống, còn cách mặt đất lối bốn

năm thước tây, bèn quăng chùm bông vào mình anh kia, hú hí đôi ba tiếng, rồi phăng phăng trở lên, chuyền cây này qua cây kia mà đi mất. . . Từ ấy đến nay, mẹ con vợ không biết sống thác, không còn thấy trở lại cây trôm nữa !

Cái chùm hoa vợ tặng anh kia đề đề ơn đùm bọc, là hoa gì ? Cả nhà anh nọ không biết là hoa gì cả, song chắc là một thứ hoa quý, ít có, như là mùi nó thơm tho nhẹ nhàn, ai cũng ưa ngửi.

Một bữa kia, như có người Chom đến chơi, anh nọ bèn lấy chùm hoa đem ra mà khoe và hỏi thăm cho biết. Người Chăm nói hoa ấy có dây như dây « chùm gởi » thường ở trên ngọn cây cao lớn, ít ai gặp và bẻ gãy. Người Chăm lại có tục kính trọng hoa ấy, lễ thấy cây nào có thứ hoa ấy, thì lập trang lập miếu tại gốc cây mà thờ, dường như nó là một vị thần linh ở chốn sơn lâm vậy.

③

Tôi thuật chuyện này mà người ngồi trong lòng, rồi có cái cảm tưởng như vậy : Loài vợ tuy là giống ở rừng rú, sống dơ ăn sống, song nó cũng có trí khôn, cũng có gia đình, chồng vợ, cũng có nghĩa có tình, lại cũng biết mang ơn người thương yêu tế độ, thì nó có khác loài người là khác về sự ăn mặc và học hành chữ nghĩa, chờ có chi đâu ? Nhưng trong loài người, sao tôi lại thấy có một ít kẻ đối với vợ vô tình, đối với con bạc nghĩa, đối với người ơn của mình lại không nhớ, vậy thì đem hàng người ấy so sánh với loài vợ, ai nên làm vợ, mà ai nên làm người ?

V. B.

CÁI THÙ CỦA TƯ' DO

Cô Trần Lệ-Thanh, năm 14, 15 tuổi, làm học-sanh ở một trường trung-học kia, từng nghe thầy giáo giảng về hai chữ « tư-do ».

« Tư-do là gì ? Thầy giáo cắt nghĩa, nó là *theo ý mình mà làm đều phải*. Bao nhiêu sách-vở giải-thích hai chữ tư-do, có thể cho là thừa hết, nó chỉ gồm trong một câu trên đó mà thôi.

« Vây, các em hãy nhớ, theo ý mình mà làm việc quấy, ấy là không phải tư-do rồi. Còn kẻ cấm-đoán hay là ngăn - trở người khác làm đều phải theo ý họ, ấy là kẻ chuyên chế.

« Thân phận con gái có một việc rất lớn trong cả đời mình là việc lấy chồng. Trong việc ấy, người con gái phải theo ý mình mà chọn lựa, song trong khi đó lại phải tỏ ra là mình làm đều phải. Như thế, người đời quen gọi là *hôn-nhơn tư-do* ».

Cô Trần Lệ-Thanh từ được nghe mấy lời giảng-day ấy, như cái ánh sáng soi vào trí khôn, cô chẳng còn hiểu lầm nghĩa tư-do; và cô đã ghi-tạc mấy lời của thầy giáo vào lòng. Hằng ngày cô tâm-tâm niệm-niệm : « Tư-do là theo ý mình mà làm đều phải; tư-do không phải theo ý mình mà làm đều quấy.

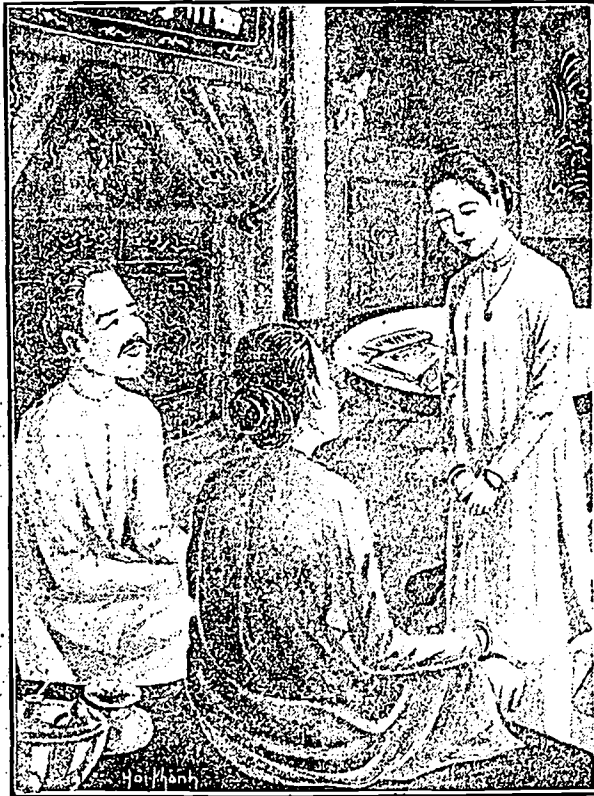
Cô Lệ-Thanh là con gái đầu lòng của vợ chồng ông Trần Bình-Chương, một tay nho-học kiêm tay-học, có tiếng ở cả vùng Phan-thiết, người ta cho vào hàng thượng-lưu, kẻ cũng là tân-nhân-vật.

Ông Trần rất hoan-nghinh cái tư-tưởng mới, nhưng đối với cách ăn ở của bọn thanh-niên hiện thời thì ông thường thường tỏ ý không bằng lòng. Ông cho rằng những cái, khuynh-hướng và hành-vi của bọn họ là vượt ra ngoài phạm-vi luân-lý, không có thể dung.

Ông chủ-trương rằng tư-tưởng mới là hay, đáng theo lắm, song luân-lý của ta là quốc-túy, quốc-hồn, không nên bỏ đi, bỏ đi là làm rối loạn cả xã-hội và gia-đình.

Cái chủ-ý ấy ông không thi-hành ở đâu được chớ trong gia - đình ông, ông có quyền thi - hành được, và quyết ý thi-hành. Bởi vậy ông có bốn năm người con vừa trai vừa gái đã trọng, mà người nào cũng học-hành đúng-dắn, vào khuôn vào phép cả. Như là cô Lệ-Thanh, con gái đầu lòng của ông, ông chăm-chút lắm, vì ông nghĩ rằng hễ đưa đầu mà dạy bảo cho nó nên người được thi tự-nhiên mấy đứa sau noi gương theo đó mà dễ dạy.

Năm nọ, cô Lệ-Thanh tốt-nghiệp trung-học, vừa



Ông bà Trần-bình-Chương kêu cô Lệ-Thanh ra nói chuyện hôn-nhân

đúng 18 tuổi. Ở nơi nữ-học còn kém mà lại có được một vị thanh-niên nữ-học-sanh thi đậu đến trung-đẳng, thiên hạ trăm trò khen-ngợi biết bao. Nhưng theo con mắt người ngoài thì như vậy; chớ ông Trần Bình-Chương là người cáo-thường, ông coi cũng như không, chẳng hề lấy sự con gái mình đỗ đạt làm đặc ý. Trái lại, ông lại cho cô ấy



đậu đến trung-học là dư-sự, vì theo ý ông, con gái chỉ nên học cho biết chữ sơ-sĩa là đủ rồi. Mà thật thế, trước kia, khi cô Lê-Thanh-đậu tiểu-học rồi, ông đã có ý rút về ở nhà, mà vì cô khóc lóc, nhờ mẹ nói giùm, nên ông cũng chiều lòng vợ con mà cho theo học luôn.

Ngày nay cô đỗ trung-học rồi, tính làm gì? tính theo con đường nào? Việc ấy hẳn chỉ có ông ta và cô Lê-Thanh mới lưu tâm đến mà thôi, còn bà Trần Bình-Chương thì làm sao cũng được hết, vì bà ta là hàng đàn bà cũ, lúc-thúc trong ba ông táo, không thạo việc học hành đời nay là mấy.

« Tự-do là theo ý mình mà làm đều phải », cô Lê-Thanh khi đỗ trung-học rồi cũng còn hằng ngày lặp luôn câu ấy không quên.

Theo ý cô thì cô muốn đi học thêm. Nhưng, đi học thêm, có phải là làm đều phải không? Cô vẫn còn suy-nghĩ.

Cô nhớ lại ở trường cao-đẳng Hanội, gần nay Nhà-nước đã có lệnh kén học-trò con gái vào. Vậy thì mình đi học nữa, mình xin thi vào cao-đẳng, có gì là quấy?

Còn lo một nỗi ở nhà có đủ sức nuôi cho mình đi học ít năm nữa không. Song cái đó là nhà ai kia, chứ cô đã sanh ra nhằm nhà vợ chồng ông Trần Bình-Chương, mà còn lo gì? Nhà ông giàu-có, muốn nuôi mấy đứa con đi học Hanội mà chẳng được?

Suy nghĩ tới nơi rồi, cô Lê-Thanh mạnh-bạo mà nhận cho cái ý-muốn của mình là không quấy; duy có vì cơ nào chẳng biết, cô chẳng hề dám đem cái ý ấy mà tỏ với cha. Với bà, thì cô có nói một đôi lần rồi; bà hứa với cô rằng để nói giùm cho, song được hay không thì chưa chắc. Thuở nay ai lại chẳng biết cái gia-pháp nhà ông Trần Bình-Chương là nghiêm lắm!

Một hôm, sau khi hai ông bà bàn luận gì với nhau chẳng biết, nghe có tiếng kêu dầm-thấm mà nghiêm-nghị như vậy:

— Lê-Thanh! Ra bảo đây!

— Da. Cô Lê-Thanh từ trong phòng riêng chạy đến chỗ hai ông bà ngồi, vòng tay đứng đó.

— Lê-Thanh, ông cất tiếng nói, con năm nay thi đỗ, ấy là xong việc học rồi; con lại đã lên 18 tuổi, theo lẽ, lấy chồng đã được đó, vậy thầy mẹ đương lo tính đôi-bạn cho con đây.

Một tin lạ lọt vào tai cô Lê-Thanh! Cô có hề nghĩ đến chuyện chồng con đâu. Cô còn tính việc đi học nữa, lấy chồng thì làm thế nào mà đi học? Và lại, theo lời thầy giáo nói, việc lấy chồng là

việc hệ-trọng của đời mình, há nên làm việc ấy trong khi ý mình chưa nghĩ tới? Cô bèn đánh bạo mà vừa nói vừa run như vậy:

— Thưa thầy mẹ, con muốn đi học nữa, xin thầy mẹ khoan cho con lấy chồng.

Mấy tiếng ấy vừa thoát khỏi cái miệng ngập-nghững của cô thiếu-nữ thì cặp mắt của nhà đạo-đức mà là nghiêm-phu kia đã trợn dọc lên, quở-mắng trách-phạt lăm lờ, ông rầy cô con gái ông sao có khuynh-hướng cái tư-tưởng quá-khích của bọn thanh-niên mà không chịu ăn lời cha mẹ:

— Mày muốn tự-do rồi đó hả? Gớm! Cái đời, không nghe lời cha mẹ mà dám nói là tự-do!

Cô Lê-Thanh trót dại đã thốt ra một câu mà bị mắng rồi, cô biết thân, không dám lấy lý-sự mà bình-vực cho mình nữa. Thụt-lùi một bước thêm một bước, rồi cô đi thẳng về chỗ mình hầu để tránh con thanh-nộ.

Cô Lê-Thanh dầu bị quở-mắng phủ-phàng, cái lý-trí của cô cũng vẫn còn sáng-suốt, cô vẫn lặp đi lặp lại thầm trong bụng: « Tự-do là theo ý mình mà làm đều phải ».

Lấy chồng hay không lấy chồng, ấy là tùy ý cô, theo lời thầy giáo trước kia đã dạy, thì cô được tự-do trong sự ấy. Nhưng bây giờ cô chưa muốn lấy chồng, có phải là làm đều phải hay không? Có chỉ cần suy nghĩ có bấy nhiêu thôi.

Cô Lê-Thanh nghĩ, duy có không chịu lấy chồng mà lại theo thói trong dâu trên bực như ai thì mới là quấy; chứ còn không chịu lấy chồng mà để đi học nữa thì găm lại chẳng có quấy chút nào. Và lại, con gái lớn rồi mà cứ già kén chẹn hóm, để cái lo cho cha mẹ thì mới là quấy; chứ có mới 18 tuổi, chưa phải muộn màng ẽ-âm gì, thì chậm lấy chồng ít năm để đi học thêm, lại là đều phải, có nên làm. Nghĩ vậy rồi cô toan làm dan đem tâm-sự ấy bộc-bạch cùng cha, song mỗi khi thấy mặt ông, cô sợ thất-thần, toan nói rồi lại làm thinh, như vậy chẳng biết mấy lần.

Gần miền đó có ông Nguyễn-chí-Đạo, làm Cai-tổng, nhà giàu lắm, mà là bạn thiết với ông Trần Bình-Chương từ thuở nhỏ. Ông Cai-tổng có đứa con trai đầu lòng là Nguyễn-thiệu-Thuật, năm ấy 21 tuổi, có đi học chữ nho, quốc-ngữ, cũng đã được mười năm, lúc đó thì đã thôi học, về coi việc nhà cho cha. Chàng thiếu-niên này nội trong năm đó nghiêm-nhiên làm chồng cô Lê-Thanh, vậy mà cô không ngờ!

Té ra hai người đã hẹn làm sui với nhau từ bao giờ. Vợ chồng ông Trần Bình-Chương đã đi



lại nhà họ Nguyễn, nữa vì tình bạn-hữu, nữa vì tình sui-gia, lại đã nhận lễ mừng-năm ngày-tết mấy phen, song giấu kín với cô Lê-Thanh, sợ cô lằng-xao việc học. Và đến ngày nay, hai bên đã coi được năm được tháng rồi, định cho hai trẻ vẫy duyên kháng-lệ, không còn gì nữa.

Một hôm khác, lúc ăn cơm tối rồi, ông Trần Bình-Chương cùng ngồi với bà, kêu cô Lê-Thanh ra, ông lại nói chuyện cho cô nghe, như vậy :

— Này con, hôm nay thầy muốn nói chuyện với con, nhưng trước hết con hãy bỏ cái ý muốn đi học nữa đi, rồi thầy mới nói.

— Dạ !

— Ừ được ! Thầy nói cho con nghe : Ông Cai-tổng Nguyễn-chi-Đạo muốn hỏi thăm con cho con ông là Nguyễn-thiệu-Thuật — thằng này chắc con có nghe, nó lành trai lắm — thầy mẹ đã đánh gả rồi, chẳng biết bụng con làm sao ?

— Thưa thầy mẹ, con chưa nghĩ đến..... Cô Lê-Thanh nói mới nửa chừng rồi không nói được nữa.

Bà Trần Bình-Chương vừa cười vừa nói pha trò :

— Trong ý con Thanh hẳn định làm như cô gì đó bên Tàu mà họ nói trong báo bữa trước, hơn ba mươi tuổi còn chưa chịu lấy chồng để đi học bên Tây !

Mà nó đừng nói dờn. Lúc này hẳn đã chịu với tôi rằng bỏ cái ý đi học nữa rồi mà. Ông nói như vậy rồi xáy qua nói cùng cô Lê-Thanh : Mà làm sao ? con có bằng lòng thằng ấy không ?

— Thưa thầy, con chưa thấy người ấy.

— A ! Tưởng gì chứ muốn thấy đâu có khó, ông vừa cười chum-chim vừa nói, có đều thầy muốn hỏi con có bằng lòng không, thì nói cho thầy nghe.

Nghe câu ấy, trong trí cô Lê-Thanh nảy lên ra sự phán-đoán mà biết là câu nói ngang. Theo cô thì thấy đã rồi mới biết bằng lòng cùng không. Cái này ông bảo trước khi thấy mà phải nói cho ông nghe là bằng lòng hay không bằng lòng, thế thì khác nào ông ép cô bảo phải bằng lòng đi, chứ không cần thấy ?

Tuy cô Lê-Thanh nghĩ trong trí phân minh như vậy mà nói ra thì không được. Nói không được, chẳng phải tại cô cá-lăm hay ngóng-nghe gì đâu ; nhưng, bất kỳ khi nào, việc gì, trước mặt cha mình, cô không có can-dảm mở ra lời. Lần này cũng như mấy lần trước, sau câu hỏi của ông đó, cô Lê-Thanh đánh chữ mần thình.

— Sao con làm thình ? Ông cười to lên rồi nói tiếp, làm thình ấy tức là hăng lòng ! Đ Sloan ông đừng dầy mà đi chỗ khác, đi làm việc của ông trong phòng giấy.

Đêm ấy cô Lê-Thanh khóc rung-rúc. Nhưng cha cô có biết đâu cái tâm-sự uất-ức của cô, tiếng khóc có đâu có tới tai ông ấy, ông cứ một mực nói con gái mình bằng lòng rồi. Duy có mẹ cô biết ý, song bà dờ lăm, bà biết thương con là thấy mà tội-nghiệp vậy thôi, chờ chẳng có một lời gì đỡ gạt cho con. Trọn đêm ấy bà thức mà yên-đi cô, rồi lại cũng chỉ khuyên cô theo lời cha cho xong việc là cùng.

Cái nghĩa tự-do thế nào ? Lần này ở trong đầu cô Lê-Thanh càng sáng-suốt hơn, nó cũng vẫn là « theo ý mình mà làm đều phải ». Cô dám nghĩ đến rằng nếu cô chống-cự lại cha cô, thì cũng vẫn là làm đều phải mà thôi.

Sau khi đã thấy con người, rõ là mười cái mười được, xứng lứa vừa đôi, mà còn làm nung làm nịu, không ưng, để cực lòng cha mẹ, như vậy hẳn là làm đều quấy. Chớ như cô đây, chưa biết Thiệu-Thuật là người thế nào, vậy mà cha cô ép cô bằng lòng đi, nếu cô chống-cự lại, cô quấy gì đâu ? Song, ác-nghiệt thay ! có chút tâm-sự trong lòng cô, còn không dám thắn-thĩ với cha thay, huống chi là lấy lẽ-phải mà chống-cự ?

Từ đó người ta công-nhiên với nhau mà định ngày cưới cô. Một hôm, thấy Thiệu-Thuật qua nhà họ Trần. Người ta có ý cho cô Lê-Thanh thấy một người chồng « chi-nguyên » của mình đó. Nhưng khi ấy thì cô đã liệu rồi, cô thấy nó cũng là chồng mình, không thấy nó cũng là chồng mình, vậy thì có coi làm gì cho vô-ích !

Một người nữ-sĩ có ăn-học hẳn-hỏi, mà coi cũng như một đứa gái quê vô-giáo-dục đâu hỏi thế-ký trước, bắt ở yên dưới cái chế-độ đặt đầu-ngồi đó, không nghe thì gĩa cho tiếng học-thối tự-do, bất-hiểu, không ăn lời cha mẹ, thế có tức chết đi được không ? Tự-nhiên có Lê-Thanh vô-tâm mà làm ra sự kháng-cự của kẻ yếu một lần cuối-cùng.

Trước ngày cưới, cô nằm luôn, không ăn. Cái nét mặt đầy-dặn tươi-tắn trước kia nay đã hóa ra học-hạc, ủ-ê, đầu bù tóc rối. Bà Trần Bình-Chương lấy làm lo, nhưng ông thì ông tỉnh-táo lắm, cho biết đáng trọng-phu chẳng hề non gan như nhi-nữ !

Khi đó đã khuya mà người nhà còn thức lo dọn đám, trong phòng cô Lê-Thanh có tiếng đàn-ông chằng-chằng, ai nấy đều nghe, như vậy :



— Có hai lẽ : một là mây dầy mà lo việc thân-phận của mây ; một là mây cầm dao cắt họng vợ chồng tao đi, rồi mây đi đường mây tự-do. Thế nào, con kia ?

Cô Lê - Thanh bấy giờ đương thim - thip, bỗng nghe tiếng xằng-xớm ấy, đứng ngược mà đứng dầy, chẳng biết trả lời làm sao, cô chỉ có khóc mà thôi.

Quái ! Việc gì mà ông lại thách con-gái ông cầm dao cắt họng vợ chồng ông ? Kể làm cha mẹ cứ quen dùng câu ấy mà dọa con : những là « dầy mây giết tao đi ! » những là « nó muốn cho tôi chết rắp ! » rống là đem cái tội bất-hiểu đại-ngịch gia cho con để có vui giập cái lẽ phải của chúng nó. Cái sở-trường của ông Trần Bình-Chương cũng chỉ có bấy nhiêu, mà ông cũng như cha mẹ khác, hề đem dùng cái sở-trường này ra là kiến-hiệu.

Cô Lê-Thanh chịu thua. Hai ngày sau đó thì họ cứ việc đi cưới, cô cứ việc làm dâu nhà họ Nguyễn.

Nhà họ Nguyễn giàu, cô về đó, muốn chi có nấy, ông-gia bà-gia cho đến chồng cũng đều qui trọng cô như vàng. Chàng Thiệu - Thuật trẻ người mà biết lo làm ăn, không chơi - bời chi ; cô Lê-Thanh giúp chồng những sổ-sách giấy mực, thành-thời nhàn-hạ, mà lại sung-sướng phủ - phê, chớ không như mấy cô đồng-học với cô hồi đó bấy giờ làm cô-giáo, phải đi dạy mỗi ngày hai buổi.

Cho đến năm nay, cô Lê-Thanh có được hai đứa con rồi, kể từ ngày cưới đến nay là bốn năm tròn. Cả vùng Phan-thiết ai cũng khen cô Lê-

Thanh có phước, lấy chồng như vậy còn sướng bằng mấy chồng quan ! Họ cũng khen cả đến cấp sui-gia là ông Cai-tổng Đạo với ông Trần Bình-Chương nữa ; nhứt là ông Trần, biết nát con mình đi để khỏi phụ lời giao-ước với bạn năm xưa, ăn ở như vậy là có đạo nghĩa, ít ai bằng !

Mới rồi ông Trần Bình-Chương vào Saigon, có người bạn thân hỏi thăm chuyện con ông, ông kể cho nghe đầu đuôi việc cô Lê-Thanh, rồi kết-luận rằng : « Ba mươi đời, thứ con gái, lúc đầu nó làm nũng làm nịu vậy đó, chớ mình cứ ép miết nó đi rồi nó cũng êm. Thì con Lê-Thanh nhà tôi đó, năm nay có hai mặt con rồi ! »

Song le, theo lời cô Lê-Thanh nói với chị em cô, thì từ ấy nhân này cô vẫn ôm luôn sự khổ-thống trong lòng mà chẳng biết tỏ với ai. Cô cũng là người như ai, cô muốn học để cầu thêm tri-thức nữa, sao không cho cô học ? Người chồng của cô hiền-lành thật, nhưng ngu-dần mộc-mạc quá, chẳng đủ mà hiểu cô, hai đứa con đó chỉ là

cái kết-quả của nhục-dục mà thôi, chớ chẳng phải của ái-tình. Ấy là cái khổ-thống đó, thiên-hạ ở ngoài không biết cho cô đã đánh ; mà cha cô là ông Trần Bình - Chương cũng như dui như điếc, trở cho sự ép-uống của mình là khôn, là lành, là được việc !

Tự-do là làm đều phải theo ý mình, vậy mà người ta cấm làm đều phải, rồi trở cho cái tự-do là cái bậy. Coi đó thì biết ai là thù của tự-do !

HẠNH-HẬU-SANH



Cô Lê-Thanh ngồi nhìn hai đứa con ; nó là cái kết-quả của nhục-dục, chớ không phải của ái-tình !





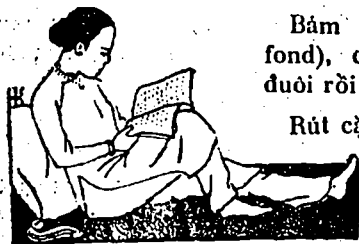
II

MỸ NHON'N VỚI VĂN SĨ

Của VIÊN-HOÀNH

Bóng trắng lồng cửa sổ, hơi gió thổi đầu nhánh, trong một căn phòng vuông ở nhà kia, ngoài những tiếng tíc-tắc... tíc-tắc... của cái đồng-hồ nhỏ để trên bàn bán-nguyệt, thì đầu đó vẫn lặng lẽ như tờ.

Dưới bóng đèn điện, ngoài có bao một cái chụp lụa bông hương, một cô thiếu-phụ má phấn môi son, nằm ngửa trên ghế xích-đu, ôm một quyển tiểu-thuyết sát vào ngực, đưa cặp mắt mơ màng ra ngoài cửa sổ.



Bám chặt trần-nhà (plafond), con thần-lân ngoắc đuôi rồi chắt lưỡi !

Rút cặp nhãn-quang đem về chỗ cũ, cô Bích-Vân — cái người thiếu phụ nằm trên ghế xích-đu — lăm-

băm nói :

— Ít ra cũng phải có một người đàn ông hiểu nghĩa ái-tình như vậy chứ !

Cô vuốt ve quyển sách : giấy láng, khổ nhỏ, bìa đẹp, cầm đứng nó lên mà nhìn cái nhan, nhìn lần thứ mấy mươi, rồi đọc :

« SỢI TƠ LÔNG » (Ái-tình tiểu-thuyết)

Tác-giã : Ly-thiên-Sanh

Ly-thiên-Sanh ! Một tay văn-sĩ vô danh ngày nay, nhưng cuốn sách của cậu ta, ngày mai, công-chúng sẽ biết hết. Chắc cậu ta là một anh chàng trẻ tuổi — phải trẻ tuổi mới có cái ái-tình nồng-nần, trong-sạch, mà giảng giải hai chữ ái-tình đúng nghĩa của nó ! — một anh chàng trẻ tuổi đang mạnh chơn sấn bước lên đàn ngôn-luận, là chỗ nó làm vinh-diệu cho người cầm bút.

Cô Bích-Vân khép hờ mí con mắt, để năm

tưởng tượng hình dạng nhà văn-sĩ trẻ tuổi ; Chắc mặt tròn, con mắt đen, mũi cao, miệng rộng.... rồi tay cô lật nhẹ-nhẹ từ tờ quyển sách. Lật đến trang 43, cô dừng tay, vì cái trang ấy tác-giã luận về ái-tình, vì cái trang ấy là trang cô quí nhưt. Cô đọc nho nhỏ :

« Phải, em Cúc-Hoa, ái-tình là một cái bồn bằng ngọc mà đòi ta phải đổ mồ-hôi, đổ giọt máu, đổ dòng nước mắt vào đó cho đầy. Em nên biết, trong cái bồn ngọc thiêng-liêng (vase sacré) ấy, anh đã để cả lòng lẫn óc anh vào trong đó, bởi vì chỉ có ái-tình là chứa các tư-tưởng, các sự hành-động, các nghị-lực, các sự yếu-hèn của ta mà thôi.....»

Cô Bích-Vân đọc đi đọc lại câu trên đây, mà nghe hình như trong miệng cô có mùi gì thơm tho ngon ngọt....

Cô nghiêng đầu qua một bên, lim-dim đôi mắt, tri lại suy nghĩ :

— Chồng ta đời nào mà nói ra được những lời vàng ngọc như vậy !

Cô than thở, cô trẻ mới, bộ không bằng lòng... Chồng cô, ông Bao-cát-Bình, người mập lù mà tử-tế, giàu tiền chứ không giàu chữ nghĩa. Bởi vậy, cô Bích-Vân có chỗ thương chồng, mà cũng có chỗ.... không thương chồng ! Cô năm nay mới ngoài hai mươi tuổi, cái tuổi đang xuân, cái tình đang nồng, qui chưa vào con người xinh như hoa, đẹp như ngọc, mà người ấy lại là « hiền-thê » của một anh trọc-phú, tuổi bốn mươi ngoài ! Cái thân cô Bích-Vân là cái thân dật-dờ, cái tình cô Bích-Vân là cái tình nửa thiệt nửa giả, cái đời cô Bích-Vân là cái đời ăn-hận... Bởi các cơ ấy, mà cô Bích-Vân ngăn-ngờ ngăn-ngàn, rồi cô mơ-màng hai chữ « ái-tình » ở trên những trang sách !

Ly-thiên-Sanh chắc còn trẻ tuổi. Nó đẹp trai, nó gọn gàng, nó quảng-đại, nó sôi-sảng với bạn-đạ



ting, nhưng chắc nó nghèo !.. Thấy kệ ! Tay văn-sĩ mắc lo làm giàu về văn-chương, về danh-dự, ai có rảnh tay như ai mà lo làm giàu... tiền !

Thấy kệ ! Cô Bích-Vân sẽ bay đến bên chàng rồi nói : « Em là một người khó hiểu, nay chàng đã vạch bụng gan lá phổi của em ra cho em ngó thấy một cách minh bạch. Em xin đem khối-tinh chưa chhut nho-bợn mà đựng cho chàng, tự chàng dùng lấy, tự chàng tò diêm và sai khiến nó ! »

Nhưng..... làm sao biết được địa-chỉ (adresse) của nhà văn-sĩ ? Cô Bích-Vân nhớ lại, nhà in in ra quyển sách « Sợi tơ lòng » ắt phải biết. Cô lật đặt lấy một miếng giấy, giống như màu giấy bia cuốn sách, viết thâu mấy chữ :



« Chàng đã thâu cả linh-hồn em rồi. Thế nào em cũng phải cùng chàng sum-hiệp. »

Đỏ rồi tờ giấy có mùi bông-lài nó chui vào phong-bì, để tên nhà in sách, một bên góc có biên mấy chữ : « Xin đưa lại giùm cho tác-giã « Sợi tơ lòng. »

Tâm ngày chạy qua, là tâm ngày có Bích-Vân trông đợi, rầu buồn, ngán ngơ, như người lộn hồn, mất trí. Lần-lúc cô nhìn chồng cô mà sững sờ, mà chua-xột. Ngày thứ chín, cô tiếp được một phong thư — cái bao là thư giấy vàng thường — đặt lật xé ra xem, thấy có một hàng chữ viết thiệt cứng :

« Mai cô hãy lại chơi, vào khoảng từ 6 tới 8. »

Bữa sau, gần đúng giờ hẹn, cô Bích-Vân mặc một bộ đồ thật sang, trang điểm một cách đặc-biệt, bước ra cửa sau, đứng ngó cái xe-hơi mui kiền đang nằm trong ga-ra một chút, trở vào, lấy khăn choàng lên đầu, lại trước tủ kiền đứng ngắm nhia, rồi đi thẳng ra đường, lên xe kéo.....

Cô đi lần vào một con đường hẻm, ánh sáng lơ mờ, thấy hai bên có hai dãy phố dựa mặt đen sì. Cô Bích-Vân mỉm cười, nói : « Khéo lựa chỗ mà ở quá ! »

Cô đi quanh, đi quẹo, qua mỗi căn phố cô đều liếc xem số nhà, trong lòng có hơi hộp như có gái sắp sửa về nhà chồng, pha lẫn nỗi mừng, nỗi sợ.

Đến trước một căn phố cửa đóng, cô đứng chôn lai một chút, rồi nhẹ-nhẹ bước lại cửa sổ. Cô sẽ lên, kéo nhẹ cánh cửa, dòm vào trong, thấy có một cái bàn viết, một cái tủ sách, mấy cái ghế mây

xích-xạc, với một bộ ván gỗ, trên bộ ván ấy có một người còn trai, tóc cúp chãi, mặc bộ đồ vải trắng, nằm dựa một cái màn..... á-phiện. Người ấy đang lơ mơ tìm thuốc !.....

Cô Bích-Vân thở ra, tự hỏi lấy mình : « Phải chàng Lý-thiên-Sanh đó chăng ? Thiên-hạ đồn các ông văn-sĩ là hạng chán đời, hay làm bạn với mắc đèn có khi mà phải. Đi chơi tốn tiền, và cũng ít muốn đi chơi, thì ở nhà hút năm ba điều cho nó sáng cái tinh-thần, đề mà coi sách, cũng chẳng hề gì. Có đều cái người nằm đó, coi sao nó hèn quá... Á ! hay là thằng làm thuốc của ông ta chăng ? Nếu nó là thằng làm thuốc, thì ta nên phục cái nghèo mà không bỏ tánh phong-lưu của nhà văn-sĩ, song còn ông ta, ông lại đi đâu ? »

Không đến thì thôi, đã đến thì vào. Cô Bích-Vân bước lại gõ cửa. Người nằm trên ván lật đặt ngồi dậy, buồng cây tim, vuốt mi tóc, xỏ chơn vào đôi guốc, đi lại bàn giữa, bùng cây đèn, bước ra mở cửa. Cô Bích-Vân cúi sơ cái đầu, nghiêm nét mặt mà hỏi :

— Phải nhà Lý tiên-sanh ở đây chăng ?

— Thừa phải. Xin mời qui-nương vào.

Khép cửa lại, người kia đem cây đèn để ở bàn giữa. Cô Bích-Vân liếc mắt cùng khắp, ngó người đàn-ông nọ, rồi có hỏi nhỏ nhỏ :

— Tiên-sanh đi đâu vắng ?

Người đàn-ông rung vai, đáp :

— Chính tôi đây ! Tôi là Lý-thiên-Sanh, tác-giã quyển « Sợi tơ lòng » đây. Thừa qui-nương, thật trong đời này tôi tưởng có một mình qui-nương có cái ái-tình cao-thượng, có cặp con mắt-tinh đời, nên mới hiểu thấu nỗi lòng tôi như thế. Tôi là một tay văn-sĩ nghèo, không ai biết tôi, song tôi rất giàu lòng yêu thương, đã được qui-nương thương-lắm văn-chương, lại còn ha cổ tìm tôi tới tẹ-xá viếng thăm, thật tôi lấy làm hân-hạnh vô cùng. Đợi thiệt là bạc với thợ làm văn-lắm !. Nào có ai đoán tưởng gì đến tôi đâu ; nhưng cũng nhờ sự thiên-hạ lãnh-dam với tôi đó, mà tôi giấu kín được khối-tinh trong như ngọc, trắng như tuyết ở trong lòng, đề khi viết sách, đem nó ra mà đổ vào hàng chữ, trang giấy, làm cho qui-nương xao-xuyến, eãm-dộng, rồi ái-nộ tôi đó !.....

Cặp con mắt cô Bích-Vân mở rộng, chói lòa. Cô nghe trông mình có hơi khiếp-sợ, nếu không khéo giữ, ắt phải run rẩy. Nhà văn-sĩ lại nói tiếp :

— Không có một tờ báo, một tờ tạp-chí nào bình-phẩm hay giới-thiệu cuốn sách tôi, là cuốn



sách mà tôi xuất tiền túi tôi để xuất-bầu. Thưa quý-nương, thiệt vậy ; tôi vét hết số tiền tiết-kiệm của tôi trong mấy năm nay, mà trả cho chủ nhà-in, không thiếu được một cắc bạc, bởi vì anh ta đâu có biết in cuốn sách tôi làm tăng giá-trị nhà-in anh, bán sách tôi là làm giàu lớn cho anh ! Tuy phải trải qua cái cảnh ngộ cay chua như thế, song tôi cũng không phiền, không phiền vì hôm nay đã có quý-nương biết đánh giá cuốn sách của tôi, và đến viếng tôi đó. Ôi ! Còn có cái phần thưởng nào mà quý báu cho nhà văn-sĩ này hơn nữa ! Nào óc lấy chuyện, chap chữ thành văn, bây giờ tôi mới biết, thưa quý-nương, tôi mới biết không phải không có người xét đến công lao của con nhà cầm bút ! Thưa quý-nương, tôi đã khêu gọi khối-tinh của quý-nương, quý-nương đã hiểu thấu lòng dạ tim gan của tôi, tôi chắc hai linh hồn chúng ta, từ đây nó sẽ hiệp làm một !

Nhà văn-sĩ nhắc ghế lại gần, cô Bích-Vân cũng nhắc ghế thối lui, mà ứa nước mắt. Cô dòm kỹ thấy người đàn ông độ lối 30 tuổi, mặt xương, má cốp, môi thâm, vóc ốm, mặc bộ đồ vải trắng đã tới cỡ giặt đầu ba bốn bữa trước !

Nhà văn-sĩ nói, nói,... cô Bích-Vân thối lui lần ra cửa, mặt buồn, ngực nhầy, cô do theo con đường hẻm mập-mờ mà thoát ra ngoài...

◎

Đêm ấy, ngồi lại ăn cơm, Bao-cát-Bình nhìn mặt vợ lấy làm ngạc nhiên quá. Gương-mặt cô xau, cặp mắt cô đỏ, ông hỏi :

— Bộ mình « khó ở » chẳng ?

— Không, tôi đi chơi, bị thăng điên nó miến...

Ông Bao biển sắc, dường có ý lo sợ, cô Bích-Vân đã nói :

— Nhưng không hề gì, tôi biết giữ mình tôi lắm.

Cô liếc mắt qua bản viết, thấy quyền *Sợi tơ lòng*. Trong óc cô nảy ra một sự so sánh : Chồng cô giàu mà tục, đã làm cho cô thất vọng, còn nhà văn-sĩ, người ý-trung-nhân của cô, những người ấy ghềnh, xấu, nghèo, mà lại điên... chứ !

Cô rất bất-bình, cô nói :

— Bọn đàn ông ác lắm ! Các ông làm cho ái-tình hóa ra một vật xấu xa, không thể nào yêu đáng !

Đó rồi cô Bích-Vân khóc tẩm-tức tẩm-tức, nhưng chồng cô rung vai, ngoảnh chỉ hai giọt nước mắt của cô nó chảy dài trên mặt ngọc, chớ cũng không tìm hiểu coi tại làm sao mà ra duyên cớ !

Câu chuyện thú của ông Khương-hữu-Vi cùng một cô dâu mới

Ông Khương-hữu-Vi, thầy của ông Lương-khai-Siêu, là một danh nhân nước Tàu vào đời Quang-tự. Bấy giờ trong nước Tàu chia ra làm hai phe : phe cách-mạng thì Tôn-Văn-lâm đầu ; phe duy-tân thì Khương làm đầu.

Ông Khương, người có oai-nghiêm, ít ai gần ông được ; còn nói chỉ dân-bà con-gái thì ông chẳng hề giao-thiệp với, dau là hạng nữ-lưu sang-trọng. Tuy vậy mà có một lần ông đùa-hồn với một cô dâu mới bằng một cách nhả mà có thú lắm, cô kể đã đem chép làm đặt-sự của ông.

Lúc ông bị nạn ở Tàu, chạy qua Nhật-bổn, ở Hoàng-tân. Bấy giờ tại đó có một người Quảng-dông giàu vào bậc triệu-phủ, cưới vợ cho con, nghe ông vừa đến, bèn mời ông đến ngồi họ. Vì có người đồng-hương mà ở ngoại-quốc, ông Khương nhận lời đến dự tiệc.

Đám cưới, theo tục Quảng-dông, đêm thứ nhất sau khi rước dâu về, có lễ « anáo phòng ». Anáo phòng là những khách vừa nain vừa nữ, trong đêm ấy, kể chuyện mà khuấy-phá chàng rể và cô dâu, nói chuyện trắng-dớn hay là bắt làm thơ, uống rượu gì đó, làm cho đôi vợ chồng mới phải rộn-ràng khó chịu.

Theo phép lịch-sự, họ mời ông Khương mở cuộc náo phòng trước, vì ông là thượng-khách. Ông bèn bảo lấy tờ giấy đỏ và bút mực rồi ông viết tám chữ như vầy :

司月二大旦牛住了。

Viết rồi, ông bảo cầm đưa cho cô dâu trong phòng, bắt tự ý mình, cứ mỗi chữ ấy cho thêm một nét hầu thành ra tám chữ khác có nghĩa. Bằng như cô dâu làm không được sẽ bị phạt rượu.

Cô dâu mới đó là một tay nữ-học-sanh mới ở trường ra, nên ông Khương mới dám đùa như vậy. Nếu không thì ông cũng chẳng thử-thách đến cách này, rủi mà mò không ra, cô tội nghiệp cuo cô chẳng ?

Cô dâu cũng thông-minh, nhận được mảnh giấy, cô nghĩ qua rồi thêm mỗi chữ một nét viết ra tám chữ khác có nghĩa, mà khi viết, cô đỏ mặt tía tai, đưa mảnh giấy ra, cúi mặt không dám ngó ai hết. Người ta xem thấy tám chữ của cô như vầy :

同川工夫早生佳子。

Ái nấy đều vô tay cười vang cả nhà. Một dường họ phục cách chơi của ông Khương là tài-tinh mà u nhã-thú ; một dường họ khen cô dâu thông-minh mà bất-thiệp.

Theo bốn chữ của ông Khương viết, đọc là *tư nguyệt nhĩ đại dân ngư trú liễu*, không có nghĩa gì hết. Nhưng mỗi chữ thêm một nét, theo lệnh ông và như cô dâu đã làm, thì thành tám chữ, đọc là *đồng dụng công phu, sớm sanh con tốt*. Ấy là lời chúc cho cặp vợ chồng mới, mà đề tức cười tại bốn chữ *đồng dụng công phu*.

Sự chơi-dùa ở bên Tàu đại-khái nhiều cách hay mà ngộ-nghĩnh như vậy đó. Thấp được mà tìm thử giữa người Việt-nam chúng ta có cách chơi gì u nhã như vậy không ? Không có thì từ đây ta phải phát-nhân ra.



CUỘC THI MÙA XUÂN

của P. N. T. V.

Nhơn dịp Xuân đến, bốn-báo mở ra cuộc thi này, có đặt nhiều phần thưởng tốt đẹp lắm.

Cuộc thi này tuy là cuộc chơi mà có ý-nghĩa và lợi-lợi cho chị em.

ĐỀ THI

Xin đáp hai câu hỏi sau đây :

Câu thứ nhất.— Hôn-nhơn là việc trọng, có quan-hệ cho trọn đời người của con gái, vậy trong hai điều này có chọn điều nào ?

Điều thứ nhất.— Đề tùy ý cha mẹ, định đầu ưng đó.

Điều thứ nhì.— Tự ý mình chọn lựa.

Câu thứ hai.— Trong các thứ bông kể sau đây, có ưa thích thứ bông nào, xin kể mười thứ và sắp theo thứ-tự. Ví dụ : Bông mai, có ưa hơn hết thì sắp số 1, thứ bông có ít ưa hơn bông mai thì sắp vào số 2, rồi tuần tự sắp theo ý mình, hết thứ nào mình ưa hơn thì sắp trước.

Các thứ bông : CÚC, MAI, LAN, HUỆ, VẠN-THỌ, MỒNG-GÀ, THỦY-HIỀN, HƯƠNG, LÀI, SÚ, NỞ-NGÀY, MÓNG-TAY, SEN, PHÚ-DUNG, TRƯỚC-ĐÀO, THUỘC-DƯỢC.

Cách dự thi : Trả lời câu thứ nhất, ưng điều thứ nhất, hay là ưng điều thứ nhì, và sắp thứ tự 10 thứ bông mà mình thích, như kiểu sau đây ; viết vào giấy trắng thường chớ không cần gì cắt tờ kiểu-in trong báo, song phải viết làm hai bản, một bản gởi cho Báo-quán, một bản giữ lại nhà. Bài thi không cần đề tên họ rõ ràng, chỉ ký tên hiệu hoặc đặt tên riêng, BẠCH-MAI, HỒNG-CÚC gì cũng được.

Cho được dự cuộc thi này dùng thẻ lệ, xin nhớ phải dán vào bài thi 1 cái vé dự thi mà bốn-báo đã dán vào SỐ MÙA XUÂN này, nhằm trang 28.

Quý vị sẽ cắt cái vé đó ra mà dán lên bài thi rồi gởi đến cho bốn-báo trước ngày 10 Mars 1932. Ngoài bao nhớ đề : « DỰ CUỘC THI MÙA XUÂN. » Bài thi nào không dùng các thẻ-lệ thi không được dự.

KIỀU BÀI DỰ THI

Saigon, le 1932.

Tôi, dự cuộc thi MÙA XUÂN P.N.T.V.

Về sự hôn hơn tôi ưng điều thứ

Về các thứ bông tôi thích :

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

6.
7.
8.
9.
10

CÁCH CHẤM THI

Bốn-báo sẽ lập hội-đồng để chấm. Về câu hỏi thứ nhất là để điều-tra cho biết số người ưng điều nào nhiều, điều nào ít, đến câu hỏi thứ nhì thì mới chấm thưởng. Nhưng mỗi bài dự thi buộc phải trả lời câu hỏi thứ nhất, ai không trả lời thì không được chấm.

Về câu hỏi thứ nhì hội-đồng sẽ lựa ra coi thứ bông nào mà được nhiều vị bỏ thăm sắp làm hạng nhất thì định thứ bông đó là hạng nhất, kể đó, nghĩa là số thăm ít hơn là hạng nhì, rồi cứ tuần tự theo số thăm nhiều ít mà sắp cho đủ 10 thứ.

Khi do theo số thăm của quý vị mà sắp thứ tự xong rồi, thì thành ra một bản chánh ; chừng đó sẽ đem bài thi của mỗi vị mà dò lại coi vị nào sắp trúng theo bản đó để định thưởng.

Nếu có nhiều vị đáp trúng y như nhau, (điều này ít khi có) thì sẽ bắt thăm, còn như không có vị nào đáp trúng y theo bản chánh thì sẽ lựa vị nào trúng gần hơn hết.

Khi chấm xong sẽ tuyên-bố lên báo P.N.T.V. Vị nào được trúng sẽ gởi bốn của mình còn giữ lại đó cho Báo-quán và tên họ chỗ ở để gởi phần thưởng đến.

Có 50 phần thưởng xứng đáng sẽ đăng sau.

CHUYỆN VUI

Thắng ác quá !

Quan Tòa hỏi : Nè, hỏi chủ bị chúng đánh và giết tiền đó, là mấy giờ vậy ?

— Tôi có biết mấy giờ đâu ! Vừa xốc lại, nó đã giết mất cái đồng-hồ của tôi ; thiệt thắng ác quá !

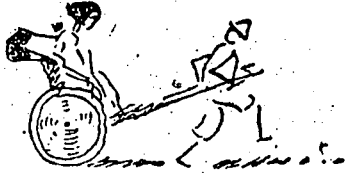
ĐÍNH CHÁNH

Trong bài ca Vọng cổ ở mục Thi-dàn, trang 26, hàng thứ 18, ba chữ «chức vui hầu» xin đọc lại là «chịu vui thân» mới đúng..

Nhơn dịp xin cho độc-giả hay rằng có nhiều bài đã có rao sẽ đăng vào Số Mùa xuân, nhưng không đăng được. Những bài ấy hoặc bỏ luôn, hoặc sẽ đăng vào số thường của bốn báo.



Lịch-sử guốc ngà ngà



Thù guốc không có quai, mỗi chiếc, nơi đầu nó chỉ cắm một cái ngà bằng ngà rồi lay hai ngón chân, cái và nhì, kẹp lấy mà đi, kêu là «guốc ngà ngà». Guốc ấy ngày nay đã tuyệt tích, nhưng đương những năm 1916, 1917, 1918, thì rất thịnh hành ở Saigon, hầu hết đàn-bà sang-trọng đều mang nó. Bởi vậy nó có một cái lịch-sử đáng ghi-nhờ.

Có người biết gốc-gác nó, nói rằng guốc ngà-ngà bắt đầu có bên Nam-dương, dân-bà Ma-lai, Phi-lip-pin mang nó. Bấy giờ có người Tàu buôn-bán ở bên, thấy thì tính rằng có thể đem nó về lưu-hành ở Saigon mà chuyên một mối lợi, bèn đem nó về. Lúc đầu chỉ có vợ Khách dùng nó mà thôi; sau lại, vợ các ông các thầy ở Saigon cho đến Lục-tỉnh đều bắt-chước nhau mà dùng.

Guốc ngà ngà thuở ấy mua một đôi từ những 10\$ hay 12\$. Nhưng mà đến sau, nó càng quý giá hơn nữa, đến 18\$ 20\$ một đôi. Cái thân guốc cũng chỉ là thứ cây tạp, không tốt gì mấy; vì có cặp ngà bằng ngà, mà mắc đến như thế. Theo người biết họ nói thì cũng chẳng phải bằng ngà thật đâu, bằng xương mà trau chuốt khéo lắm, coi giống như ngà. Hồi đó bọn Khách buôn thứ guốc này đã được lợi không biết bao.

Khi giá nó lên đến tột bậc là 18\$ 20\$ một đôi rồi nó cũng bắt đầu tuyệt tích. Sự này do một cái cơ; mà ai đã biết cái cơ ấy thì cũng biết tờ báo thật là quan-hệ, nó cầm cả phong-tục xã-hội và vận-mạng sự buôn-bán vào trong tay.

Nguyên có một vài người khổ vì vợ mình cứ đòi xài guốc ngà ngà, tốn tiền quá, chịu không kham, bèn mưu với một tay làm báo, kiếm chuyện viết lên trên báo đề nhát đàn-bà cho họ đứng dưng nữa. Họ làm chơi như vậy mà té ra kiến hiệu như thần.

Lúc đó có tờ báo Quốc-ngữ ở Saigon, đăng bài nói rằng đàn-bà mang guốc ngà ngà thì sẽ mắc bệnh đau từ-cung. Họ dựng chứng ra, kể những bà nào cỡ nào đó vào nằm nhà-thương, quan thầy xét ra vì mang guốc ngà ngà mà từ-cung đều bị bệnh. Bết: hồi ấy có chất độc, hằng ngày đa thật cơ vào nó thì chất độc ấy ăn vào người mà sanh bệnh.

Bà này truyền cho bà kia, cổ kia học cùng cô nọ, ai nấy sợ đau từ-cung, từ ấy không dám đi guốc ngà ngà, làm cho các chủ mất mỗi lợi to.

Tờ báo đó, có người nói là tờ «Lục-tỉnh-Tân-văn»; người viết đó, là ông Trần-văn-Chiến; người lập mưu đó, là ông Trần-triều-Vinh, làm việc ở bót Giếng nước. Người chép đây chỉ nghe vậy mà thôi, chứ hồi đó không có ở Saigon, không rõ thật hư.

Nghe cn' có câu chuyện vợ đánh chồng mà lúc bấy giờ người ta đặt tên là «ngà ngà đại-chiến» nữa, làm cho cái lịch-sử guốc ngà ngà thêm một cái tài-liệu hay. Chẳng có gì lạ hơn là có nó như: lúc giận chồng, nhè xách đôi guốc ngà ngà đương đi mà nện, vào lưng. Guốc ngà ngà không phải như guốc quai ngang bằng đá hay bằng cao-su bây giờ; nó có cặp ngà, đánh vào thì đau lắm, nên mới kêu là «ngà-ngà đại-chiến».

Tân tiều lâm

THẮNG LÀM BIẾNG HẾT SỨC

Ban đêm, có hai thầy trò ngủ trong một cái nhà nhỏ. Thầy ngủ trên giường; còn đưa tờ trải chiếu ngủ dưới đất, gần giường. Người chủ kêu:

— Mày, dậy ra coi ở ngoài có phải trời mưa không mày?

Thằng dậy-lò ngủ mê quá. Kêu, như vậy mấy lần nó mới tỉnh dậy. Nó dụi dụi con mắt rồi nói rằng:

— Thưa thầy mưa ư.

— Làm sao mày nhìn đó mày biết?

— Thưa thầy con mèo vó dấy rồi.

— Con mèo vó, sao mày biết trời mưa?

— Thưa thầy, tôi rõ thấy lông nó ướt.

— Thôi được, người chủ nói, mày đứng dậy tắt cái đèn đi cho tao, kéo sáng tao ngủ không được.

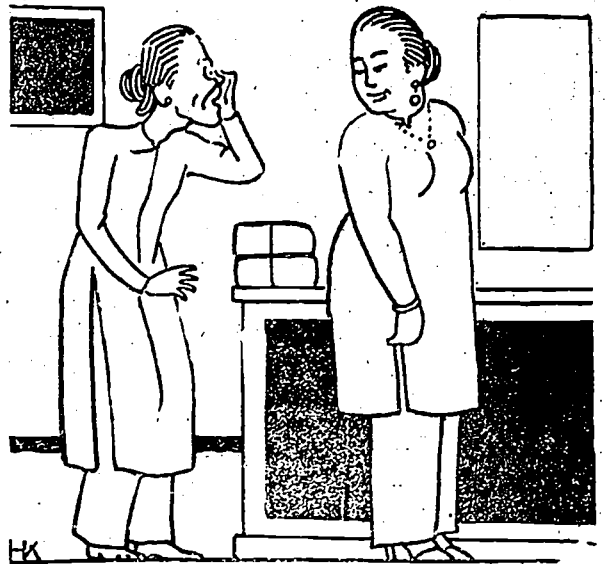
— Dạ, thưa thầy được rồi, thầy cứ lấy mền trùm đầu lại thì hết sáng.

— Cái thằng làm biếng hết sức thì thôi! Mày dậy đóng luôn cái cửa thừ coi.

— Thưa thầy, vậy mà thầy còn nói tôi làm biếng! Bây giờ tôi làm cho thầy hai việc rồi; bây giờ còn có một việc đóng cửa nữa, thầy làm đi thì thầy cũng còn chưa sáng bằng tôi.

Nói vậy rồi thằng làm biếng trở mình qua, đánh một giấc tới sáng.

Một cuộc đò



Do theo hình trên đây, xin đọc gì nghĩ giùm một bài văn tắt theo lối văn đáp cho vui và có ý nghĩa hay rồi gửi đến cho bổn-báo.

Bài nào hay sẽ đăng báo và thưởng cho tác-giả một năm P.N.T.V.



HỘI CHỢ' CỦA PHỤ NỮ' NĂM 1932

Sẽ mở từ ngày 1^{er} cho tới 7 Mai tại Saigon

Trong bài đầu hết của tập báo đặc-biệt này có nói sang năm 1932 phụ-nữ Việt-nam sẽ làm ba việc, mà một việc là mở « Nữ-công triển-lâm hội ».

Việc ấy, chúng tôi đã bắt đầu lo tính thiết hành rồi. Tức là « Hội chợ của phụ-nữ » như đã rao trên đây ; vì nói « Nữ-công triển-lâm hội » nghe hơi lạ tai, nên mới bán đổi lại là « Hội chợ của phụ-nữ, » cho dễ kêu và dễ hiểu.

Sở dĩ có cuộc sáng-khởi này là vì năm ngoái, trong cuộc chợ đêm mở để giúp nạn dân Nghệ-Tĩnh tại Saigon, bữa 7 Novembre, Bồn-báo có tổ-chức một cuộc Đấu-xảo Nữ-công mà được thành-tích rực rỡ lắm. Sau đó, những chị em đã tới dự, nhiều người tới liền nhà báo hay là về rồi viết thơ cho chúng tôi, khen ngợi việc chúng tôi đã làm và ước ao rằng chợ chỉ mỗi năm phụ-nữ ta có một cuộc như vậy thì hay lắm. Đó rồi chúng tôi đem bàn với các bà các cô ở Saigon thì hết thấy đều biểu đồng-tinh.

Phàm việc gì, hề nói thì làm, chúng ta chẳng khá dự-dự.

Bởi vậy các bà các cô đồng ưng bắt đầu tổ-chức cuộc ấy ngay trong năm 1932 này, đặt tên là « Hội chợ của phụ-nữ, » rồi về sau mỗi năm mỗi có.

Về năm 1932 này, Hội-chợ của phụ-nữ sẽ mở tại Saigon, nhằm ngày 1^{er} cho tới 7 Mai, vừa một tuần lễ.

Hiện nay chúng tôi đã phác-hoạ mọi công việc về cuộc Hội-chợ ấy rồi. Đợi xong Tết ta, sẽ có một Hội-dồng tổ-chức được cử lên và bắt đầu làm việc.

Từ nay đến đó còn hơn ba tháng, tưởng chị em ở Lục-tỉnh và các nơi cũng có đủ thì giờ mà dự-bị các vật đem bày và bán. Vậy chúng tôi xin rao trước lên đây về *cái ngày* và *cái chỗ* cho chị em biết ; còn về thề-lệ kỷ-càng, xin đợi sau khi ban tổ-chức quyết định, chúng tôi sẽ đăng sau.

Việc công-nghệ, việc thương-mãi của một dân-tộc hay của cả và thế-gian cũng đều nhờ có những cuộc Đấu-xảo, Chợ-phiên mà mới phát-dật và lưu-thông càng ngày càng hơn. Thế thì về việc công-nghệ thương-mãi của phụ-nữ ta cũng không ngoài cái lẽ ấy.

Vậy xin chị em ta lo dự-bị những đồ thêu, đồ may, đồ vẽ, đồ dệt... cùng bất-luận những đồ gì khác mà do tay chị em làm ra, như là bánh, mứt v...v... để đến ngày đó đem ra trưng bày và bán tại Hội-chợ cho càng đủ và đẹp hơn cuộc Đấu-xảo nhỏ nhỏ trong đêm 7 Novembre năm ngoái.

Ấy là một việc khuyến-khích Nữ-công, có ý-nghĩa hay lắm, xin chị em hưởng-ưng và lo dự-bị đi.

PHỤ-NỮ-TÂN-VĂN



DÉPÔT LÉGAL
tirage 7000
le 30/4/1972

Imprimerie J^{re} Viêt
Saigon